

Số: 28 / 2013 / TT-BNNPTNT	
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 4885
	Ngày: 17/6

Hà Nội, ngày **31** tháng **5** năm 2013

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;
Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
được phép lưu hành tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/03/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, Phụ lục 1.
2. Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, Phụ lục 2.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày **15** tháng **7** năm 2013.
2. Thông tư này thay thế các Thông tư sau:
 - a) Thông tư số 31/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;
 - b) Thông tư số 32/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;

c) Thông tư số 77/2011/TT-BNNPTNT ngày 04/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;

d) Thông tư số 15/2012/TT-BNNPTNT ngày 30/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;

đ) Thông tư số 58 /2012/TT-BNNPTNT ngày 07/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ, các cơ quan ngang Bộ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế-Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Cục Thú y.



Vũ Văn Tám

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 1. DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28/2013/TT-BNNPTNT**,
ngày **31** tháng **5** năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

A. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC.

HÀ NỘI

1. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TW I (VINA VETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	B.complex for oral	Vitamin nhóm B	Gói	30g; 100g	Tăng cường trao đổi chất, kích thích sinh trưởng, chống nóng, giải độc	TWI-X3-3
2.	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Gói	0,5; 20; 50; 100g	Trị hen suyễn, CRD, hồng ỷ, viêm phổi, viêm xoang	TWI-X3-7
3.	AD Polyvix	Vitamin A, D, E,B	Gói	200g	Tăng cường trao đổi chất, kích thích lợn nái tiết sữa, tăng trọng	TWI-X3-9
4.	ADE B.complex	Vitamin A, D,E,B	Gói	150;500g;1;2;5; 10kg	Kích thích tiết sữa, tăng trọng, tăng sản lượng trứng	TWI-X3-15
5.	Neo-te-sol	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	10,25,50,100g 500g;1;2;5; 10kg	Trị viêm ruột, E.coli, PTH, bạch ỷ, phân trắng lợn con, CRD, viêm phổi	TWI-X3-16
6.	Terramycin 500	Tetracyclin, Viatmin A,D,E	Gói	5g	Trị CRD, viêm ruột, tiêu chảy, THT.	TWI-X3-36
7.	Ampisultryl	Ampicillin, Sulfadiazin	Gói	5, 10, 50g	Điều trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, đường sinh dục	TWI-X3-38
8.	Tylosin tartrate 50%	Tylosin tartrate	Gói	10, 25, 50, 100; 500g;1;2;5;10kg	Trị hen gà, suyễn lợn, viêm đường hô hấp.	TWI-X3-39
9.	Sulmix-plus	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	10, 20, 100g	Trị viêm phổi, sưng phù đầu gà, hội chứng tiêu chảy, liên cầu, viêm xoang	TWI-X3-40
10.	Rigecoccin	Rigecoccin	Gói	10g	Trị cầu trùng gia súc, gia cầm	TWI-X3-42
11.	Tiamulin	Tiamulin	Gói	20,50,100; 500g; 1;2;5;10kg	Trị CRD, viêm phổi truyền nhiễm, hồng ỷ, tụ huyết trùng	TWI-X3-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12.	Stress-bran	Vitamin, nguyên tố vi lượng	Gói	100;200;500g 1;2;5;10kg	Tăng sức đề kháng, chống stress	TW1-X3-60
13.	Neox	Oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói	100g	Trị viêm ruột ỉa chảy, E.coli, PTH, bạch ỉy, phân trắng lợn con, CRD, viêm phổi	TW1-X3-61
14.	Neoxin	Oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói	100g	Trị viêm ruột ỉa chảy, E.coli, PTH, bạch ỉy, phân trắng lợn con, CRD, viêm phổi	TW1-X3-62
15.	Điện giải+Bcomplex	Vitamin, chất điện giải	Gói	100, 200g 500g; 1;2;5; 10kg	Bù điện giải, chống nóng, giải độc	TW1-X3-86
16.	Ampicoli fort	Ampicilin, Colistin	Gói	20, 50, 100g	Trị CRD, viêm phổi, E.coli, pho thương hàn, viêm tử cung	TW1-X3-100
17.	Bactrim fort	Tylosin, Sulfadiazin	Gói	20, 50, 100, 500g	Trị viêm xoang, Coli bại huyết, tụ huyết trùng, đóng dấu	TW1-X3-101
18.	Thuốc Gumboro	Flumequine, Paracetamol	Gói	10, 20, 50, 100g	Dùng kết hợp trong điều trị bệnh Gumboro	TW1-X3-105
19.	Tetramysol	Levamisol	Gói	2g	Tẩy giun tròn	TW1-X3-157
20.	Zusavet	Levamisol HCl	Gói	5,10,20,50,100g	Tẩy giun tròn	TW1-X3-173
21.	Vitamin B1	Vitamin B1	Gói	100, 500, 1000g	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng	TW1-X3-182
22.	Vitamin C	Vitamin C	Gói	100, 500, 1000g	Trị suy nhược cơ thể, nhiễm độc, stress, tăng cường trao đổi chất	TW1-X3-183
23.	Glucosa	Glucosa	Gói	100;500g;1; 5kg	Chống nóng, giải độc, cơ thể suy nhược	TW1-X3-184
24.	Tetracyclin	Tetracyclin	Gói	100, 500, 1000g	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, E.coli, tiêu chảy, kích thích tăng trưởng	TW1-X3-185
25.	Vinateri	Doxycyclin hyclat, Tylosin tartat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy ở lợn, bê, ghé, dê, cừu. gia cầm: CRD, CCRD, THT, Phô thương hàn, phân trắng, phân xanh	TW1-X3-2
26.	Ugavina	Colistin sulphat, Amoxicilin trihydrat, Vitamin B1, HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, Sô mũi truyền nhiễm, Viêm Dạ dày-ruột ở gia cầm.	TW1-X3-11
27.	Vinaderzy	Erythromycin thiocyanat, Colistin sulphat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, Viêm sô mũi truyền nhiễm, THT cho gia cầm, thủy cầm.	TW1-X3-41
28.	Vinacol	Colistin sulphat, Amoxicilin trihydrat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột gây ra bởi E.coli, Salmonella, Cl. Campylobacter ở gia cầm, lợn, bê, ghé, dê, cừu .	TW1-X3-43

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
29.	Vinacosul	Colistin sulphat, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh do E.coli, Proteus, Staphylococcus, A. aerogenus, Salmonella cho gia cầm, lợn, thỏ, bê, ngựa, dê, cừu.	TWI-X3-44
30.	Tetamedin	Oxytetracyclin, Sulfadimidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm dạ dày ruột trên bê, ngựa, lợn, dê non, cừu non.	TWI-X3-37
31.	Anti- CRD	Spiramycin, Bromhexin Trimethoprim,	Gói	10;20;50;100;200; 500g;1;2;5;10 kg	Trị bệnh tụ huyết trùng, suyễn, viêm phổi, phó thương hàn trên gia súc, gia cầm.	TWI-X3-58
32.	Vinacoc.ACB	Sulfachlozin	Gói	10;20;50;100;200; 500g;1;2;5;10 kg	Trị cầu trùng trên gia cầm.	TWI-X3-64
33.	Antidiarrhoea	Colistin, Neomycin	Gói	10;20;50;100;200; 500g;1;2;5;10 kg	Trị viêm nhiễm dạ dày- ruột trên lợn con, bê, ngựa, gia cầm.	TWI-X3-75
34.	Anticoccid	Diaveridin, Sulfaquinoxalin	Gói	10;20;50;100;200; 500g;1;2;5;10 kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, cầu trùng trên gia cầm.	TWI-X3-82
35.	Colivinavet	Oxytetracyclin, Neomycin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1;2;5;10kg	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm Oxytetracyclin, Neomycin trên lợn, bê, ngựa, gia cầm	TWI-X3-85
36.	Gentacosmis	Sulfadimidin, Trimethoprim,	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột, hội chứng MMA trên lợn, gia cầm.	TWI-X3-141
37.	Trị khạc vệt	Colistin, Erythromycin, Bromhexin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm đa khớp trên gia cầm.	TWI-X3-142
38.	Tiêu chảy heo	Colistin, Sulfaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường ruột trên heo.	TWI-X3-143
39.	Coxidin	Sulphquinoxalin Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá và bệnh cầu trùng trên gia cầm	TWI-X3-17
40.	Colispyrin	Spiramycin Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn mẫn cảm với Spiramycin và Colistin gây ra	TWI-X3-161
41.	Trisulfon depot	Sulfadimidine, Sulfaguanidine,Bismuth nitrat	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày- ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine và Sulfaguanidine trên bê, ngựa, lợn con.	TWI-X3-59
42.	Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ,Hộp	1; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với ceftiofur	TWI-X3-193
43.	Trisulfon-Depot	Sulfamonomethoxin sodium	Gói	10; 20; 50; 100; 500g	Trị sốt mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	TWI-X3-200

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
44.	Vinatral	Levamisole, Niclosamide	Vi	6 viên	Trị giun sán cho chó, mèo	TW1-X3-206
45.	Vinaflor 4%	Flortenicol	Gói	20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW1-X3-208
46.	Gentalylodex oral	Gentamycin sulfate; Tylosin tartrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa: viêm phổi, viêm màng phổi, CRD, CCRD, tụ huyết trùng, viêm ruột, T.G.E, ỉa chảy, thương hàn do vi khuẩn nhày cảm với Gentamycin và Tylosin gây ra trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	TW1-X3-209
47.	Vina - poultry	Fosfomycin sodium Tylosin tartrat	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1 kg.	Trị viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm	TW1-X3-212
48.	Penicillin G potassium	Penicillin G potassium	Lọ	1;2,3,4;5;10tr UI 800.000UI	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (+) như đóng dấu, tụ thư ngựa, viêm phổi, màng phổi, leptó,	TW1-X3-4
49.	Streptomycin sulphate	Streptomycin sulfate	Lọ	1;2,3,4;5;10g	Trị sảy thai truyền nhiễm, đường ruột, THT, listeriosis, viêm màng phổi	TW1-X3-5
50.	Ampicillin 500	Ampicillin	Lọ	0,5g	Trị viêm phổi, viêm phế quản-phổi, E.coli, phó thương hàn, tụ huyết trùng	TW1-X3-18
51.	Oxytetracyclin HCl BP	Oxytetracyclin	Lọ	0,5g	Trị viêm phổi, viêm phế quản-phổi, viêm phổi truyền nhiễm, leptó, PTH.	TW1-X3-24
52.	Kanamycin sulphat	Kanamycin sulfate	Lọ	1g	Trị tụ cầu khuẩn, nhiệt thân, viêm phổi, E.coli, viêm phúc mạc	TW1-X3-30
53.	Azidin	Diminazen, Diaceterat	Lọ	1g	Trị tiên mao trùng, lê dạng trùng, té lê trùng, huyết bào tử trùng	TW1-X3-56
54.	Ampi-Kana	Ampicillin sodium, Kanamycin sulfat	Lọ	1g, 50ml, 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, E.coli, viêm khớp	TW1-X3-66
55.	Pen-strep	Penicillin G, Streptomycin	Lọ	1; 1,5; 2; 3; 4; 5; 10 trUI	Trị THT, viêm phổi, đóng dấu, Lepto	TW1-X3-73
56.	Pen-Kana	Kanamycin, Penicilin	Lọ	0,5g Kana 500.000UI Peni	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, nhiệt thân, uốn ván, đóng dấu	TW1-X3-96

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
57.	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100 500ml	Trị bệnh do các vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra	TWI-X3-1
58.	Tylosin 10%	Tylosin tartrate	Lọ	5, 50, 100ml	Điều trị bệnh do mycoplasma, treponema, hen suyễn, CRD, hồng ly	TWI-X3-6
59.	Spectam SH	Spectinomycin	Lọ	5ml	Trị bệnh lợn con phân trắng	TWI-X3-8
60.	Cafein natribenzoat	Cafein	Ống Lọ	5ml 100ml	Điều trị cơ thể bị suy nhược, suy tim, bị ngộ độc, kích thích hưng phấn.	TWI-X3-13
61.	Strychnin sulphate 0,1%	Strychnin	Ống	2ml	Điều trị cơ thể suy nhược, thần kinh rối loạn, nhược cơ	TWI-X3-14
62.	Chlor-tylan	Tylosin, Doxycylin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, suyễn, tiêu chảy, phó thương hàn, viêm teo mũi	TWI-X3-19
63.	Vitamin B1 2,5%	Vitamin B1	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-20
64.	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Điều trị suy nhược cơ thể, nhiễm độc., stress, tăng cường trao đổi chất	TWI-X3-21
65.	B.complex inj	Vitamin B	Lọ, ống	20, 50ml, 100ml 2ml, 5ml	Kích thích tiêu hóa, tăng cường trao đổi chất, nâng cao sức khoẻ	TWI-X3-25
66.	A,D ₃ ,E hydrovit for oral	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Kích thích tăng trọng, sinh sản, tăng cường sức đề kháng	TWI-X3-27
67.	ADEB.complex	Vitamin A, D, E, B	Ống, Lọ	5ml 10,20,100,500ml	Kích thích tăng trọng, sinh sản, tăng cường sức đề kháng	TWI-X3-28
68.	Kanamycin 10%	Kanamycin sulfate	Ống, Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị tụ cầu khuẩn, nhiệt thán, viêm phổi, E.coli, viêm phúc mạc	TWI-X3-31
69.	Gentamycin 4%	Gentamycin sulfate	Ống Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phúc mạc, nhiễm trùng huyết, E.coli, P. thương hàn	TWI-X3-32
70.	Kanavet	Kanamycin	Ống,Lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị khuẩn, viêm khớp, E.coli, viêm vú	TWI-X3-33
71.	Gentatylodex	Tylosin, Gentamycin, Dexamethasone	Ống,Lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, kiết lỵ, thương hàn, viêm ruột	TWI-X3-34
72.	Analgin	Analginum	Ống,lọ	2, 5, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt, thấp khớp, co thắt ruột	TWI-X3-35
73.	Tiamulin 10%	Tiamulin	Ống, Lọ	5ml 10, 50, 100ml	Trị CRD, viêm phổi truyền nhiễm, hồng ly, tụ huyết trùng	TWI-X3-45

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
74.	Levamisol 7,5%	Levamisol	Ông,Lọ	5,10, 20, 100ml	Tẩy các loại giun tròn	TWL-X3-48
75.	Vinaentro 5%	Enrofloxacin, HCl	Ông,Lọ	5,10,20;50;100; 250; 500ml; 1l	Phòng, trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin.	TWL-X3-49
76.	Erythracin	Erythromycin, Oxytetracyclin	Ông Lọ	5ml 50ml, 100ml	Trị Tụ huyết trùng, viêm phổi, đóng dấu, viêm vú, CRD	TWL-X3-50
77.	Septotryl 24%	Sulfadiazin, Trimethoprim	Ông, Lọ	5ml 10, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng, viêm phổi, viêm ruột, viêm vú	TWL-X3-53
78.	Colistam	Colistin, Ampicilin	Lọ	10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm rốn	TWL-X3-55
79.	Fatra	Colistin sulphat, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Đặc trị phân trắng lợn con, tiêu chảy mất nước trước và sau cai sữa.	TWL-X3-54
80.	Vina-Edema	Colistin sulphat, Kanamycin monosulphat	Ông,Lọ	5;10;20;50;100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn mủn cảm với Kanamycin và Colistin gây ra.	TWL-X3-63
81.	Neo KD	Neomycin sulfate, Kanamycin sulfate	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, bại huyết, tụ huyết trùng, viêm tử cung, viêm vú	TWL-X3-67
82.	NCD	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Ông Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị phân trắng, phó thương hàn, E.coli, bạch lỵ	TWL-X3-68
83.	Coli KN	Colistin, Kanamycin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml;1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu,nhiễm trùng da trên trâu, bò, chó, mèo.	TWL-X3-69
84.	Thiamphenicol 10%	Thiamphenicol	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml;1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol gây ra trên trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm.	TWL-X3-70
85.	Oxy L.A	Oxytetracyclin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	TWL-X3-71
86.	Norcoli-TWI	Norfloxacin	Ông,Lọ	5,10, 20, 50, 100ml	Trị phân trắng, tiêu chảy, phó thương hàn, bạch lỵ, viêm phổi, CRD	TWL-X3-72
87.	Coli D	Colistin	Lọ	50, 100ml	Trị tiêu chảy, E.coli dung huyết, PTH.	TWL-X3-74
88.	Kanatalin	Kanamycin, Tiamulin	Ông,Lọ	5,10,50, 100ml	Trị THT, viêm phổi, suyễn, hồng lỵ	TWL-X3-79
89.	Specilin	Spectinomycin, Lincomycin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml;1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do VK nhạy cảm với Spectinomycin, Lincomycin gây ra	TWL-X3-80

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
90.	Pneumotic	Tylosin, Bromhexin Oxytetracyclin,	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, hội chứng tiêu chảy, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn.	TWI-X3-81
91.	Lincomycin	Lincomycin	Ống, Lọ	5, 20, 50, 100ml	Trị tụ cầu, liên cầu, viêm phổi, nhiễm trùng huyết	TWI-X3-84
92.	Ampi-KD	Ampicilin, Kanamycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục	TWI-X3-90
93.	Ampicoli .D	Ampicilin, Colistin	Ống, Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi	TWI-X3-91
94.	Bioticolin	Colistin, Tiamulin	Lọ	5, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, viêm teo mũi, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy	TWI-X3-94
95.	Biocomycine	Colistin, Spiramycin	Ống Lọ	5ml 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, tụ huyết trùng, sảy thai truyền nhiễm	TWI-X3-95
96.	Vitamin K 1%	Vitamin K	Ống, lọ	2ml; 100ml	Cầm máu, bại huyết	TWI-X3-97
97.	Lincosep	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, tiêu chảy, phân trắng lợn con	TWI-X3-98
98.	Spectyl	Tylosin, Spectinomycin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, sổ mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, E.coli, phó thương hàn	TWI-X3-99
99.	Tetramulin	Tiamulin, Chlortetracyclin	Lọ	5, 10, 50, 100, 250ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, CRD, Leptospirosis, hồng lỵ	TWI-X3-104
100.	Poly AD	Vitamin A, D, E	Lọ	20, 100ml	Kích thích tăng trưởng, sinh sản, tăng sản lượng trứng	TWI-X3-107
101.	Calci B12	Vit B12, Calci gluconat	Lọ	5, 10, 50, 100, 250 ml	Trị bại liệt, co giật, hạ đường huyết	TWI-X3-110
102.	Oxycin	Oxytetracyclin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị đóng dấu, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, Leptospirosis	TWI-X3-113
103.	Coli SP	Colistin sulfate, Spectinomycin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị phân trắng, viêm dạ dày-ruột, CRD, viêm xoang, viêm tử cung	TWI-X3-116
104.	Amoseptyl	Amoxycillin, Sulfadimezin	Lọ	50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, phân trắng, viêm phổi	TWI-X3-117
105.	Gentamox	Gentamycin sulfate, Amoxycillin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị viêm vú, nhiễm trùng huyết, đóng dấu, uốn ván, nhiệt thán	TWI-X3-118
106.	Tylosul	Tylosin tartrate, Sulfadimezin	Lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Trị viêm phổi, viêm xoang, tụ huyết trùng, viêm vú, CRD	TWI-X3-120

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
107.	Coli-T.T.S	Colistin sulfate, Tylosin tartrate	Lọ	5, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, viêm vú, viêm teo mũi truyền nhiễm, thương hàn	TW1-X3-124
108.	Sulmutin	Sulfadimezin, Tiamulin	Lọ	20, 50, 100ml	Trị suyễn, hồng ỉy, CRD, viêm vú, ung khí thán, uốn ván	TW1-X3-125
109.	Tyloetrasol	Tylosin tartrate, Oxytetracyclin	Lọ	5, 20, 50, 250, 100ml	Trị suyễn, CRD, tụ huyết trùng	TW1-X3-128
110.	Feridextran + B12	Fe, Vitamin B12	Ông,Lọ	2,20ml, 100ml	Bổ sung sắt và vitamin B12	TW1-X3-144
111.	Leptocin	Tylosin, Oxytetracyclin	Lọ	10, 20ml	Trị leptospirosis, viêm phổi, hồng ỉy	TW1-X3-155
112.	Atropin sulfat	Atropin sulfate	Ông	2ml	Chống co thắt ruột, dạ con, bàng quang, giảm tiết dịch ruột	TW1-X3-159
113.	Amino-B12	Amino acid, Vitamin B12	Lọ	20,50,100,500ml	Thiếu máu, bồi bổ cơ thể	TW1-X3-169
114.	Fasiolid	Nitroxinil	Lọ	10, 20, 50ml	Tẩy sản lá	TW1-X3-171
115.	Novocain 3%	Novocain	Ông	2ml	Giảm đau, gây mê, phong bế thần kinh	TW1-X3-174
116.	Vitamin B12	Vitamin B12	Ông	2ml	Bổ máu, kích thích tăng trưởng	TW1-X3-178
117.	BoGamma	Methionin, Vitamin b6	Ông,Lọ	5, 10, 30, 50ml 100ml	Bổ gan, lợi mật, Leptospirosis, tiêu chảy, Dyspepsia	TW1-X3-181
118.	Urotropin	Urotropin	Ông,Lọ	2,5;50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu, viêm cơ,	TW1-X3-186
119.	Vinarnectin	Ivermectin	Lọ	10, 20, 50,100ml	Tẩy giun tròn, ghẻ, ve, bọ chét	TW1-X3-188
120.	Vinathazin	Promethazini HCl	Ông	5ml	Chống dị ứng, thần kinh bị kích thích, chống co giật, phù thũng lớn con	TW1-X3-189
121.	Vinadoxin	Doxycyclin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml;1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản trên trâu, bò, lợn	TW1-X3-92
122.	Anflox-T.T.S	Colistin, Tiamulin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml;1l	Trị hồng ỉy, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	TW1-X3-122
123.	PTLC	Colistin, Spectinomycin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml;1l	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Spectinomycin trên dê non, cừu non, lợn con	TW1-X3-152
124.	Quinoxalin Oral	Sulfadimidin Sulphaguinoxalin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100 500ml	Trị bệnh cầu trùng đường ruột, viêm mũi, nhiễm cầu trùng	TW1-X3-102
125.	Ivermectin 1%	Ivermectin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu bò, dê cừu, lợn.	TW1-X3-119

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
126.	Spyramycin inj	Spyramycin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị Mycoplasma, bệnh đường hô hấp và đường ruột, viêm khớp, vú trên trâu, bò, bê nghé, dê cừu, lợn	TWI-X3-121
127.	Bromhexin 0,3%	Bromhexin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh phế quản, phổi cấp và mãn tính liên quan đến tiết chất nhầy bất thường	TWI-X3-126
128.	Erythromycin 20	Erythromycin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin	TWI-X3-154
129.	Flumequin 18	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do Salmonella, Pasteuralla, Colibacillus trên bê, nghé, gia cầm.	TWI-X3-160
130.	Amox L.A 15%	Amoxicillin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do Pasteuralla gây ra trên trâu, bò, cừu, lợn.	TWI-X3-168
131.	Danofloxacin	Danofloxacin	Ống,Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm nhiễm ở đường hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, lợn.	TWI-X3-192
132.	Fosformicin	Fosformicin, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50;100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	TWI-X3-194
133.	Linco-Gen	Gentamycin, Lincomycin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy và viêm khớp.	TWI-X3-195
134.	Analgin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Tác dụng giảm đau, chống phong thấp và sốt.	TWI-X3-196
135.	Gluco-C	Glucose, Vitamin C	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trợ sức, tăng sức đề kháng cho cơ thể	TWI-X3-197
136.	Vinaflocol	Florfenicol	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-198
137.	Vinacef	Ceftiofur	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi- màng phổi, THT, viêm từ cung, viêm khớp, móng trên trâu, bò, lợn.	TWI-X3-199
138.	Flodoxin	Florfenicol, Doxycycline	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm từ cung, viêm đạo, viêm màng não.	TWI-X3-201
139.	Vinasone	Tylosin tartrate Thiamphenicol	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng huyết, hội chứng viêm vú- từ cung- mất sữa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	TWI-X3-202
140.	Vina-cox	Toltrazuril	Lọ	5;10;50;100;500 ml	Trị cầu trùng gia cầm	TWI-X3-203

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
141.	Vinatosal	Vit B12, Butaphosphan	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Cung cấp vitamin, P hữu cơ kích thích sự biến dưỡng.	TW1-X3-207
142.	Vina-Drax	Tulahromycin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với P haemolytica, P. multocida, Haemophilus, Mycoplasma, Actinobacillus pleuropneumoniae gây ra trên trâu, bò, lợn.	TW1-X3-210
143.	Vina-cox 5%	Toltrazuril	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Phòng và điều trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con theo mẹ, bê, nghé, cừu con.	TW1-X3-211
144.	Vina-san	Praziquantel	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Trị sán trên chó, mèo: Echinococcus spp, Dipylidium caninum, Mesocostoides spp, Joyeuxiella pasqualei	TW1-X3-213
145.	Vina-Decol	Tolfenamic	Ông, Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1L	Giảm đau, hạ sốt chống viêm trên trâu, bò, lợn, chó, mèo.	TW1-X3-215
146.	Vina-Tilmo	Tilmicosin Phosphat	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1L	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, cừu.	TW1-X3-216
147.	Vina-Tilmo oral	Tilmicosin Phosphat	Gói, hộp, thùng 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g;	Trị bệnh hô hấp trên lợn, gia cầm.	TW1-X3-217
148.	Vina-Bcomplex C	Vitamin B1, B6, PP, Vitamin C	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1L.	Phòng và điều trị bệnh do thiếu Vitamin, tăng cường sức đề kháng, nhanh chóng phục hồi sau bệnh, chống stress trên gia súc.	TW1-X3-218
149.	Vina-Colidox	Doxycyclin hyclate Colistin Sulfate	Gói, hộp, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên gia cầm.	TW1-X3-219
150.	Vina-econo 10	Valnemulin HCL	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 25kg	Trị lỵ, suyễn, viêm ruột trên lợn.	TW1-X3-220
151.	Vina-Fenben	Fenbendazole	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Tẩy giun, sán ở phổi, ở đường ruột, thận cho gia súc, gia cầm.	TW1-X3-221

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
152.	Vina-Neodox	Doxycyclin hyclate Neomycin	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng máu trên bê, nghé, lợn, gà	TW1-X3-222
153.	Vina-tetracolivit	Oxytetracycline HCl Colistin, Vitamin A; D ₃ , E, K ₃ , B ₂ , B ₁₂ .	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, CRD, chống stress do thay đổi môi trường, tiêm phòng trên gia cầm.	TW1-X3-223
154.	Vina-Zidin	Diaminazen aceturat	Óng, Chai	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị tiền mao trùng, ký sinh trùng đường máu trên gia súc.	TW1-X3-224
155.	Vina-Paragin	Analgin, Paracetamol	Óng, Chai	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Hạ sốt trong bệnh nhiễm trùng cấp, kháng viêm, chống stress, giảm đau trên gia súc	TW1-X3-225

2. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ VẬT TƯ THÚ Y (HANVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Penicillin G	Penicillin G potassium	Lọ	1;2;3;4;5;10 tr. IU	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+)	TW-X ₂ -1
2.	Streptomycin	Streptomycin sulfate	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10 gr	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (-)	TW-X ₂ -2
3.	Hanoxylin® 10% Hanoxylin® LA	Oxytetracyclin	Lọ	10 ml, 20 ml, 50 ml, 100 ml	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr(+), Gr(-), Xoắn khuẩn, Mycoplasma.	TW-X2-3
4.	Gentamicin	Gentamicin sulfate	Óng; Lọ	5 ml; 5 ml, 20, 50, 100 ml	Chữa nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X ₂ -4
5.	Ampicillin-500 Ampicillin-1000	Ampicillin sodium	Lọ	50, 100, 500 mg	Chữa nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X ₂ -5
6.	Pen-Strep	Penicillin G potassium, Streptomycin sulfate	Lọ	1, 5; 2; 3; 4; 10g	Chữa nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X ₂ -6
7.	Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Lọ Gói	500 mg; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 50; 100; 500 g; 1kg	Chữa bệnh đường hô hấp, tiêu hoá do xoắn khuẩn, Mycoplasma	TW-X ₂ -7
8.	Tetracain-100	Tetracyclin HCl	Gói	100 g	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X ₂ -8
9.	Chlortiadexa	Chlortetracyclin HCl Tiamulin HF, Dexa	Óng, Lọ	5 ml, 10 ml, 100 ml	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-), Mycoplasma.	TW-X ₂ -9
10.	Vitamycin	Doxycyclin, Vitamin B, C	Gói	5, 6, 10, 50, 100g	Phòng và chữa các bệnh ở đường tiêu hoá	TW-X ₂ -12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11.	Sulmepy	Sulfadimidin sodium	Lọ	1 g	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá	TW-X ₂ -13
12.	Trypanosoma	Trypanidium	Lọ	200; 150 mg	Phòng và chữa bệnh ký sinh trùng đường máu	TW-X ₂ -14
13.	Kanamycin	Kanamycin sulfate	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10g	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X ₂ -15
14.	Mebendazol 10%	Mebendazol	Gói	4 g; 100 g; 500 g	Thuốc tẩy giun tròn và sán dây	TW-X ₂ -16
15.	B-complex	Vit. B ₁ , B ₆ , B ₂ , PP, B ₅ , B ₁₂	Lọ, Gói	30 g; 100; 500, 1kg	Phòng và chữa bệnh thiếu vitamin nhóm B	TW-X ₂ -17
16.	ADE-tan trong nước	Vitamin A, D ₃ , E	Gói	100; 500 g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin A, E, D ₃ .	TW-X ₂ -18
17.	Nước cất tiêm	Nước cất hai lần	Ông; chai	5 ml; 100; 500 ml	Nước cất pha tiêm	TW-X ₂ -21
18.	Vitamin B ₁ 2,5%	Vitamin B ₁ HCl	Ông; Lọ	5 ml; 100 ml	Phòng và chữa bệnh thiếu vitamin B ₁ , phù nề, kích thích sinh trưởng.	TW-X ₂ -22
19.	Vitamin C 5%	Acid ascorbic	Ông	5 ml,	Phòng, trị bệnh thiếu vit C, chống nóng, stress.	TW-X ₂ -23
20.	Vit. B-complex	Vit. B ₁ , B ₂ , PP, B ₆ , B ₁₂	Ông; Lọ	2, 20, 100 ml	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin nhóm B.	TW-X ₂ -24
21.	Azidin (Berenil)	Diminazen aceturat	Lọ	1, 18 g	Thuốc trị ký sinh trùng đường máu	TW-X ₂ -25
22.	AD ₃ EC hydrotit	Vitamin A, D, E và C	Lọ	100 ml	Phòng, trị bệnh do thiếu vit A, E, D ₃ .	TW-X ₂ -26
23.	Han-Ne-Sol	Neomycin, Oxytetracyclin	Lọ, Gói	25; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá, hô hấp	TW-X ₂ -27
24.	Kanamycin 10%	Kanamycin sulfate	Ông; Lọ	5; 10; 20; 50; 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-).	TW-X ₂ -28
25.	Tylovit-C	Tylosin, Vitamin C	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hoá.	TW-X ₂ -29
26.	Han-D.O.Clor	Doxycyclin HCl, Colistin sulfate, Dexamethason	Lọ	20 ml, 100 ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá.	TW-X ₂ -30
27.	Cafein natri benzoat 20%	Cafein natri benzoat	Ông	5; 10; 20; 50; 100 ml	Chữa bệnh yếu tim mạch. Kích thích hệ thần kinh trung ương.	TW-X ₂ -31
28.	Pilocarpin 1%	Pilocarpin	Ông	5 ml	Chữa liệt dạ cỏ, chướng bụng.	TW-X ₂ -32
29.	Strychnin-B ₁	Strychnin, Vitamin B ₁	Ông	2 ml, 5 ml	Tăng phản xạ thần kinh, trương lực cơ, kích thích nhu động ruột, dạ dày	TW-X ₂ -33
30.	Tylo-D.C	Tylosin tartrate, Chlorotetracyclin HCl, Dexamethason	Lọ	20; 100 ml	Phòng và chữa các bệnh truyền nhiễm thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hoá.	TW-X ₂ -34
31.	Septioyl 33%	Sulfamethoxypyridazin, TMP	Lọ	100 ml	Phòng và chữa bệnh ở đường tiêu hoá	TW-X ₂ -35
32.	Trimethoxazol 24%	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Lọ	5 ml,	Phòng và chữa bệnh ở đường tiêu hoá	TW-X ₂ -36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
33.	Hangen-tylo	Gentamycin, Tylosin	Ống, Lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hoá	TW-X ₂ -37
34.	Novocain 3%	Novocain	Ống	5 ml	Gây tê cục bộ	TW-X ₂ -38
35.	Vitamin B ₁₂	Vitamin B ₁₂	Ống	2 ml, 500 mcg 2 ml, 1000 mcg	Phòng và chữa các bệnh do thiếu vitamin B ₁₂	TW-X ₂ -39
36.	Atropin 0,1%	Atropin sulfate	Ống, Lọ	2, 10, 20, 50, 100ml	Giải độc, chống nôn. Giảm tiết dịch, kích thích thần kinh TW, giảm đau	TW-X ₂ -40
37.	Analgin 30%	Methamisol	Ống; Lọ	2 ml, 5 ml; 50, 100, 250, 500 ml	Chữa các chứng đau bụng, đầy hơi, chữa cảm nắng, cảm nóng, sốt	TW-X ₂ -41
38.	Long não nước	Natri camphosulfonate	Ống	5 ml	Trợ tim, kích thích hô hấp	TW-X ₂ -42
39.	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin HCl	Lọ	500 mg; 1; 2; 3; 4; 5; 10g	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) và Gr (-).	TW-X ₂ -44
40.	Tiamulin 10%	Tiamulin hydrofumarate	Ống, Lọ	10, 20, 50, 100 250, 500ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, bệnh hồng lỵ ở lợn.	TW-X ₂ -47
41.	Levasol 7,5%	Levamisol HCl	Ống; Lọ	5 ml; 10, 20, 50, 100, 500 ml	Thuốc tẩy giun tròn ký sinh đường tiêu hoá, hô hấp	TW-X ₂ -48
42.	Vit. ADE tiêm	Vitamin A, D ₃ , E	Ống; Lọ	10; 20; 50; 100; 500 ml	Phòng và chữa bệnh thiếu vit A, E, D ₃	TW-X ₂ -50
43.	Hansuvil-5; 10	Spiramycin adipinate	Ống; Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp	TW-X ₂ -52
44.	Tiamulin	Tiamulin HF	Lọ	1 g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, bệnh hồng lỵ ở lợn	TW-X ₂ -53
45.	Tiamulin 10%	Tiamulin HF	Gói	20 g, 100, 500g 1000g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, bệnh hồng lỵ ở lợn	TW-X ₂ -54
46.	Costrim 48%	Sulfadimidin sodium Trimethoprin	Gói	20 g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá	TW-X ₂ -55
47.	Hancotmix® -forte	Sulfachlorpyridazin, Trimethoprin	Gói	20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá.	TW-X ₂ -59
48.	Hamcoli® -forte	Amoxycillin, Vit C Colistin sulfate	Gói	10, 50, 100, 500, 1000 g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá	TW-X ₂ -60
49.	Rigecoccin-W.S	Clopidol	Gói	10, 50, 100, 500g	Thuốc trị bệnh cầu ký trùng ở gà.	TW-X ₂ -63

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
50.	Hantril®-100	Norfloxacin HCl	Ông, Chai 100 ml	10 ml; 100 ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá, hô hấp.	TW-X ₂ -65
51.	Hantril®-50	Norfloxacin HCl	Ông; Lọ 10 ml, 100ml	5 ml; 10 ml, 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hoá.	TW-X ₂ -66
52.	Anti-Gumboro	Dược chất thảo mộc	Ông; Lọ 10 ml, 100 ml	10 ml, 100 ml	Phòng và trị Gumboro	TW-X ₂ -68
53.	HanEba® 30%	Sulfachlorpyridazin	Gói 1kg	20;100;150; 500g;	Phòng và trị cầu trùng, thương hàn, ỉa chảy	TW-X ₂ -69
54.	Dexa-tiêm	Dexamethason	Ông 2 ml	2 ml	Trị aceton , keton huyết; bại liệt, co giật sau đẻ, chống stress. Các chứng viêm nhiễm.	TW-X ₂ -72
55.	Thuốc điện giải	NaCl, KCl, NaHCO ₃ , Vit. A, D ₃ , Dextrose	Gói 1kg	100,500,1000g	Cung cấp chất điện giải trong các trường hợp ỉa chảy mất nước, stress	TW-X ₂ -73
56.	Tia-Tetralin	Tiamulin, Chlortetracyclin	Gói;Lon 1kg	20; 50; 100; 500g;	Trị bệnh ở đường hô hấp, tiêu hoá, hồng lỵ.	TW-X ₂ -74
57.	Ampi-Kana	Ampicillin sodium Kanamycin sulfate	Lọ 1;1,5;2;3;4 g	1;1,5;2;3;4 g	Chữa các bệnh do vi khuẩn Gr (+), Gr (-).	TW-X ₂ -76
58.	Lincomycin 10%	Lincomycin HCl	Ông; Lọ 5 ml; 20; 50; 100 ml	5 ml; 20; 50; 100 ml	Chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu-sinh dục	TW-X ₂ -78
59.	Multivit-forte	Vit. A, D, E, B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , B ₁₂ , PP	Lọ 20 ml, 100 ml	20 ml, 100 ml	Bổ sung các vitamin cần thiết cho cơ thể, nâng cao sức đề kháng	TW-X ₂ -81
60.	Colidox plus	Doxycyclin, Colistin, Vit. A, D ₃ , E, B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₁₂ , PP, C	Gói 1kg	20; 50; 100; 500g;	Phòng, trị bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hoá	TW-X ₂ -84
61.	Kim kê trùng	Tiamulin HF, Erythromycin	Gói 20 g, 100 g	20 g, 100 g	Phòng, trị đường hô hấp, tiêu hoá	TW-X ₂ -85
62.	Hanvit-C100	Vitamin C	Gói 100 g	100 g	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin C	TW-X ₂ -90
63.	Tayzu®	Levamisol HCl	Gói 4 g, 100 g, 1 kg	4 g, 100 g, 1 kg	Thuốc tẩy giun tròn ký sinh đường tiêu hoá,	TW-X ₂ -91
64.	Fe-Dextran-B ₁₂	Phức Iron Dextran B ₁₂ 10%	Ông;Lọ 2 ; 20 , 100 ml	2 ; 20 , 100 ml	Phòng và chữa các bệnh thiếu máu	TW-X ₂ -92
65.	Tylosin-50	Tylosin tartrate	Ông;Lọ 5;50 ml, 100 ml	5;50 ml, 100 ml	Phòng, trị bệnh đường hô hấp, hồng lỵ ở lợn	TW-X ₂ -95
66.	Colistin-1200	Colistin sulfate	Gói;Lon 1kg	10; 50 ;100; 500g;	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá	TW-X ₂ -97
67.	Spectinomycin 5%	Spectinomycin HCl	Lọ 10,50,100,200 ml	10,50,100,200 ml	Chữa các bệnh ở đường tiêu hoá	TW-X ₂ -98

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
68.	Hanvit-K&C®	Vitamin C, Vitamin K ₃	Gói	10,20,100,200g, 500, 1 000 g	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin K, C; các chứng chảy máu	TW-X ₂ -103
69.	Lincolis-plus	Lincomycin HCl, Colistin sulfate	Gói	10; 50; 100 500g; 1kg	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá, hô hấp	TW-X ₂ -104
70.	Linspec 5/10	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Ống; Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá, hô hấp	TW-X ₂ -105
71.	Enrotril® -100	Enrofloxacin	Chai	100; 250ml; 1l	Trị bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá, hô hấp	TW-X ₂ -111
72.	Hanmectin® -25 Hanmectin® -50	Ivermectin	Ống, chai	5;10; 20;100ml; 1l	Phòng và diệt nội, ngoại ký sinh trùng	TW-X ₂ -112
73.	Glucose	Dextrose monohydrate	Gói; Bao	500,1000g;25 kg	Cung cấp năng lượng cho cơ thể	TW-X ₂ -114
74.	Tetracyclin HCl	Tetracyclin HCl	Gói	100,1000 g, 25 kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) và Gr (-)	TW-X ₂ -115
75.	Hancoc	Sulfaquinoxalin sodium Pyrimethamin	Chai	100, 125, 200,250, 500ml, 1l	Phòng, trị cầu trùng ở gà, gà tây, lợn, thỏ, bê, ngựa; Bạch ly, Thương hàn, THT.	TW-X ₂ -116
76.	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin HCl	Gói	100 g, 1 kg, 25 kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) và Gr (-)	TW-X ₂ -118
77.	Actiso-10	Cao Actiso	Chai Can	100 ml, 250 ml; 1 lít, 3 lít	Nhuận mắt, bổ gan, giảm độc Aflatoxin; tăng cường sức đề kháng	TW-X ₂ -119
78.	Vitamin B ₁	Thiamin mononitrate	Gói	100 g, 1 kg, 25 kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin B ₁	TW-X ₂ -120
79.	Vitamin C	Ascorbic acid	Gói	100 g, 1 kg, 25 kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C	TW-X ₂ -121
80.	L-lysin	Lysin	Gói	100 g, 1 kg, 25 kg	Bổ sung Lysin cho cơ thể	TW-X ₂ -122
81.	D, L-Methionin	Methionin	Gói	100 g, 1 kg, 25 kg	Bổ sung Methionin cho cơ thể	TW-X ₂ -123
82.	Enrotril® -50	Enrofloxacin	Ống; chai	10; 50; 100 ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá, hô hấp	TW-X ₂ -124
83.	Hamcoli®-s	Amoxicillin, Colistin sulfate	Lọ	10 ml, 20 ml, 50 ml, 100 ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hoá, tiết niệu-sinh dục	TW-X ₂ -125
84.	Han-Dertil-B®	Albendazole, Triclabendazol	Hộp	20 viên	Thuốc tẩy sán lá, giun tròn ký sinh	TW-X ₂ -127
85.	Hamcoli®-plus	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Lọ	10, 20 l, 50, 100ml	Phòng và chữa các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp; tiết niệu	TW-X ₂ -128
86.	Derma spray	Chlortetracyclin HCl Methylen blue	Chai	100 ml, 300 ml	Thuốc phun diệt khuẩn	TW-X ₂ -130
87.	Rivanol	Aethacridin lactate	Lọ, gói	500mg, 100 g	Thuốc trị ký sinh trùng đường máu	TW-X ₂ -131

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
88.	Han-V.T.C.®	Chlortetracyclin HCl Neomycin sulfate	Hộp	20 viên	Viên đặt tử cung, âm đạo chống viêm nhiễm	TW-X ₂ -132
89.	Sanpet	Praziquantel Pyrantel	Vl	10 viên	Trị sán dây, giun tròn, sán lá ở chó, mèo và động vật ăn thịt	TW-X ₂ -133
90.	Hammycin®-100	Chlortetracyclin HCl,	Gói; Lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh đường tiêu hoá, hô hấp	TW-X ₂ -134
91.	Glucose 5%	Dextrose anhydrous	Chai	100 ml, 250 ml, 500 ml	Cung cấp đường cho cơ thể giúp tăng cường sức đề kháng	TW-X ₂ -137
92.	Hanalgin-C	Methamnosol sodium, Vita C	Lọ	20 ml, 100 ml	giảm đau, xuất huyết tràn lan, stress.	TW-X ₂ -139
93.	Tylospec	Tylosin tarrate, Spectinomycin	Ông; Chai	10; 20; 100 ml	Phòng và chữa các bệnh nhiễm khuẩn ở đường hô hấp, tiêu hoá	TW-X ₂ -140
94.	Linspec-110	Lincomycin, Spectinomycin	Gói; Hộp	10 g, 20 g; 100 g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hoá	TW-X ₂ -141
95.	Tylocoli	Tylosin tarrate, Colistin sulfate	Gói; Lon	10; 20; 50; 500g; 1kg	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hoá	TW-X ₂ -142
96.	B-Compvit	Vit. B ₁ , B ₆ , B ₂ , PP, B ₅ , B ₁₂	Chai	50, 100, 125 ml, 250, 500ml	Phòng và chữa bệnh thiếu vitamin	TW-X ₂ -143
97.	Vitamin K3	Menadion sodium bisulfite	Lọ	10, 20, 100 ml	Trị bệnh do thiếu vit K, chảy máu, xuất huyết	TW-X ₂ -144
98.	Selenvit-E	Sodium selenit, Vitamin E	Ông; Chai	10; 20; 100 ml	Phòng và chữa bệnh thoái hoá cơ, nhũn não, xuất huyết, bài xuất dịch	TW-X ₂ -145
99.	Hammlin LA	Amoxixillin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị bệnh phân xanh, phân trắng, THT, PTH; viêm phổi, phế quản, tiết niệu, sinh dục	TW-X ₂ -147
100.	Hamogen	Amoxicillin, Gentamicin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin, Gentamicin.	TW-X ₂ -148
101.	Bromhexine 0,3%	Bromhexine	Lọ, ống Chai	5; 20ml 50; 100ml	Trị bệnh phế quản phổi cấp và mãn tính liên quan đến tiết chất nhầy bất thường.	TW-X ₂ -152
102.	Han - Cilin - 50	Amoxycillin	Gói; Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin.	TW-X ₂ -153
103.	Tylosin 200	Tylosin tartrate	Ông; Lọ	5ml 20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, sưng khớp, thối móng, viêm da con, lở loét trên giá súc, gia cầm.	TW-X ₂ -154
104.	Hancloxan	Ampicillin sodium, Cloxacillin sodium	Lọ	1; 2; 3g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr(+), gây ra	TW-X ₂ -155

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1105.	Diclofenac 2,5%	Diclofenac	Ống, Lọ, Chai	5ml; 5; 20ml 50; 100ml	Trị viêm khớp mãn tính, viêm cơ, đau bụng cơ thắt ở ngựa và gia súc.	TW-X2-156
1106.	Lidocain 2%	Lidocain, Adrenalin tartrate acid	Ống, Lọ, Chai	5ml; 20ml 50; 100ml	Gây tê, giảm đau cục bộ, phong bế vùng chậu, khum đuôi, xương cùng, tùy sống.	TW-X2-157
1107.	Vitamin C 10%	Vitamin C	Chai	50; 100ml	Trị chứng thiếu hụt Vit C, viêm màng Fibrin, phục hồi sức khỏe, ngộ độc.	TW-X2-158
1108.	Dolosin-200 W.S.P	Doxycylin, Tylosin tartrate	Gói, Lon	10; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X2-159
1109.	Glucose 30%	Glucose	Chai	100; 250; 500ml	Trị hạ đường huyết, keto/acetone huyết, cung cấp năng lượng cho gia súc bệnh.	TW-X2-160
1110.	Enteroseptol	Colistin sulfate, Vit C Chlortetracyclin HCL,	Gói, Lon	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Điều trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà, vịt, thỏ.	TW-X2-10
1111.	Tetraberin- Vit.B-C	Oxytetracyclin, Berberin, Vitamin B1, B2, C	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, lợn, gà, vịt	TW-X2-11
1112.	Hamenro-C	Enrofloxacin, Vitamin C	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X2 -56
1113.	Genorfcoli	Gentamycin, Colistin sulfate.	Gói	10; 50 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gà, vịt, ngan, vịt, thỏ.	TW-X2 -57
1114.	Genorfcoli	Gentamycin, Colistin sulfate, Dexamethason	Ống; Lọ	10; 20; 100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, gia cầm.	TW-X2 - 67
1115.	K.C.N.D	Kanamycin, Colistin sulfate	Ống; Lọ	10; 20; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, chó, mèo	TW-X2 -75
1116.	Norfacoli	Norfloxacin	Ống; Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, chó.	TW-X2 - 83
1117.	Trị lý ỉa chảy	Chlortetracyclin HCL, Berberin, Vitamin B1, B2, C	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	TW-X2 - 87
1118.	Synavet	Neomycin, Colistin sulfate, Vitamin A, D3, E, K3, C	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm.	TW-X2 - 89
1119.	Amtyo	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate, Dexamethason	Ống; Lọ	10; 20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, chó, mèo.	TW-X2 - 99
1120.	Hampiseptol	Amoxiceillin, Sulfadimidine	Gói, Lon	4; 30; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Sulfadimidine gây ra trên bê, nghé, lợn, dê non, cừu non, gia cầm.	TW-X2 - 51

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
121.	Hampiseptol	Sulfadimidine, Trimethoprim	Ông, Lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu dục, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, gia cầm.	TW-X ₂ - 61
122.	Genta-Costrim	Gentamycin, Sulfadimidine, Vitamin PP	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm dạ con, viêm vú trâu, bò, lợn, gia cầm.	TW-X ₂ - 62
123.	CRD.Stop	Doxycyclin, Tiamulin, Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, C, Acid nicotinic.	Gói	20; 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm.	TW-X ₂ - 70
124.	Tiakaneolin	Kanamycin, Tiamulin, Dexamethason	Ông; Lọ	10; 20; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gia cầm.	TW-X ₂ - 80
125.	Tia-K.C	Tiamulin, Colistin sulfate, Dexamethason	Ông; Lọ	10; 20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm.	TW-X ₂ - 86
126.	Norfacoli	Norfloxacin, Vitamin B1, C, K3, Niacin	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn con, bê, nghé, gia cầm.	TW-X ₂ - 102
127.	Oxylin 5%-B	Oxytetracyclin HCL, Bromhexine HCL, Lidocain	Ông; Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	TW-X ₂ -161
128.	Linco-Gen	Lincomycin HCL, Gentamycin sulfate	Ông; Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi-màng phổi, viêm teo mũi truyền nhiễm hồng ly, viêm sung khớp, đông máu, viêm ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	TW-X ₂ -162
129.	Hanthiamcol 10%	Thiamphenicol	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol gây ra trên trâu, bò, lợn	TW-X ₂ -164
130.	Clafotax	Cefotaxime sodium	Lọ	0,5; 1; 2; 3g	Trị các nhiễm khuẩn gây mù ở mô mềm, viêm vú, viêm dạ con, đóng dấu, tiêu chảy.	TW-X ₂ -165
131.	Gentamicin 10%	Gentamycin sulfate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn nhạy cảm Gentamycin trên gia súc, gia cầm.	TW-X ₂ -166
132.	Hanflor LA	Florfenicol	Ông; Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	TW-X ₂ -167
133.	Hancett	Ceftiofur	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, da, thối móng, viêm vú trên trâu, bò, lợn.	TW-X ₂ -168
134.	Hanflor 4%	Flofenicol	Gói	20; 50; 100; 500g; 1kg; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp cho lợn do nhiễm actinobacillus, Pasteurella, Mycoplasma	TW-X ₂ -169
135.	Maxxin	Marbofloxacin	Ông; Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị tụ huyết trùng, Mycoplasma, các bệnh đường hô hấp cho trâu, bò, lợn.	TW-X ₂ -170

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
136.	Hetdau	Ketoprofene, Alcol benzylic	Ống Lọ	5ml 5; 10; 20; 100ml	Giảm đau cho trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, bê, chó	TW-X2-172
137.	Hanstapen	Penicillin G procain, Dihydrostreptomycine	Lọ	20, 50, 100, 250 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu sinh dục viêm vú, viêm da, viêm khớp trên trâu, bò, bê, nghé, dê, cừu, lợn.	TW-X2-173
138.	Enrotis-LA	Enrofloxacin	Chai	20, 50, 100, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, đường tiết niệu sinh dục, viêm vú, viêm da trên trâu, bò, bê, nghé, lợn.	TW-X2-177
139.	Penicillin G procain	Penicillin G procain	Lọ	3 triệu UI	Trị đóng máu, viêm vú, viêm đường tiết niệu, viêm móng, viêm da, viêm khớp.	TW-X2-179
140.	HAN-Spicol	Spiramycin, Colistin	Túi, Lon	20; 50; 100g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW-X2-180
141.	Hansone	Florfenicol, Oxytetracyclin	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, PTH, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên ngựa, trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, meo, gia cầm.	TW-X2-181
142.	Hanegg -plus	Oxytetracyclin, Neomycin, VitA, D3, E, K3, B1, B2, B6,B12, C, folic acid, Ca D-pantothenate, Nicotinic, DI-Methione, L-Lysine	Gói	100, 500g; 1kg	Phòng tiêu chảy, hen gà, bổ sung vitamin	TW-X2-182
143.	Han-Tophan	Butafosfan, Vitamin B12	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị rối loạn trao đổi chất trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm.	TW-X2-186
144.	Han-Tuxin	Tulathromycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm phổi phức hợp, viêm khớp, xoang trên trâu, bò, lợn.	TW-X2-187
145.	Colistin 10 Mix	Colistin sulfat	Túi, Bao	1; 5; 10; 20; 50kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gà, vịt.	TW-X2-188
146.	Hanzuril-50	Toltrazuril	Lọ, bình	5; 10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2 lít	Trị cầu trùng trên bê, nghé, lợn	TW-X2-189
147.	Hanzuril-25	Toltrazuril	Lọ, bình	5; 10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	TW-X2-190

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
148.	Han-broxin	Bromhexine	Gói	5; 20; 200; 500g	Trị bệnh phế quản phổi liên quan đến tiết chất nhầy bất thường.	TW-X2-191
149.	Han-Metoxin 50 WS	Sulfamonomethoxine	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g	Trị sung phù đầu, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm ruột hoại tử, tiêu chảy trên lợn, gia cầm	TW-X2-192
150.	Azidine-118	Diminazen, Antipyrin	Chai	1,18g; 2,36g	Trị ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó.	TW-X2-194
151.	Hanmectin-fort	Ivermectin, Clorsulon	Chai	20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu.	TW-X2-195
152.	Hanmectin 1%	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng	TW-X2-196
153.	Han-Clamox	Amoxicillin trihydrate, acid Clavulanic	Chai	20,50,100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, phù đầu do E.Coli, thương hàn, nhiễm khuẩn vết thương, mô mềm, áp xe có mũ	TW-X2-199
154.	Hansulcox-WSP	Sulfadimidine sodium, Sulfaguinoxaline sodium, Vitamin A	Gói, bao	50,100,200,500g; 1kg	Trị cầu trùng gia súc, gia cầm.	TW-X2-200
155.	Hanflor 20%- Oral	Florfenicol	Chai, Can	100,250,500; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm, lợn.	TW-X2-201

3. CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y ĐIỂM UYÊN (GUPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	ADE.Bcomplex	Vitamin, khoáng	Gói	200; 500; 1000g	Chống thiếu hụt vitamin, khoáng	UHN-1
2.	Multivitaminx	Vitamin A,B,D,E	Gói	20; 50; 100g	Phục hồi sức khoẻ	UHN-5
3.	Trị viên ruột	Sulfaguanidin, Tetracyclin	Gói	5; 10; 20g	Trị tiêu chảy	UHN-8
4.	Bactrim-Coc	Sulfamethoxazon, Trimethoprim	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị cầu trùng	UHN-9
5.	Phòng chống viêm phổi CRD	Tiamulin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị ho, hen, xuyễn	UHN-10
6.	B. complex (bột)	Vitamin nhóm B	Gói	20; 50; 100g	Bổ xung vitamin nhóm B	UHN-11
7.	Tẩy giun chó mèo	Meibendazol, Niclozamid	Gói	2g; 5g	Tẩy sán giầy, giun tròn	UHN-18
8.	DL-Méthionin	DL-Méthionin	Gói	100; 1000g	Bổ xung acid amin	UHN-20
9.	L-Lyzin HCL	L-Lyzin HCL	Gói	100; 1000g	Bổ xung acid amin	UHN-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin	Gói	100; 1000g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-22
11	Tetracyclin	Tetracyclin	Gói	100; 1000g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-23
12	Vitamin B1 HCL	Vitamin B1	Gói	100; 1000g	Phục hồi sức khỏe	UHN-25
13	Vitamin C	Vitamin C	Gói	100; 1000g	Phục hồi sức khoẻ	UHN-26
14	Rigecocin	Rigecocin	Gói	10; 20; 50g	Trị cầu trùng	UHN-28
15	Đường glucose	Đường glucose	Gói	500; 1000g	Giải độc, chống stress	UHN-29
16	Hupha-Ampicolis	Ampicillin, Colistin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-59
17	Diệt sản giun	Biltricid, Levamisol	Gói	5; 10; 20; 50g	Tẩy sán lá ruột, giun tròn	UHN-63
18	Hupha-Fasiola	Biltricid	Gói	10; 20; 30; 50g	Tẩy sán lá gan	UHN-64
19	Biseptin	Oxytetracyclin, Neomycin	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hoá do VK nhạy cảm với Oxytetracyclin, Neomycin trên lợn, gà.	UHN-7
20	Bycomycin	Oxytetracyclin, Tylosin	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin và Tylosin trên lợn, gà.	UHN-35
21	H-U-G	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, phế quản, viêm ruột, nhiễm trùng huyết, viêm đường tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm.	UHN-36
22	Nhiễm khuẩn chó mèo	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm dạ dày, đường sinh dục, tiết niệu, viêm phổi, viêm da, màng não trên chó, mèo.	UHN-58
23	Hupha-Neo-Colis	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, móng, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm.	UHN-81
24	HUPHA- Nor-C	Norfloxacilin, Vitamin C	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacilin trên gia cầm	UHN-85
25	HUPHA-Quine	Flumequine	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine trên gia súc, gia cầm	UHN-87
26	HUPHA- Flor	Florfenicol	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn	UHN-89
27	Hupha-Paradol-B	Paracetamol	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Hạ sốt, giảm đau trong các chứng bệnh viêm nhiễm trên gia súc, gia cầm.	UHN-98

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
28	Hupha-Bromhexin-B	Bromhexin (Hcl)	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Giảm ho, giảm tiết dịch nhầy trong bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm.	UHN-99
29	Hupha-CRD	Spiramycin (Adipate), Oxytetracyclin (HCL)	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị hen, viêm phổi, viêm khớp viêm móng trên gia súc, gia cầm	UHN-100
30	HUPHA- Eflox 20	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	UHN-90
31	Hupha-Strep	Streptomycin sulfat	Lọ	1g	Trị tụ huyết trùng	UHN-12
32	Hupha-Peni G	Penicillin G	Lọ	1.000.000 UI	Trị lợn đốm đầu, nhiệt thân	UHN-13
33	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ông, lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-3
34	Vitamin B1 2,5%	Vitamin B1	Ông, lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-4
35	Cafein Nabenzoat20%	Cafein natri-benzoat	Ông, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ tim	UHN-15
36	Strychnin 0,1%	Strychnin sulfat	Ông, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ lực	UHN-16
37	Nước cất	H ₂ O	Ông, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Dùng cho pha tiêm	UHN-17
38	HuphaFlocin 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị ia phân trắng lợn con	UHN-34
39	L-5000	Tylosin, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị xoắn trùng	UHN-37
40	G-5000	Lincomycin, S. dimedin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-38
41	T-5000	Tylosin, Sulfamethoxazol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, phù đầu phù mắt	UHN-39
42	H-5000	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-40
43	Hupha-Tia 10%	Tiamulin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi (CRD)	UHN-41
44	Hupha-Linco 10%	Lincomycin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung	UHN-42
45	Hupha-Enro 1%	Enrofloxacin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-43
46	Hupha-Flume10%	Flumequin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-44
47	Hupha-Analgin30%	Natri methamisol	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau	UHN-45
48	Hupha-Levamisol 7,5%	Levamisol	Ông, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy các loại giun tròn	UHN-46
49	Hupha-Colistin3%	Colistin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị E.coli dung huyết	UHN-47
50	Hupha-KC	Kanamycin; Colistin	Ông, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
51	Hupha-Lincospec	Lincomycin, Spectomycin	Óng, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị phó thương hàn lợn con	UHN-49
52	Hupha-Gentatylan	Gentamycin, tylosin	Óng, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, viêm phổi	UHN-50
53	Hupha-Cefalexin	Cefalexin base	Óng, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, tiêu chảy	UHN-51
54	Hupha-Ampicolistin	Ampicilin, Colistin	Óng, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-53
55	Hupha-Spec-T	Spectomycin	Óng, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-54
56	Hupha-Gentamycin	Gentamycin	Óng, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi	UHN-55
57	Hupha-Bcomplex	Vitamin B1; B2; B5; B6; pp	Óng, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khoẻ	UHN-56
58	Hupha-ADE.Bcomplex	Vitamin A, D, E, B1, B2, B5, B6, PP	Óng, Lọ	5ml 5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khoẻ	UHN-60
59	Hupha-Ivermectin	Ivermectin	Óng, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị ghẻ, tẩy các loại giun tròn	UHN-61
60	Hupha-Tozal F	Oxyclozanid	Óng, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-62
61	Hupha-Fasiola	Droncit praziquantel	Lọ	10; 20; 50; 60; 90; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-65
62	E-5.000-T	Enrofloxacin	Óng, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-68
63	E-10.000-T	Enrofloxacin	Óng, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-69
64	Hupha - Enrofloxacin	Enrofloxacin 1%	Lọ	10,20,50,100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-70
65	Hupha - Flume- U	Flumequin 10%	Lọ	10,20,50,100 (ml)	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-71
66	Hupha - Colistin	Colistin 3%	Lọ	10,20,50,100 (ml)	Trị tiêu chảy	UHN-72
67	E-5.000- U	Enrofloxacin 5%	Lọ	10,20,50,100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-73
68	E-10.000-U	Enrofloxacin 10%	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-74
69	Hupha-Spec-U	Spectomycin 5%	Lọ	10,20,50,100 (ml)	Trị tiêu chảy ở lợn, bê nghé.	UHN-75
70	Hupha - Sulfamethox	Sulfamethoxypyridazine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxypyridazine.	UHN-76
71	Hupha-Oxyject 10%	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin.	UHN-77
72	Hupha-Tylanject 200	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, dê, thỏ, lợn, chó, mèo.	UHN-78
73	Hupha-Fer Dextran-B12	Fer Dextran, Vitamin B12	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng chống chứng thiếu máu, bệnh tiêu chảy trên gia súc non.	UHN-79

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
74	HUPHA- Marbocyl	Marbofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin trên bê, lợn	UHN-84
75	HUPHA- Flor 30	Florfenicol	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm đường hô hấp, tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên trâu, bò, lợn	UHN-86
76	HUPHACOX 2,5%	Toltrazuril	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	UHN-88
77	Hupha-Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt, điều trị các bệnh khớp, co thắt ruột, chướng bụng trên gia súc, gia cầm	UHN-91
78	Hupha-Flodox	Florphenicol, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh tiêu chảy, thương hàn, viêm đường hô hấp trên gia súc	UHN-92
79	Hupha-Gluco-C	Glucose, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Cung cấp năng lượng, trợ sức, giải độc, lợi tiểu trên gia súc, gia cầm.	UHN-93
80	Hupha-Oxyvet L.A	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, gây nên các bệnh hô hấp, tiêu chảy trên gia súc.	UHN-94
81	Hupha-Paradol-U	Paracetamol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt, các chứng sốt trên gia súc, gia cầm.	UHN-95
82	Hupha-Dexa	Dexamethason (phosphate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Kháng viêm, kết hợp với kháng sinh trong bệnh nhiễm khuẩn, hô hấp, viêm khớp.	UHN-96
83	Hupha-Bromhexin-T	Bromhexin (HCL)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm ho, giảm tiết dịch nhầy trong bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm.	UHN-97
84	Hupha-Novil	Spiramycin (Adipate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị hen, viêm phổi, viêm khớp, viêm móng trên gia súc, gia cầm.	UHN-101
85	Hupha-AM-GEN	Amoxycillin trihydrate, Gentamicin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm cơ quan sinh sản, tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên gia súc	UHN-116
86	Hupha-Tyfor	Florfenicol; Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Trị viêm phổi cấp, viêm ruột, thương hàn, Tụ huyết trùng, đóng dấu, viêm vú, sưng phù đầu trên gia súc, gia cầm	UHN-117

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
87	Hupha-AM-TIN	Amoxycillin; Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục, viêm vú, nhiễm trùng vết thương trên gia súc	UHN-118
88	Hupha-Tia-Colis	Tiamulin, Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị hồng huyết, viêm phổi, viêm khớp, bệnh xoắn khuẩn trên gia súc.	UHN-119
89	Hupha-E-Prol	Progesterone acetate, Vitamin E	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục, loạn sản, đường thai, điều hòa quá trình sinh sản trên gia súc	UHN-120
90	Hupha-Butamin	Butaphosphan, Folic acide, Cyanocobalamin	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Phòng trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng, còi cọc ở gia súc non, chống stress, tăng sức đề kháng trên gia súc	UHN-121
91	Hupha-Oxytocin	Oxytocin	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Thúc đẻ, trị sa tử cung, mất sữa sau đẻ trên gia súc.	UHN-122
92	Hupha-E-Sel	Vitamin E, Sodium selenite	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Phòng, trị bệnh thiếu Vitamin E cho gia súc, chống ngộ độc sắt tiềm quá liều trên lợn con	UHN-123
93	Hupha-Can-Kamin	Calcium gluconate, Acid mefenamic, Vitamin K, C	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng trị sốt sữa không biến chứng, suy nhược lúc sắp sinh	UHN-124
94	Hupha-Sultrim 24	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên gia súc.	UHN-125

4. CÔNG TY TNHH DƯỢC THÚ Y THẮNG LONG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Genta-Tylosin	Gentamycin; Tylosin	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50, 100g	Chữa bệnh hô hấp, tiêu chảy	TL-01
2.	Multi Vitamin B	Vit B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , PP	Gói, Hộp	20; 50; 100; 1000g	Thuốc bổ	TL-03
3.	Tăng sản trứng-sữa	Vit A, D ₃ , E, B ₁ , B ₂ , PP; Tetracyclin	Gói	10; 100; 500g	Thuốc bổ	TL-06
4.	Khạc vệt và ỉa chảy	Ampicillin; Tylosin	Gói	10; 20g	Chữa bệnh nhiễm trùng	TL-07
5.	Anticocid-Diarrhoea	Sulfachlorin; Colistin	Gói	5; 10; 20; 50g	Chữa bệnh cầu trùng	TL-08
6.	Antigas	NaCl; NaHCO ₃ ; MgSO ₄	Gói	10; 20g	Chữa chướng hơi, đầy bụng	TL-09

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7.	Điện giải Vita-B-C	Vit C, B ₁ ; NaCl; NaHCO ₃	Gói	20; 50; 100g	Trợ sức, trợ lực	TL-11
8.	TĐ - Levamisol	Levamisol HCL	Gói	2; 100; 500g	Tẩy các loại giun tròn ký sinh ở đường ruột, đường hô hấp.	TL - 12
9.	TĐ - Colistin	Colistin sulfat salt	Gói	2; 10; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, do vi khuẩn, Mycoplasma gây ra	TL - 13
10.	Enro-colivit	Enrofloxacin (HCL), Vit B1	Túi	5;10;20;50;100gam	Trị viêm đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, gia cầm.	TL - 14
11.	Neodesol	Neomycin sulfat (salt); Oxytetracycline	Túi	5;10;20;50;100gam	Trị viêm đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, heo, gia cầm.	TL - 15
12.	Hen-CRD-Stop	Tylosin tartrat salt	Túi	5;10;20;50;100gam	Trị viêm đường hô hấp, CRD, CCRD, viêm ruột cho trâu, bò, heo, gia cầm	TL-16
13.	TĐ-Doxylin-Vet-25	Theophyllin, as anhydrous Doxycyclin hyclate salt	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá, viêm khớp, viêm tử cung, viêm rốn trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm.	TL-17
14.	TĐ-Dia-Cin-25	Sulfadiazin sodium, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, nhiễm trùng huyết, tiết niệu sinh dục trên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm.	TL-18
15.	TĐ-Amoxi vita-20	Amoxycilin trihydrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu, nhiễm trùng da và cơ trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	TL-19
16.	TĐ. Flumequin	Flumequin	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị Colibacillosis, Pasteurellosis, Salmonellosis trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	TL-31
17.	TĐ. Florcin	Florfenicol	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TL-32
18.	TĐ. Paracetamol	Paracetamol	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy sốt do nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính.	TL-34
19.	TĐ-Doxy Tylan	Doxycyclin Hyclate, Tylosin Tartrate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	TL-38
20.	TĐ-Amoxy Extra	Amoxycillin	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin trên bê, cừu, lợn, gia cầm	TL-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
21.	TĐ-Ampidecoli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia cầm	TL-40
22.	Đặc trị phân xanh, phân trắng	Colistin sulfate, Neomycin sulfate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị ỉa chảy, phó thương hàn trên bê, nghé, cừ non, dê non, lợn con, gia cầm, thỏ.	TL-41
23.	TĐ-Damiton	Sulfamonomethoxine, Trimethoprim	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, cầu trùng, viêm tử cung, nhiễm trùng huyết, viêm vú, tiết niệu, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm.	TL-42

5. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y (PHAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	B Complex	B1, B2, B6	Gói	50g	Tăng trọng, bồi dưỡng	HCN-3
2.	Tây giun sản lợn	Menbedazol	Gói	2; 5; 100; 250g	Tây giun sản lợn	HCN-9
3.	B complex	B1,B2,B6	Gói	100g	Tăng trọng, bổ sung vitamin	HCN-12
4.	Ampi-streptotryl	Ampicillin, Sulfamid	Gói	7-10g	Chữa viêm phổi, ỉa chảy	HCN-13
5.	Menbendazol 10%	Menbenvet 10%	Gói	2g	Tây giun	HCN-16
6.	Sultrep	Streptomycin, Sulfamid	Gói	7g	Chữa ỉa chảy gia súc, gia cầm	HCN-19
7.	Genta-Prim	Trimethoprim, Gentamycin	Gói	10g	Chữa bệnh đường hô hấp, viêm phổi	HCN-22
8.	Trị các bệnh tiêu chảy	Tylosin, Chlotetracyclin	Gói	10g	Trị ỉa chảy	HCN-25
9.	Vitamin B1 viên	Vitamin B1	Lọ	1500 viên	Bổ sung vitamin	HCN-27
10.	Trị E. coli đường ruột	Sulfamid, Tylosin	Gói	10g	Trị E.coli đường ruột, phù đầu	HCN-35
11.	Cocci-top PV	Sulfamid, Tylosin	Gói	10g	Trị cầu trùng ở gà, thỏ	HCN-36
12.	CRD-MYCO	Sulfamid, Tylosin	Gói	10g	Trị hen suyễn, khạc vệt, CRD ở gà	HCN-37
13.	TYFAZOL	Sulfamid	Gói	10; 20g	Trị các bệnh như hen suyễn, CRD	HCN-38
14.	Penicillin G	Penicillin G	Lọ	0,62g	Chữa bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra như đóng dấu, nhiệt thần	HCN-1
15.	Streptomycin	Streptomycin	Lọ	1g	Chữa tụ huyết trùng, CRD	HCN-2
16.	Kanamycin sulphat	Kanamycin	Lọ	1g	Trị viêm phổi và các bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra	HCN-7

6. CÔNG TY TNHH THỦ Y VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số dăng ký
1.	Đặc trị CRD	Tylosin tartrate, Theophyllin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm.	VNC-1
2.	Kháng sinh đặc trị bệnh vịt, gà, ngan.	Chlortetracyclin, Theophyllin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	VNC-2
3.	Đặc trị cầu trùng I Anticoccid	Sulfaquinoxalin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị cầu trùng trên gia súc, gia cầm, thò, chó, mèo.	VNC-3
4.	Cocstop Vivetco	Sulfachlorpyridazine, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường tiêu hóa, viêm phế quản, viêm phổi trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, thỏ, lợn, gia cầm.	VNC-4
5.	Đặc trị tiêu chảy Antidiare	Flumequin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị viêm ruột, viêm đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, thỏ,	VNC-5
6.	Tiêu chảy lợn	Sulfaguanidin, Sulfadimidin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị ỉa chảy, kiết lỵ, viêm ruột, THT, thương hàn trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn.	VNC-6
7.	Mebenzol	Meabendazol	Gói	0,5; 1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Tẩy giun tròn, sán dây trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	VNC-8
8.	Trimexazol	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị viêm ruột, bệnh đường hô hấp, niệu -dục, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	VNC-10
9.	Trị sung phù đầu	Oxytetracyclin, VitA, D ₃ , E	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh hen, sung phù đầu	VNC-9
10.	Ampicolivet	Ampicillin, Colistin sulfat	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh viêm phổi, tụ huyết trùng, phổ thương hàn.	VNC-11
11.	Úm gia cầm	Flumequin, Vitamin A, D, E	Gói	5g; 10g; 20g; 50g; 100g, 200g; 500g; 1000g	Úm gia cầm, vịt, gà, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cút.	VNC-12
12.	B Complex	Vitamin B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , PP	Gói	30; 50; 100; 200; 500g; 1; 5kg	Cung cấp vitamin, bồi bổ cơ thể	VNC-13
13.	Nimisol	Levamisol, Niclosamide	Gói	2g; 2,5g; 5; 10g; 20g; 100g	Tẩy giun sán	VNC-14
14.	Điện giải Vitamin	NaHCO ₃ , KCl, NaCl, Natri Citrat và Vitamin	Gói	13,95g; 50g 100; 500; 1000; 5000g	Bổ sung chất điện giải, tăng cường giải độc, bồi bổ cơ thể	VNC-15

7. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TW5 (FIVEVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Five- Sultrim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi trên gia súc, gia cầm.	TW5-1
2.	Five-Gentatyl	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, chó, gia cầm.	TW5-2
3.	Five- Tylosin	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị ỉa chảy, viêm ruột trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm.	TW5-5
4.	Five-Anticoc	Sulphachlozin sodium salt, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Đặc trị cầu trùng trên gia cầm, thỏ.	TW5-6
5.	Five Anticoccid	Sulphaquinoxalin Diaverdin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Trị cầu trùng và viêm nhiễm đường ruột do vi khuẩn gây ra trên gia súc, gia cầm.	TW5-7
6.	Five-AntiCRD	Spiramycin adipat Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 500g; 1kg.	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Trimethoprim	TW5-8
7.	Five-E.C.S.09	Erythromycin, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường hô hấp, viêm đa khớp, sưng phù đầu trên gia cầm.	TW5-9
8.	Five-Enritis	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị các bệnh dạ dày- ruột, bệnh đường tiết niệu trên lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu con, gia cầm.	TW5-11
9.	Five- Amroli	Oxytetracyclin, neomycin	Gói	10, 20, 50, 100g	Viêm ruột, ỉa chảy, viêm phổi, bạch li, PTH	TW5-12
10.	Five - Cầm cúm	Paracetamol	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Hạ sốt, giảm đau, chống viêm cho gia súc.	TW5-13
11.	Five - Antidia	Colistin sulfate Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 500g; 1kg.	Trị bệnh dạ dày- ruột do các vi khuẩn nhạy cảm Colistin và Neomycin trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm và thỏ.	TW5-14
12.	Five-AC.15	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị các bệnh đường ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm.	TW5-15
13.	Five- Trimco	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị các bệnh dạ dày- ruột, bệnh đường tiết niệu trên lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu con, gia cầm.	TW5-16
14.	Five-T.C.17	Colistin, Tylosin	Gói	10, 20, 50, 100g	Trị ỉa chảy, THT, kích thích tăng trưởng gà con	TW5-17
15.	Five -Antigum	Flumequin	Gói	10, 20, 50, 100g	Trị rối loạn tiêu hoá, viêm ruột, ỉa chảy	TW5-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số dăng ký
16.	Five-Vitamin B1	Vitamin B1	Gói	10, 20, 50, 100g	Kích thích tiêu hoá, giải độc	TW5-19
17.	Five-Vitamin C	Vitamin C	Gói	10, 20, 50, 100g	Giải độc, chống nóng	TW5-20
18.	Five-Ampi-coi	Erythromycin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm.	TW5-21
19.	Five-Dotylin	Doxycyclin hyclat Tylosin tartrat salt	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Trị rối loạn tiêu hóa, ỉa chảy; viêm ruột, xuất huyết, hoại tử trên gia súc, gia cầm.	TW5-22
20.	Five-E.C.23	Erythromycin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường hô hấp trên gà, vịt, ngan, ngỗng, cút.	TW5-23
21.	Five-Colistin	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy cấp và mãn tính, viêm dạ dày trên bê, ngựa, dê, cừu, lợn thỏ, gia cầm.	TW5-24
22.	Five-DHT	Doxycyclin hyclat Tylosin tartrat salt	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Trị nhiễm trùng đường ruột và đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycyclin trên gia súc, gia cầm.	TW5-25
23.	Five-Tylosul	Sulfadiazil, Tylosin	Gói	5;10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Thuốc có tác dụng chống lại các loại vi khuẩn Gram(+), Gram(-), Mycoplasma	TW5-33
24.	Five- Amnicol	Thiamphenicol	Bình	210ml	Trị nhiễm khuẩn vết thương	TW5-34
25.	Five-Gluco	Glucose	Gói	500g; 1kg	Chống nóng, giải độc.	TW5-43
26.	Five Enflox	Enrofloxacin	Gói-hộp	5,10;20;50;100g 500g;1000g	Điều trị CRD, CCRD, THT, viêm phổi, viêm ruột, cúm	TW5-50
27.	Five- Amsoil	Tylosin, Sulfadimidine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng viêm ruột, viêm phổi trên lợn.	TW5-51
28.	Five- Tiare	Oxytetracycline; Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do VK nhạy cảm với Oxytetracycline và Tylosine trên lợn, gia cầm	TW5-53
29.	Five-Sotylin	Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh suyễn, viêm ruột ở lợn; CRD cho gia cầm.	TW5-58
30.	Five Tylosin	Tylosin tartrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin.	TW5-64
31.	Five-Neolin	Oxytetracyclin Neomycin (sulfate)	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1.000g	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin và Neomycin.	TW5-65
32.	Five-Ampicon	Ampicylin, Colistin	Gói	10, 20, 50, 100g	CRD, viêm phổi, E-Coli, PTH, viêm tử cung	TW5-69
33.	Five-Amoxcin	Amoxicillin trihydrate, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường ruột trên bê, ngựa, dê, cừu, lợn con, gia cầm	TW5-70

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
34.	Five-Anti CCRD	Spiramycin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do VK nhạy cảm với Spiramycin trên gia cầm, chim bồ câu	TW5-75
35.	Five-Flumequin	Flumequine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên gia súc, gia cầm.	TW5-76
36.	Five-Fluquin 50	Flumequine	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột, hô hấp, tiết niệu, sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine trên gia súc, gia cầm	TW5-79
37.	Five-Anticoid. A	Sulfaquinoxalin, Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị cầu trùng ruột non và manh tràng do Eimeria; Tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm.	TW5-80
38.	Hado.Antidia	Colistin sulfat, Neomycin sulfat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1Kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột trên bê, nghé, cừu non, dê con, lợn con, gia cầm, thỏ	TW5-81
39.	Hado.SHA	Doxycyclin Tylosin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1Kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Doxycyclin, Tylosin trên bê, nghé, dê, gia cầm, cừu, lợn.	TW5-82
40.	Hado.Oxy	Oxytetracyclin hydroclorid	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1Kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracyclin trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, gia cầm.	TW5-84
41.	Hado.Docy	Doxycyclin hyclat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1Kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Doxycyclin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW5-85
42.	Hado.Gen2000	Gentamycin sulfat	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1Kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Gentamycin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW5-88
43.	Hado.Moxsuper	Amoxicillin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1Kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường tiết niệu-sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin trên lợn, gia cầm.	TW5-89
44.	Hado.Covit	Neomycin Oxytetracyclin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1Kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày- ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Neomycin, Oxytetracyclin trên bê, nghé, cừu non, lợn, gia cầm, thỏ.	TW5-90
45.	Hado.Coccid	S.quinoxalin Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1Kg	Trị cầu trùng ruột non và manh tràng, Tụ huyết trùng, Thương hàn trên gia cầm.	TW5-92

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
46.	Hado. Tiêu chảy heo	Colistin sulfat Trimethoprim	Gói 1kg	10; 20; 50; 100; 500g;	Trị nhiễm khuẩn bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Colistin và Trimethoprim trên bê, nghé, cừu non, dê con, lợn, gia cầm và thỏ	TW5-95
47.	Hado.Enro.20	Enrofloxacin	Gói 500g; 1kg	5, 10; 20; 50; 100;	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa, đường tiết niệu ở bê, nghé, dê non, cừu non, gia cầm và lợn	TW5-96
48.	Hado. Gentatyl	Gentamycin sulfat	Gói 1kg	10; 20; 50; 100; 500g;	Trị chảy, viêm da dày-ruột non gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Gentamycin	TW5-98
49.	Five Ampi Kana	Ampicilline sodium, Kanamycin sulfat	Lọ 500.000 UI; 0,5g 1.000.000 UI; 1g 10.000.000 UI; 10g	Trị viêm phổi, viêm ruột, E.Coli, viêm khớp, viêm đường sinh dục, tiết niệu		TW5-54
50.	Five-Penicilin	Penicilline kali	Lọ 1; 5 triệu UI 50 triệu UI	Trị đóng đầu son, viêm phổi, leptó, nhiệt thán, tetanos, viêm vú, viêm đường sinh dục, tiết niệu.		TW5-59
51.	Five-Streptomycin	Streptomycin sulfat	Lọ 1g; 5g; 50 g	Trị THT, viêm phổi, sinh dục, tiết niệu, viêm ruột, phân trắng lợn con		TW5-60
52.	Five-Penicillin	Penicillin G postassium	Lọ 1; 5 triệu UI 50 triệu UI	Trị đóng đầu son, viêm phổi, leptó, nhiệt thán, tetanos, viêm vú, viêm đường sinh dục, tiết niệu.		TW5-63
53.	Five-Azidin	Diminazen diacelerat	Lọ 1, 18g	Trị ký sinh trùng máu		TW5-100
54.	Five-Costim	Colistin sulfat, Trime.	Lọ 10; 20; 100; 500ml	Trị E.coli, PTH, tiêu chảy lợn, dê, cừu non		TW5-4
55.	Five-Otilin	Tiamulin, Dexa Oxytetracylin,	Ông, lọ 10, 20, 50ml	Trị Leptospirosis, viêm phổi, hồng lị		TW5-10
56.	Five-Ivermectin	Ivermectin	Ông, Lọ 500ml	Phòng, trị các bệnh do ký sinh trùng ở dạ dày, phổi, thận trên trâu bò, lợn		TW5-26
57.	Five-Trile	Enrofloxacin	Ông, Lọ 500ml	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin		TW5-28
58.	Five- Kanamycin	Kanamycin	Ông, Chai 250; 500ml; 1l	Trị viêm da dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm khí quản, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu.		TW5-31
59.	Five- Gentoxcin	Gentamicin	Chai 250; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, niệu sinh dục trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu.		TW5-32
60.	Five-Kacolis	Kanamycin, Colistin	Ông, Chai 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò; nhiễm khuẩn đường niệu dục, viêm da trên chó, mèo.		TW5-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
61.	Five-Leva	Levamycol	Ống, lọ	5;10;20;50;100ml	Tẩy các loại giun tròn	TW5-38
62.	Five-P.T.L.C	Colistin sulfate, Trimethoprim	Lọ	10;20;100; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa trên lợn con, dê, cừu	TW5-39
63.	Five-Tydo.C	Tylosin tartrate, Doxycycline hyclate	Lọ	10; 20; 50;100; 500ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	TW5-40
64.	Five-Tio.D	Colistin sulfate, Tiamulin HF	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp, Leptospirosis trên trâu, bò, lợn.	TW5-41
65.	Five-Flo.30	Florfenicol	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	TW5-49
66.	Five-TT.G500	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Tylosin	TW5-55
67.	Five-S.P.C	Colistin, Spectinomycin	Ống, Lọ	5;10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do E.coli, Salmonella trên dê non, cừu non, lợn.	TW5-56
68.	Five-Lincopectin	Lincomycin Spectinomycin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm nhiễm cho trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	TW5-57
69.	Five -Anagin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt.	TW5-61
70.	Five-Amcoli-D	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm Ampicillin, Colistin gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	TW5-62
71.	Five-Cfor	Ceftiofur	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur	TW5-66
72.	Five-Genamox	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Ống, Lọ	5;10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, viêm vú, nhiễm trùng đường tiết niệu- sinh dục trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	TW5-68
73.	Five-Fe B12	Fe dextran. Vitamin B12	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên lợn, trâu, bò.	TW5-71
74.	Five-Cox 2,5%	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh cầu trùng trên gà, gà tây	TW5-72
75.	Five-Cox 5%	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh cầu trùng trên lợn.	TW5-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số dăng ký
76.	Five-Otylin	Tylosin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên bê, nghé, lợn, dê, cừu.	TW5-77
77.	Five-Enrocin	Enrofloxacin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu đạo do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW5-78
78.	Hado.Lincocin	Lincomycin	Ông Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1lit	Trị viêm khớp do <i>Mycoplasma hyosynoviae</i> hoặc <i>hyorhinis</i> , liên cầu, tụ cầu, đóng dấu, viêm phổi địa phương do mycoplasma trên lợn.Nhiễm khuẩn ở da (viêm da do tụ cầu). Nhiễm khuẩn hô hấp, viêm bàng quang, viêm âm đạo, viêm tử cung và viêm bạch huyết trên chó, mèo.	TW5-83
79.	Hado.Enro10	Enrofloxacin	Ông Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lit	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường niệu-dạo do vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW5-86
80.	Hado.Flusuper	Flumequin	Ông Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lit	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường tiết niệu-sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequin trên lợn, gia cầm.	TW5-87
81.	Hado.Spec	Colistin sulfat Spectinomycin	Ông Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lit	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Colistin, Spectinomycin trên dê non, cừu non, lợn con.	TW5-91
82.	Hado.Tylin	Tylosin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, dê, cừu	TW5-93
83.	Hado.DTS	Tylosin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml	Trị bệnh hô hấp, viêm ruột non hoại tử, bệnh lỵ, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm tai, viêm kết mạc	TW5-94
84.	Hado.dexa	Dexamethason natri phosphat	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml	Kháng viêm, chống dị ứng, stress, sốt	TW5-97
85.	Hado.Glucose	Glucose	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml	Cung cấp nước và năng lượng, giải độc, lợi tiểu, tăng sức đề kháng	TW5-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
86.	Hado.Tylosin 150.LA	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn	TW5-102
87.	Hado.Oxylin.LA	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày-ruột, viêm khớp, hội chứng M.M.A, nhiễm khuẩn gây sảy thai, nhiễm khuẩn cơ hội do virus trên trâu, bò, cừu, dê, lợn	TW5-103
88.	Hado-TLS.2000.LA	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn mà vi khuẩn mẫn cảm với tylosin trên rêu, bò, cừu, dê và lợn	TW5-104
89.	Five-Tylan@.LA	Tylosin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy ở Lợn	TW5-105
90.	Five-Amox@.LA	Amoxicillin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin, nhiễm khuẩn hô hấp gây ra bởi vi khuẩn Gram (+) và Pasteurella trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, chó và mèo	TW5-106
91.	Five-Clofenac	Natri diclofenac	Ống Lọ	5,10,20,100, 250,500,1.000ml	Trị viêm khớp mãn tính, viêm cơ, đau bụng co thắt ở ngựa và gia súc	TW5-107
92.	Five-Butasal	Butaphosphan Vitamin B12	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị rối loạn hấp thu và chuyển hóa trên gia súc, gia cầm	TW5-110
93.	Five-Vitamin B1	Thiamin hydroclorid	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, suy nhược.	TW5-112
94.	Five-Cafein	Cafein	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị suy nhược cơ thể, trợ tim, kích thích thần kinh, chữa co thắt mạch máu, giảm nhu động ruột	TW5-113
95.	Five-Vitamin K	Vitamin K	Ống Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thuốc có tác dụng cầm máu trong các bệnh gây xuất huyết, viêm ruột, viêm gan, cầu trùng ghép, E.coli bại huyết, chấn thương, coli dung huyết	TW5-114
96.	Five-Vitamin C	Vitamin C	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Chống stress, tăng cường sức đề kháng, trị các bệnh thiếu Vitamin C.	TW5-115
97.	Hado. Enflocin	Enrofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột, hô hấp, tiết niệu ở Bê, nghé, trâu, bò, dê, cừu, lợn	TW5-116
98.	Hado.Flocol.LA	Florfenicol	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol	TW5-117

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
99.	Hado.Maxfloclin.L A	Marbofloxacin	Ông, lọ Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Marbofloxacin ở Bê, nghé, lợn	TW5-118
100.	Five- Gluco.k.c.namic	Tolfenamic acid	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hạ sốt, giảm đau, tiêu viêm, phối hợp với kháng sinh điều trị M.M.A	TW5-119
101.	Hado.Thiam.oral	Thiamphenicol	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hoá trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	TW5-120
102.	Hado.Cox1	Toltrazuril	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà.	TW5-121
103.	Hado.Cox2	Toltrazuril	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên lợn con, dê non, cừu non	TW5-122
104.	Hado.Cetifor	Ceftiofur	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh hô hấp trên trâu, bò, lợn	TW5-123
105.	Hado.Ivermectin	Ivermectin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng	TW5-124
106.	Five-Nitroxynil	Nitroxynil	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị sản lá gan, giun trên trâu, bò, cừu, gà, chó.	TW5-125
107.	Hado-Bromhexin Oral	Bromhexin HCl	Túi, bao	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Làm tan dịch nhầy trong các bệnh nhiễm khuẩn trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, chó, mèo, gia cầm	TW5-126
108.	Hado-Bromhexin Injec	Bromhexin HCl	Ông, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Làm tan dịch nhầy trong các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp ở bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, chó, mèo và gia cầm	TW5-127
109.	Hado- Empacin	Oxytetracycline HCl	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, Tụ huyết trùng, Leptospirosis trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm.	TW5-128
110.	Five-Flonicol	Florfenicol	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW5-129
111.	Five-Pafllo	Florfenicol	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW5-130
112.	Hado-Roxacil Oral	Enrofloxacin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-131
113.	Hado-Cầu trùng ruột non	Sulfaguinoxalin; Diaverdin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500 g; 1kg	Trị cầu trùng đường ruột: ruột non và manh tràng ở gia cầm	TW5-132

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
114.	Five-Enfoclofenac	Enrofloxacin, Diclofenac	Ống; lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bé nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW5-133
115.	Hado-vitamin K	Vitamin K	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Cầm máu do phẫu thuật, xuất huyết do thương hàn, viêm ruột, cầu trùng, ký sinh và trong phẫu thuật trên bê nghé, cừu, dê, lợn, gia cầm.	TW5-134
116.	Five-NP.10	Neomycin sulfat, Nystatin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do nấm Candida, nhiễm trùng huyết, E.Coli, tiêu chảy, kiết lỵ, phân trắng trên gia cầm	TW5-135
117.	Hado-sung phù đầu	Sulphadimethoxine, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gà, thỏ.	TW5-136
118.	Hado-Coryza	Sulfamonomethoxin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn Gram ($\pm$), cầu trùng mẫn cảm với Sulfamonomethoxin trên lợn, gia cầm.	TW5-137
119.	Five-Doflo@LA	Florfenicol, Doxycyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	TW5-138
120.	Hado-hen gia cầm	Ampicillin, Erythromycine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Erythromycine gây ra trên gia cầm	TW5-139
121.	Five-Tilmosin	Tilmicosin (phosphate)	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị viêm phổi trên lợn	TW5-140
122.	Five-Tilmo Super	Tilmicosin (phosphate)	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gà.	TW5-141
123.	Five-Long đờm	Bromhexin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Làm long đờm trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, chó, mèo, gia cầm.	TW5-142
124.	Five-P.T.L.C Oral	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm khuẩn niệu đạo trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW5-143
125.	Hado-Flo.PC	Florfenicol	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW5-144
126.	Hado-Tilcosin	Timicosin photphat	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường phổi, nhiễm khuẩn kể phát tai xanh, hội chứng suy thoái, gãy còm, bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, bệnh tụ liên cầu khuẩn trên lợn.	TW5-145

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
127.	Five-Amolin	Amoxicillin trihydrat, Colistin sulfate	Gói 1kg	10; 20; 50; 100; 500g;	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột, hô hấp, niệu sinh dục, viêm cục bộ, nhiễm khuẩn kế phát trên bề, nghệ, lợn, cừu non, gia cầm.	TW5-146
128.	Hado-Tydoxy	Doxycyclin hyclat Tylosin tetrat	Gói 1kg	10; 20; 50; 100; 500g;	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bề, nghệ, lợn, gia cầm.	TW5-147
129.	Hado-Trisul	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói 1kg	10; 20; 50; 100; 500g;	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, niệu sinh dục, nhiễm khuẩn da trên bề, nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW5-148
130.	Five – Bogama	Sorbitol, Methionine, Choline, Betaine, Lyzine	Chai, Lọ 200; 500ml; 1 lít	10; 20; 50; 100;	Tăng khả năng hấp thu Vitamin, kích thích tiết dịch mật, đào thải chất độc, tăng trao đổi chất cho gia súc, gia cầm.	TW5-149
131.	Hado- Mebitol	Methioline, Choline, Inositol, Sorbitol, Vitamin B6, PP	Chai, Lọ 200; 500ml; 1 lít	10; 20; 50; 100;	Điều chỉnh mất cân bằng dinh dưỡng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW5-150
132.	Hado-TMS@.LA	Tilmicosin	Ông, Chai 250; 500ml	5; 10; 20; 50; 100;	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột, viêm móng trên trâu, bò, dê, cừu.	TW5-151
133.	Five-Enrobrom	Enrofloxacin, Bromhexine HCL	Lọ, Chai 250; 500ml	5; 10; 20; 50; 100;	Trị nhiễm trùng hô hấp, nhiễm trùng da dày-ruột, tiết niệu, da trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	TW5-152
134.	Hado-Quin	Flumequine	Gói, Bao 1kg	10; 20; 50; 100; 500g;	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(-) và Gram(+) gây ra trên bề, nghệ, ngựa con, dê non, cừu non, gia cầm, thỏ.	TW5-153
135.	Hado-Amox.LA	Amoxycillin trihydrate	Ông, Chai 250; 500ml	5; 10; 20; 50; 100;	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu - sinh dục, viêm vú, nhiễm khuẩn kế phát trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	TW5-154
136.	Five-Oxyrmykein	Oxytetracycline,	Ông, Chai 250; 500ml	5; 10; 20; 50; 100;	Trị nhiễm khuẩn da dày-ruột, hô hấp, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	TW5-155
137.	Hado-Ennew	Enrofloxacin	Thu, lon 200; 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100;	Trị nhiễm khuẩn da dày-ruột, hô hấp, tiết niệu trên bề, nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TW5-156
138.	Hado-Ca.Gluconat K.C	Vitamin C, Calcium glucoheptonat, Sodium hypophosphite	Ông, Chai 500ml	5; 10; 20; 100; 250;	Trị bệnh do thiếu vitamin C, can xi, phot pho trên gia súc	TW5-157

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
139.	Hado-Doxycyclin oral	Doxycycline	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bề, nghệ, lợn, gia cầm.	TW5-158
140.	Hado-Flocol 200 Oral	Florfenicol	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm.	TW5-159
141.	Hado-Nám phổi	Neomycin sulfat, Nystatin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nấm Candida, nhiễm trùng máu, E.Coli, lỵ, tiêu chảy trên gia cầm	TW5-160

8. CÔNG TY TNHH THÚ Y XANH VIỆT NAM (GREENVET CO., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Gluko K,C	Glucosa, VitaminK, Vitamin C	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Cung cấp năng lượng, giải độc, giải nhiệt, chống nóng, chống stress.	GRV-1
2.	Super Egg	Oxytetracycline, Vitamin A, D, E, các vit thiết yếu khác	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Cung cấp vitamin, nâng cao sức đề kháng, tăng tỷ lệ đẻ, tỷ lệ phối và ấp nở	GRV-2
3.	Tylanvet	Tylosin tartrate	Gói, hộp	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Trị bệnh gây ra do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm như -CRD, suyễn lợn.	GRV-11
4.	Streptomycin	Streptomycin sulfat	Gói	1g	Trị nhiễm khuẩn gia súc	GRV-13
5.	Levavet Powder	Mebendazol	Gói	2g	Trị giun tròn lợn, chó, gia cầm	GRV-19
6.	AD3EBcomplex	Vitamin	Gói	100; 150g	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-20
7.	B Complex	Vitamin B1,B2, B6, B12, PP	Gói	100g	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-21
8.	Vitamin B1 viên	Vitamin B1	Lọ	1800 viên (0,1g/1 v)	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-22
9.	B Complex	Vitamin B1,B2, PP, B6, B12	Lọ	1800 viên	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-25
10.	Coli-dox	Colistin sulphate Doxycyclin	Gói, hộp	10,20,50,100, 250,500g, 1kg, 5kg	Trị hen, hen ghép E.coli, thương hàn, trên gia cầm, lợn con phân trắng, viêm phổi .	GRV-30
11.	Coli-200	Colistin sulphate Trimethoprim	Gói, hộp	10,20,50,100, 250,500g, 1kg.	Trị các bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim	GRV-31
12.	Coxymax	Sulphachlozin	Gói, hộp	10,20,50,100,200, 500g 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn , THT.	GRV-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13.	Linco-spec inj	Lincomycin, Spectinomycin	Gói, Hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g 1kg	Trị viêm nhiễm gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Doxycycline và Tylosin.	GRV -37
14.	CRD.Com	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gà, vịt, ngan, cút.	GRV -39
15.	MG-200	Tylosin tartrate, Doxycyclin HCL	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm ruột hoại tử, pho thương hàn trên bê, nghé, lợn con, dê con, cừu con, thỏ, gia cầm.	GRV -40
16.	Flornax	Florfenicol	Túi, gói	100g; 1; 5; 10kg.	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn và các vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	GRV -41
17.	Tylandox	Doxycycline, Tylosin	Túi, Bao	10; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm dạ dày-ruột, đường hô hấp trên bê, lợn, cừu, gia cầm.	GRV -42
18.	Cox-Q	Sulfaguinoxaline, Trimethoprim	Túi, Bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị E.coli và cầu trùng trên gà.	GRV -43
19.	Neo-colistin	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Túi, Xô	100; 500g; 1; 5; 10 kg	Trị viêm dạ dày-ruột do vi khuẩn nhạy cảm với neomycin và colistin trên bê, nghé, cừu non, lợn, thỏ, gia cầm	GRV -45
20.	Penicillin	Penicillin potassium	Lọ	1.000.000 UI	Trị nhiễm khuẩn gia súc	GRV -12
21.	Pen-Strep	Penicillin, Streptomycin	Lọ	500000UI + 1g	Trị bệnh nhiễm khuẩn gia súc	GRV -17
22.	AMOXYCOL - WS	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị E.coli, viêm ruột hoại tử, tụ huyết trùng, thương hàn, coryza, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV -46
23.	Trimazol - 480WS	Sulphadiazin, Trimethoprim	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị E.coli, Salmonella, tụ huyết trùng, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV -47
24.	NEOX - CHICK	Oxytetracycline, Neomycin sulphate, Vitamin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn, tăng sức đề kháng	GRV -48
25.	NEO-DOX PLUS	Doxycycline hyclate, Neomycin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, E.coli, thương hàn, suyễn, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV -50
26.	COLI - S 1200WP	Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị các vi khuẩn gây bệnh nhạy cảm với Colistin trên gia súc, gia cầm	GRV -51
27.	Gentadox	Gentamicin sulphate, Doxycycline hyclate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, E.coli, tụ huyết trùng, thương hàn, Hemophilus trên gia súc, gia cầm	GRV -52

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
28.	DOXYCOL	Doxycycline hyclate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, <i>E.coli</i> , tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, <i>Haemophilus</i> trên gia súc, gia cầm	GRV-53
29.	LS - FORTE	Spectomycin, Lincomycin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, <i>E.coli</i> , tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, ileitis trên gia súc, gia cầm	GRV-54
30.	NEOMIX	Neomycin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với neomycin trên gia súc, gia cầm	GRV-55
31.	OTC 220 Premix	Oxytetracycline	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm đường ruột, viêm teo mũi, bệnh nghệ do <i>Leptospira</i> trên heo. Trị viêm ruột do vi khuẩn trên cừu, dê con. Viêm đường ruột do vi khuẩn và viêm phổi trên bê, nghệ	GRV-56
32.	Doxymix 12,5%	Doxycycline (hyclate)	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi trên heo	GRV-57
33.	Super Doxy 50%	Doxycycline hyclate	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột, hô hấp trên bê, nghệ, dê non, cừu non, lợn, gia cầm.	GRV-58
34.	Flor-400	Florfenicol	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn.	GRV-59
35.	Ery-1000	Erythromycin thiocyanate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	GRV-60
36.	Sulfamono-1000	Sulfamonomethoxine natri	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị ký sinh trùng đường máu, cầu trùng trên gia cầm.	GRV-61
37.	Tylosin-1000	Tylosin tartrate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	GRV-62
38.	G-MOX 50%	Amoxycyline trihydrate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng kế phát, nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm.	GRV-63

9. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	T&D Toi gà vịt ngan	Ampicilin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilin, Colistin gây ra trên gia cầm	TD-02

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2.	T&D Flumcolis 3000	Flumequin sodium	Túi, Hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200;300;500g;1; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm trùng máu trên gia súc, gia cầm.	TD-04
3.	T&D Vetmac	Doxycyclin, Neomycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+), Rickettsia	TD-5
4.	T&D Tetracyclin	Tetracyclin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh đường hô hấp	TD-7
5.	T&D Vitamin B1	Vitamin B1	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức đề kháng, bổ sung vitamin	TD-8
6.	T&D Tylosin	Tylosin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh đường hô hấp	TD-9
7.	T&D Vitamin C	Vitamin C	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức đề kháng, bổ sung vitamin	TD-10
8.	T&D Glucoza	Glucoza	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức đề kháng, cung cấp năng lượng	TD-11
9.	T&D Levamisol	Levamisol	Túi	2; 5; 10g	Tẩy các loài giun phổi, dạ dày- ruột	TD-12
10.	Đặc trị cầu trùng - Tiêu chảy	Sulfaquinoxalin, Trimethoprim,	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200,500g; 1kg; 10kg	Phòng, trị cầu trùng, ỉa chảy, thương hàn, viêm ruột, hồng lý ở gia súc, gia cầm.	TD-13
11.	T&D Doxycyclin 10%	Doxycyclin	Túi	5;10;20;30;50;100; 200g;300;500g;1;10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	TD-15
12.	T&D Oxytetracyclin 20%	Oxytetracyclin	Túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g;1; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	TD-17
13.	T&D Mebendazol 10%	Mebendazol	Túi	2; 5; 10g	Tẩy giun cho gia súc, gia cầm	TD-19
14.	T&D Gum gả	Oxytetracyclin, Vitamin C.	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200;300;500g;1;10kg.	Trị các bệnh kế phát sau Gum, nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tăng sức đề kháng trên gia cầm.	TD-20
15.	Amoximox	Amoxicillin trihydrate	Gói, Hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	TD-21
16.	TD- Neocolivet	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, Hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	TD-22
17.	Doxygent- T	Gentamycin sulfate, Doxycyclin HCL	Gói, Hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị viêm phổi, bệnh đường ruột trên trâu, bò, cừu, lợn, gia cầm	TD-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18.	Dinamicin	Trimethoprim, Colistin sulfate	Gói, Hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh dạ dày- ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	TD-24
19.	Alpha-Flox	Thiamphenicol	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg	Trị bệnh viêm phổi, CRD, thương hàn, phó thương hàn, nhiễm khuẩn tiêu hóa trên gia súc, gia cầm.	TD-25
20.	Alpha- Vita.Colivit	Oxytetracyclin HCl, Neomycin Sulphat	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Oxytetracycline gây ra trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	TD-26
21.	Alpha-Coryvet	Sulphamonomethoxin	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg	Trị sởi mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm ruột hoại tử, viêm phổi trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm.	TD-27
22.	Alpha-Doxytylo	Doxycyclin, Tylosin tartrate	Túi, Hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp CRD, CCRD, sưng phù đầu,tụ huyết trùng, nhiễm trùng dạ dày- ruột trên gia súc, gia cầm.	TD-28
23.	Alpha-Hết sốt	Paracetamol	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg	Hạ sốt, giảm đau trong các chứng bệnh viêm nhiễm trên gia súc, gia cầm.	TD-29
24.	Alpha-Ticovet	Tilmicosin phosphate	Túi, Hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, heo, gia cầm	TD-30

10. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y MIỀN BẮC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	N-Eryampi	Erythromycin thiocyanate, Ampicillin trihydrat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh hô hấp như CRD, THT, viêm hoạt dịch, ngạt mũi, sởi mũi	MB-02
2.	N-Oxycol	Tetracyclin HCl, Colistin sulphat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1kg	Trị bệnh viêm đường hô hấp mãn tính, bệnh nhiễm trùng do E.coli	MB-03
3.	N-Sulmedia	Diaveridin sodium, Sulphadimidin sodium.	Gói	10, 20, 50, 100, 200,500g; 1; 5kg	Trị các bệnh gây ra do cầu trùng tại ruột già, ruột non ở gia súc, gia cầm	MB-06

4.	N-Aspersid	Nystatin, Tetracyclin HCl	Gói	10, 20, 50, 100,200,500g; 1kg	Trị bệnh nấm phổi do <i>Aspergillus Fumigatus</i> gây ra với những triệu chứng ở đường hô hấp	MB-07
5.	N-Coccisid	Sulfachlorpyrazin, Sulphadimidin sodium.	Gói	10, 20, 50, 100, 200,500g; 1, 5kg	Thuốc trị cầu trùng, E.coli, THT, bạch lỵ	MB-08
6.	N-Doxysin	Doxycyclin HCl, Tylisin , Theophyllin	Gói	3; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh CRD, viêm phế quản phổi, THT, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung,	MB-09
7.	N-Anticoli	Tiamulin HF, Vitamin A Chlortetracyclin HCl	Gói	10, 20, 50, 100,200,500g; 1kg	Thuốc trị các bệnh do E.coli, bệnh viêm nhiễm đường hô hấp, THT, viêm khớp	MB-10
8.	Ampicoli - oral	Ampicillin trihydrat, Colistin sulphat	Gói	10, 20, 50, 100,200,500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thương gấp ở đường tiêu hoá và hô hấp	MB-11
9.	N- Meguine	Flumequine sodium salt	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, viêm khớp, viêm da.	MB-24
10.	N- Doxycoli	Doxycyclin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường ruột trên gia cầm.	MB-01
11.	N-Levasol	Levamisol	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị giun đường tiêu hoá trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MB-33
12.	N- Vitamin	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, C, K3, PP, B5, Acid folic	Gói	3; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh do thiếu vitamin gây ra trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	MB-37
13.	N-Colidin	Colistin sulfate, Sulphaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên trâu, bò.	MB-42
14.	N-Coli 500	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim gây ra	MB-43

11. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y VIỆT ANH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Tylosin 98%	Tylosin tarttrat	Lọ, ống,gói	500mg;1; 10g	Trị các bệnh đường hô hấp, hen suyễn, CRD.	VA-01
2.	Viaetro	Enrofloxacin	Gói, Hộp	10, 20; 50; 100g; 1kg	Trị viêm ruột, ỉa chảy,	VA-02
3.	Colivet-S	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, viêm xoang, thương hàn, phân trắng, phân xanh, THT	VA-04

4.	Viamoxyl 15.S	Amoxycilline	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline cho bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-24
5.	Via.SBA 30%	Sulfaclozine	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, bệnh tả trên gà.	VA-33
6.	Via- Salcol	Flumequine	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên bê	VA-34
7.	Thuốc tẩy giun Via-Levasol	Levamisol	Túi	2; 4; 5; 10; 100g	Tẩy giun tròn, giun đũa, giun tóc, giun móc, giun phổi, cho gà, bê, nghé, chó, mèo.	VA-35
8.	Viadonald	Ampicilline (trihydrat) Erythromycine	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Ampicillin và Erythromycin trên gia cầm.	VA-21
9.	Viacox	Sulfaguinoxaline Trimethoprim	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng và thương hàn gia cầm.	VA-37
10.	Viadiath	Sulfaguanidine Sodium salicylate	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày- ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfaguanidine	VA-38
11.	Viamasti	Gentamycin sulfat Cloxacilline sodium	Syringe	9,0 gam	Trị nhiễm trùng vú do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin, Cloxacilline trên bò sữa.	VA-41
12.	Viametri	Amoxycilline trihydrat	Syringe	17,8 Gam	Trị nhiễm trùng tử cung do các vi khuẩn nhạy cảm Amoxycilline gây ra trên bò cái, lợn nái.	VA-42
13.	Anti.Moca	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, PP, C, K3, Calci pantothenat, methionin, Lysin, Choline, Sắt, Mangan, Đồng, Cobalt	Gói	50; 100g	Cân bằng dinh dưỡng, chống stress trên gia cầm.	VA-43
14.	Viatox-Spray	Deltamethrine	Chai, Bình	50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh ký sinh trùng do ruồi, ve, ghẻ, rận	VA-44
15.	VIA.TTS	Trimethoprim Sulfadiazine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu trên bê, ngựa, lợn, gia cầm	VA-48
16.	VIA.Doxytylo	Tylosin, Doxycyclin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-50
17.	VIA.Gentadox	Gentamycin Doxycyclin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	VA-51
18.	Vita B-Complex+ K3+C WSP	Vitamin B1, B2, B6, B12, C, K3, Calci d- pantothenate, Nicotinic acid, Acid folic.	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh thiếu Vitamin, stress	VA-55

19. Super Egg	Oxytetracyclin HCL, Vitamin A, D3, E, K3, B2, B12, PP, Calci pantothenate, L- Lysine DL- Methionine,	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên gia cầm.	VA-56
20. Viacryo-10	Erythromycine, Colistin	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, nhiễm khuẩn dạ dày-ruột, thương hàn trên gia cầm.	VA-57
21. Via. Bromxin	Bromhenxin	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm đường hô hấp ngựa non, bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm, chó, mèo.	VA-60
22. Via. Ampic-Coli	Ampicillin	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị thương hàn, bạch lý, tụ huyết trùng, đốm đầu trên bê, nghé, dê non, lợn con, gia cầm.	VA-61
23. Ứn gia cầm. Via	Ampicillin, Erythromycine	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá, hô hấp, sinh dục trên gia cầm.	VA-62
24. Via. Tliane	Tylosin tartrate	Túi, Lon	10;20;50;100;500g;1kg	Trị hồng lý, suyễn trên lợn	VA-64
25. Coli-500	Colistin sulphate, Trimethoprim	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg.	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Trimethoprim	VA-65
26. Via. Costrim	Oxytetracycline, Sulfadimidine	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline, Sulfadimidine	VA-68
27. Via.doxy-200	Doxycycline base	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	VA-70
28. Via.gentacos	Gentamycin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra ở bê	VA-71
29. AZ-Moxy 50S	Amoxycilin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin	VA-73
30. Tylosin	Tylosin tartrate	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị CRD, viêm phổi, hồng lý, THT do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin trên bò, lợn, gia cầm	VA-74
31. AZ-Doxy 50S	Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm mũi, viêm phổi, đường ruột, viêm vú, tử cung, bệnh lý trên bê, cừu, lợn, gia cầm	VA-75
32. Via. Pnautec	Oxytetracycline, Tylosin		10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline; Tylosin trên lợn và gia cầm	VA-76
33. Az Flomax	Florfenicol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên gia cầm	VA-79
34. Ampic-Coli extra	Ampicilline, Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline, Colistin trên gia cầm	VA-80

35. Antigumboro	Potassium citrate; Sodium citrate; Vitamin B1; B2; C; Menadione; Nicotinamide; Troxerutine; Phenylbutazone	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng các triệu chứng bệnh Gumboro. Tăng cường chức năng gan thận ở gia cầm. Chống viêm, hạ sốt trong các bệnh nhiễm khuẩn, nhiễm virus có sốt	VA-82
36. AZ. Genta-Tylosin	Gentamycine, Tylosine, Vitamin A	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột, viêm mũi, sổ mũi trên gia súc, gia cầm	VA-85
37. AZ. NEO - NYS	Neomycine sulfate Nystatin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do nấm Candida, nhiễm trùng huyết, E.Coli, tiêu chảy, kiết lỵ, phân trắng trên gia cầm	VA-86
38. AZ PARA C	Paracetamol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt.	VA-88
39. Viaenro - 5 inj	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, các bệnh ia chảy..	VA-06
40. Via Quino-10	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, các bệnh ia chảy..	VA-07
41. Tylosin 5% inj	Tylosin tartrat	Lọ	10; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, hen suyễn, CRD,..	VA-08
42. Chlotetrason 10% inj	Chlotetracyclin	Lọ	5,10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	VA-09
43. Oxytetracyclin 10%	Oxytetracyclin HCL	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, dạ dày,...	VA-10
44. Via. Vitamin B1	Vitamin B1	Lọ	50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin B1	VA-11
45. Viamectin-25	Ivermectin	Lọ	10; 20; 100ml	Tẩy các loại giun, trị các loại ký sinh trùng	VA-12
46. Tiamulin HF 10%	Tiamulin HF	Lọ	10; 20; 100ml	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp như viêm phổi, suyễn, viêm màng phổi	VA-13
47. Vitamin C 5%	Vitamin C	Lọ	50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin C	VA-14
48. B Complex	Vitamin nhóm B	Lọ	20;50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin	VA-15
49. Spolymycin	Colistin sulfate	Lọ	10; 20;100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, viêm xoang, vết loét, thương hàn, phân trắng.	VA-16
50. Nor.E.Coli	Norfloxacin HCL	Lọ	20; 10; 100ml	Phòng và trị viêm ruột, ia chảy, THT, đóng dấu, viêm phổi, CRD, CCRD	VA-18

51. Viamoxyl	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline	VA-19
52. Viaprimazin	Trimethoprine, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 100ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprine và Sulfadiazine.	VA-20
53. Rovamycin	Spiramycin	Lọ	5; 10; 20; 50 ; 100ml	Phòng, trị các bệnh do Mycoplasma và các vi khuẩn Gr(+), Gr (-) gây ra.	VA-23
54. Glucose 30%	Glucose	Chai	10; 20; 50; 100ml	Cung cấp năng lượng, tăng sức đề kháng ,	VA-25
55. Via. Antibio	Ampicilline trihydrate, Colistin (sulfat), Dextra	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh đường ruột, viêm phổi, đường tiết niệu cho trâu, bò, lợn, cừu, ngựa	VA-26
56. Vialfox 100	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin cho trâu, bò	VA-27
57. Viaguyl 60S	Flumequine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	VA-29
58. Vialfox 50	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin cho trâu, bò, lợn, chó	VA-30
59. Viaquino 100	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml, 1l	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin cho gia cầm.	VA-31
60. Viaquino 25	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml, 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin cho bê, nghé.	VA-32
61. Vialimox	Amoxycilline (trihydrate), Colistin	Lọ	20; 50; 100ml.	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline và Colistin cho lợn, bê, nghé.	VA-36
62. Viatylan 20%	Tylosine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	VA-39
63. Viacolin	Kanamycine sulfat, Colistin sulfat	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycine và Colistin lợn, chó, mèo.	VA-40
64. VIA. Khớp.	Phenylbutazone	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, viêm màng hoạt dịch, viêm vú, tử cung.	VA-45
65. VIA. Suyễn	Doxycyclin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản trên trâu, bò, lợn	VA-46
66. VIA. Doxyl LA	Doxycyclin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, hen suyễn trên trâu, bò, lợn	VA-47
67. Đặc trị E.coli sung phù đầu-VIA	Flumequine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh sung phù đầu trên lợn do E.coli	VA-49
68. Via. Gentamox	Amoxycilline, Gentamycin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline và Gentamycin	VA-52

69.	Via.Gine+C	Analgine, Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100ml	Chữa cảm nắng, sốt cao, thấp khớp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	VA-54
70.	Via.flor LA	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	VA-58
71.	Via.enro-25	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng tiêu hoá, hô hấp, sinh dục trên bê, nghé.	VA-59
72.	Via.Coccid	Sulfaquinolaxin, Pyrimethamine	Lọ	5;10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị cầu trùng, nhiễm trùng đường tiêu hoá trên gia cầm, thỏ.	VA-63
73.	Chloterason	Doxycycline HCL	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	VA-9
74.	Via.cox Toltral	Toltrazuril	Lọ	10, 20, 50, 100, 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng ở gà	VA-66
75.	Đặc trị E.coli sung phù đầu	Flumequine	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	VA-67
76.	Viatril	Enrofloxacin base	Chai	10, 20, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	VA-69
77.	Via. Fer dextran B12	Fer dextran, B12	Lọ	2;5;10;20;50;100; 250ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt ở bê và lợn con	VA-72
78.	Via. Flosol oral	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp do VK nhạy cảm với Florfenicol trên lợn, gia cầm	VA-77
79.	Azquinotec	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, sinh dục do VK nhạy cảm với Enrofloxacin trên gia cầm	VA-78
80.	Az Flotec 23% oral	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml;1 lít	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên lợn	VA-81
81.	AZ DIPAFENAC	Diclofenac sodium	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1 l	Hạ sốt, giảm đau trong đau bụng, bệnh đường ruột, viêm vú, viêm khớp cấp tính, mãn tính và an thần trên bò, cừu, dê, ngựa, lạc đà, chó, mèo.	VA-83
82.	AZ Gluco KC Bamin	Vitamin C, Calcium gluconogluco heptonate Sodium Hypophosphite	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1l	Bổ sung Vitamin C, Calci, Phospho cho hoạt động của hệ thần kinh, cơ bắp và tim mạch. Tăng cường chuyển hóa trên bò, cừu, dê, lợn, ngựa, chó, mèo	VA-84
83.	AZ - Meloxicam	Meloxicam	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1l	Chống viêm giảm đau trong các bệnh về cơ, xương cấp tính và mãn tính. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, nhiễm trùng huyết trên bò, ngựa, lợn.	VA-87

84.	IVERMEC 1%	Ivermectine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tẩy giun tròn, giun phổi, giun dẹt dài, giun đường tiêu hóa và các loại ấu trùng. Diệt ve, ghẻ, bọ chét, chấy rận ở bò, cừu, lợn.	VA-89
85.	VIA. Bromhexin	Bromhexine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tác dụng loãng đờm, tan đờm, hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo.	VA-90
86.	VIA.hepatol + B ₁₂	Sorbitol, Methionine, Vitamin B ₁₂ , Vitamin B ₆ , Vitamin B ₂	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng tiết mật, giải độc và tăng cường chức năng gan cho thú khi mắc các bệnh nhiễm trùng, sử dụng kháng sinh nhiều ngày, ngộ độc thức ăn	VA-91
87.	Az.amoxy-col 20%	Amoxycillin trihydrat, Colistin sulfat	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường sinh dục trên bê, cừu, lợn, gia cầm.	VA-93
88.	Az.doxyyl 300 extra	Tylosine tartrate, Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm trùng do các chủng nhạy cảm với Tylosine, Doxycycline trên bê, ngựa, lợn, gia cầm.	VA-94
89.	Az.quino 20% gold	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lit	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm, trâu, bò, bê, cừu, dê.	VA-95
90.	Az.gentidox	Gentamycin sulfat, Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin, Doxycycline trên trâu, bò, lợn, gia cầm	VA-96
91.	Az.tylo 200	Tylosine tartrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính trên gia cầm, viêm màng hoạt dịch và viêm xoang trên trâu, bò, lợn.	VA-97
92.	Az.levasol 20%	Levamisole HCL	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Phòng và điều trị các loại giun ở các loài gia súc, cừu, dê, lợn, gia cầm.	VA-98
93.	Az.cocidial usa	Sulfaclozine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị cầu trùng, thương hàn, dịch tả trên gia cầm	VA-99
94.	Aztosal	Butaphosphan, Vitamin B12	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1lit	Trị rối loạn chuyển hóa do sau khi điều trị bệnh, dinh dưỡng kém, dưỡng chất không đầy đủ.	VA-101
95.	AZ.Dimethon	Sulfadimethoxine sodium	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, cầu trùng trên bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm.	VA-102
96.	AZ.Triethoxin	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxine và Trimethoprim gây ra trên gia cầm, thỏ.	VA-103
97.	AZ.Monothoxin	Sulfadimethoxine sodium	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị ký sinh trùng đường máu, cầu trùng trên gia cầm, thỏ.	VA-104

98. AZ.Timicosin 30%	Timicosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VA-105
99. AZ.Timicosin Oral	Timicosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VA-106

12. CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG NGUYỄN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Ampi-Colis	Ampicillin, Colistin sulfate	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Trị THT, thương hàn, CRD, phân xanh, phân trắng do Ecoli trên gia cầm. THT, viêm phổi, ỉa chảy cấp trên trâu bò, lợn con phân trắng.	NGH-01
2.	Vitamin B complex	Vit B1, B2, B6, PP	Túi	100; 500; 1000g	Bổ sung các vitamin nhóm B, kích thích sinh trưởng, tăng trọng lớn nhanh	NGH-08
3.	Vitamin B1	Vitamin B1	Túi	100; 500; 1000g	Kích thích tiêu hoá, tăng cường trao đổi chất, tăng sức đề kháng cho cơ thể	NGH-09
4.	Vitamin C	Vitamin C	Túi	100; 500; 1000g	Phòng chống bệnh chảy máu, bền vững thành mạch, chống xuất huyết ngoại da	NGH-10
5.	Tetracyclin HCL	Tetracyclin HCL	Túi	100; 500; 1000g	Phòng, trị viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng máu, viêm ruột, tụ huyết trùng.	NGH-11
6.	Điện giải-Vitamin	Vit B1, B2, PP, B6, NaCl, KCl, NaHCO ₃	Túi	10; 20; 50; 100g	Bổ sung vitamin và chất điện giải, chống mất nước trong các bệnh như ỉa chảy	NGH-28
7.	Levamisol	Levamisol	Túi	2; 5; 10g	Phòng trị bệnh giun tóc, giun đũa, giun móc, các loại sán lá, sán dây	NGH-29
8.	Levamisol 7%	Levamisol	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị bệnh giun tóc, giun đũa, giun móc, các loại sán lá, sán dây	NGH-30
9.	Vitamin K3	Vitamin K3	Túi	5; 10; 20; 50; 100g	Thuốc có tác dụng cầm máu trong các bệnh xuất huyết, viêm ruột, cầu trùng	NGH-32
10.	NGH - Acotrim	Trimethoprim, Sulfamethoxazol, Lactose	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do M.gallisepticum, M.synoviae, E.coli, phân xanh, phân trắng. THT cho Trâu, Bò, Dê, Lợn	NGH-34
11.	Điện giải-Vitamin	Vit B1, B2, PP, B6, NaCl, KCl, NaHCO ₃	Túi	10; 20; 50; 100g	Bổ sung vitamin và chất điện giải, chống mất nước trong các bệnh như ỉa chảy,...	NGH-28
12.	NGH- Neotesol	Neomycin sulfat, Tetracyclin, Lactose	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin và Neomycin	NGH-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đồng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13.	Meta- Kazol	Flumequin, Vitamin K ₃ , DL- Methionin, L- Lysin,	Gói	5; 10; 20; 50g; 100g;500g;1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin cho <u>Trâu,Bò, Dê, Lợn, và Gia cầm</u>	NGH-38
14.	Zimmix - A15	Vitamin A, D ₃ , B1,E, PP, DI- Methionin, Lysin, Sắt Oxalat, Kalicloride, CaCO ₃ , Kẽm sulfate, MnSO ₄ , CuSO ₄ ,	Gói	5; 10; 20; 50g; 100g;500g;1kg	Cung cấp vitamin và khoáng cần thiết cho <u>Lợn, Trâu, Bò, Gia cầm</u> và thú cảnh, tăng sức đề kháng, phòng chống Stress.	NGH-39
15.	Doxy-Tylo	Doxycyclin hydrochloride, Tylosin tartrate, Lactose	Gói	5;10;20;50;100; 500g;1kg	Đặc trị tiêu chảy, viêm phổi, THT ở <u>Bé, nghé Dê, Cừu, Lợn, CRD, C-CRD, THT ở gia cầm</u>	NGH-41
16.	Trị tiêu chảy	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói	5;10;20;50;100g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Neomycin gây ra.	NGH-42
17.	Ofloquin	Flumequin	Gói	5; 10; 20; 50g; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin cho <u>trâu, bò, cừu, dê, lợn, gia cầm.</u>	NGH-05
18.	Ecoli-ST4	Trimethoprim Sulfamethoxazol	Gói	5;10;20;50;100g	Trị THT, PTH, Thương hàn, lợn con phân trắng, nhiễm trùng đường tiêu hoá do E.coli	NGH-02
19.	Trị hen vịt - tụ huyết trùng	Tetracyclin hydrochloride, Tylosin tartarat	Gói	5; 10; 20; 50g; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, hồng ỉy, lợn con phân trắng, phân xanh, viêm phổi, THT, CRD, CCRD cho <u>Bé, nghé, cừu, lợn</u>	NGH-07
20.	Trị cầu trùng	Sulphachlopyridazin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, bệnh đường niệu, viêm dạ dày ruột, viêm phổi, THT trên gia cầm.	NGH- 49
21.	CRD-Genotic	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate	Gói	2; 5; 7; 10; 20; 50; 100; 500g	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên bé, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm.	NGH- 54
22.	Oxyetrasul	Oxytetracycline, Sulfadimidine	Gói	2; 5; 7; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy, hồng ỉy, viêm phổi, viêm phế quản, THT, cầu trùng trên lợn, thỏ, gia cầm.	NGH- 58
23.	Kháng sinh ngăn vịt	Norfloxacin; A.ascorbic	Túi, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do E.Coli, Salmonella, thương hàn, THT, phân trắng, vàng,xanh, hen xuyễn, viêm đường hô hấp, CRD, viêm xoang	NGH- 60
24.	Úm gia cầm	Oxytetracyclin, Vit D ₃ , K ₃ , B ₂	Túi, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị THT, thương hàn, tiêu chảy cho gà, vịt. Tăng sức đề kháng, chống còi cọc.	NGH- 61

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
25.	NGH-Anticoccid	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Túi	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá trên bê, cừu non, dê non, lợn, thỏ, gia cầm.	NGH- 64
26.	Enro-2000	Enrofloxacin	Túi	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu non, gia cầm.	NGH- 65
27.	Coli-1002	Trimethoprim Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gà, vịt, thỏ.	NGH- 74
28.	Flor-400	Florfenicol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị tiêu chảy, Ecoli, thương hàn, phó thương hàn, nhiễm khuẩn hô hấp, viêm phổi do liên cầu, phế cầu, tụ huyết trùng trên lợn, gà, vịt	NGH- 75
29.	Bromhexin-100	Bromhexine HCL	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Tác dụng loãng đờm, tan đàm, hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo.	NGH- 78
30.	Thiamphenicol-10%	Thiamphenicol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị thương hàn lợn, tiêu chảy, liên cầu khuẩn, tụ huyết trùng, trực khuẩn lỵ, đóng dấu trên bê, nghé, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt, thỏ.	NGH- 79
31.	Amoxil-100	Amoxicillin trihydrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị nhiễm trùng cấp, viêm phổi, viêm phế quản, viêm da, mô mềm, tụ huyết trùng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NGH- 82
32.	Analgin-C	Analgin , Vitamin C	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1Kg	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, thỏ, gia cầm.	NGH- 90
33.	AD3E Bcomplex	Vitamin A, D3, E, B1, B2, PP, B6, B5	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Kích thích phát triển, phòng chống stress. còi cọc, chậm lớn, bại liệt	NGH-15
34.	Vit B complex	Thiamin chloride, Pyridoxin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường bổ sung Vitamin nhóm B	NGH-16
35.	Ampicolis	Ampicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm ruột gây ỉa chảy thương hàn, Ecoli.	NGH-18
36.	Tylo-50	Tylosin tatrare	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, suyễn, CRD, viêm phổi, viêm ruột ỉa chảy, đóng dấu,THT, sung phù đầu, phân xanh, phân trắng ở gia súc, gia cầm	NGH-19
37.	Coliseptyl	Sulfadimidine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá, cầu trùng, dung huyết, sung phù đầu, viêm phổi.	NGH-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
38.	Ampisep	Ampicilline, Sulfadimidin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị chứng phù đầu, đông đầu, tụ huyết trùng viêm ruột, ỉa chảy	NGH-21
39.	NGH-Gentalyo	Gentamycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, viêm đường hô hấp, hồng ỉy, đông đầu E.coli, ỉa chảy.	NGH-24
40.	Vibramycin- Forte	Doxxyyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, hen, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm đường tiết niệu, đường sinh dục, thương hàn, ỉa chảy,...	NGH-25
41.	Enro-flox	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, THT ở gia súc, gia cầm, phân xanh, phân vàng,	NGH-26
42.	Tylocol	Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen gà, khêc vịt, cúm gà, suyễn lợn, tụ huyết trùng, viêm phổi, lợn con phân trắng	NGH-27
43.	Enro-10	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh lợn con phân trắng, E.coli, xung phù đầu.	NGH-33
44.	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Lọ, Ông Túi	5; 10ml 5; 10; 20; 50g; 100g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin tartrate gây ra	NGH-35
45.	Namax	Natri hydrocarbonate, Natri citrate, MgCl ₂ , Natri sulfate, Lactose	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Trị chứng bụng, đầy hơi, rối loạn tiêu hóa do thức ăn không tiêu. Kích thích tiêu hóa. Có tác dụng kiềm hóa nước tiểu hoặc kháng A xít.	NGH-36
46.	Analgyn - 30%	Anagin (Natri metanzol)	Lọ	5; 10; 20; 50ml; 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, chống sốt cao trong các bệnh nhiễm trùng, bệnh viêm phổi,	NGH-40
47.	Vitamin B1 2,5%	Thiamin hydroclorid	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị các bệnh do thiếu Vít B1 gây ra, kích thích tiêu hoá, tăng tính thèm ăn.	NGH-43
48.	Glucose 5%	Glucose khan	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giải độc và lợi tiểu trong các bệnh nhiễm độc cyanua, carbone dioxyde.	NGH-44
49.	Kanamycin-10%	Kanamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin	NGH-45
50.	Lincomycin-10%	Lincomycin hydroclorid	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin.	NGH-46
51.	Nor-Coli	Norfloracin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloracin gây ra cho trâu bò, lợn, chó.	NGH-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
52.	Colimycin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu.	NGH- 47
53.	Coliracin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm.	NGH- 48
54.	B12- Ferridextran	Ferridextran, Vitamin B12	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt gây ra trên trâu, bò, lợn, ngựa, dê, cừu, chó, mèo.	NGH- 50
55.	Ivermectin-25	Ivermectin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH- 51
56.	Ivermectin-50	Ivermectin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH- 52
57.	Oxytemycin	Oxytetracycline	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml II	Trị viêm phổi, viêm tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, viêm móng, tử cung, viêm ruột ỉa chảy trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu.	NGH- 53
58.	Enroflox-10%	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml II	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột trên bê, nghé, gia cầm.	NGH- 55
59.	Flumequin-LA	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml II	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột, viêm tử cung, nhiễm trùng máu, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	NGH- 56
60.	Vitamin K3	Vitamin K3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml II	Cầm máu trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	NGH- 57
61.	Marbofloxacin	Marbofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml II	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm dạ dày ruột ỉa chảy, đường niệu, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	NGH- 59
62.	Vitamin C 5%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vit C, phòng chống stress.	NGH- 62
63.	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, heo, gà, vịt.	NGH- 63
64.	Thiamphenicol 20%	Thiamphenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml II	Giảm đau, hạ sốt, phòng chống stress trên trâu, bò, heo, gà, vịt.	NGH- 66
65.	Gentamox-LA	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml II	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn	NGH- 67
66.	Tylan-2000 LA	Tylosin tartrate	Ống, Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	NGH- 68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
67.	Flophenicol 30%	Flofenicol	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NGH- 69
68.	Specin-5%	Specinomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml 1l	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NGH- 70
69.	Bromhexin	Bromhexine HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml 1l	Giảm tiết dịch nhầy, giảm ho, long đờm trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo, gia cầm.	NGH- 71
70.	Glucanat-K-C	Vitamin C, K3, Cancigluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml 1l	Phòng chống bệnh thiếu Vitamin C, thiếu canxi, hỗ trợ điều trị xuất huyết đường tiêu hóa, phù tạng trên trâu, bò, heo, gia cầm.	NGH- 72
71.	Dranycin	Tulathromycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó.	NGH- 73
72.	Dexamethason, natriphosphat	Dexamethason natriphosphat	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị viêm khớp, thoái hoá xương khớp, viêm thanh quản, dị ứng, bệnh viêm loét da và niêm mạc trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	NGH- 76
73.	Vitamin C-10%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Phòng và chống bệnh thiếu vitaminC, chống Stress, nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, gà vịt.	NGH- 77
74.	B12Ferridex - 20%	Ferridextran Vitamin B12	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH- 80
75.	B12Ferridex - 10%	Ferridextran Vitamin B12	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH- 81
76.	Toltrazuril	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị cầu trùng trên dê non, cừu non, lợn con, gà cầm	NGH- 83
77.	Amoxilin-LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên bê, nghé, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	NGH- 84
78.	Amox-LA	Amoxycillin, trihydrate . Clavulanic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị viêm phổi, viêm phế quản, hen, suyễn tụ huyết trùng, áp xe, viêm vú, viêm tử cung ỉa chảy trên bê, nghé, dê, cừu, ngựa, chó, mèo, gia cầm.	NGH- 85
79.	S.F.M.N. Methoxine	Sulfamonomethoxin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, ỉa, thương hàn, cầu trùng, viêm phổi, nhiễm trùng da, mô mềm trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NGH- 91

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
80.	Amo-Colifort	Amoxicilline trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày-ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên bề, nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NGH- 92
81.	Doxy-500	Doxyeyclin HCL	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày-ruột trên bề, nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NGH- 93
82.	Flor-10% Oral	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày-ruột trên lợn, gia cầm.	NGH- 94
83.	Ampicolis-Forte	Ampicilline trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	NGH- 95
84.	Enro-20% Oral	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn trên bề, nghệ, dê non, cừu non, gia cầm.	NGH- 96
85.	Doxy-flor	Florfenicol, Doxyeyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100 ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	NGH- 97
86.	Apramycin-45%	Apramycin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường tiêu hóa, lý trên gia súc, gia cầm	NGH- 98
87.	Ceptimax-LA	Ceptiofur	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh viêm phổi, tiết niệu, tiêu hóa, nhiễm trùng thối móng hoại tử trên trâu, bò, lợn	NGH- 99
88.	GV Doxyflo	Florfenicol, Doxyeyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bề, nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NGH-100
89.	GV Oxyteflo	Florfenicol, Oxytetracyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bề nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-101
90.	Tilmicos-250 Oral	Tilmicosin Phosphate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bề, nghệ, lợn, gia cầm	NGH-102
91.	Tilmicos-200@	Tilmicosin Phosphate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bề, nghệ, lợn, gia cầm	NGH-103
92.	GV Amox-Gen	Amoxicillin, Gentamycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, áp xe, viêm móng trên bề, nghệ, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-104
93.	Hen gà-Suyễn lợn-Trị ỉa chảy	Tetracycline HCl, Tylosin tartrate	Túi, bao	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	NGH-105
94.	Typhoid-5	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 ml	Trị viêm vú, viêm dạ dày - ruột, viêm phổi trên gia súc.	NGH-106

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
95.	Typhoid-10	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250 ml	Trị viêm vú, viêm dạ dày - ruột, viêm phổi trên gia súc.	NGH-107
96.	Diclofenac	Diclofenac	Thùng, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm khớp mãn tính, viêm cơ, đau bụng cơ thắt trên ngựa, gia súc.	NGH-108
97.	O.D.Flor	Oxytetracyclin; Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, kết lỵ, viêm phổi, viêm phế quản, tụ huyết trùng, viêm teo mũi truyền nhiễm, đóng dấu trên gia súc; hô hấp mãn tính (CRD), Tụ huyết trùng trên gia cầm	NGH-109
98.	Gluko-ke-namin GV	Glucosate canci, Vitamin K, C, Tolfenamic acid	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Hồi sức, tăng cường sức đề kháng. Chống xuất huyết các phủ tạng trong cơ thể, hạ sốt, kháng viêm hỗ trợ điều trị bệnh truyền nhiễm.	NGH-110

13. DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỄN CƯỜNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	B-Complex	Vitamin: B1, B2, B6	Gói	100; 200; 500; 1000g	Bổ sung vitamin nhóm B, điều trị bệnh thiếu vitamin	NC-01
2.	Anticoccid-NC	Sumfamethoxin, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Điều trị bệnh cầu trùng.	NC-03
3.	Điện giải-Trùng- NC	Natriclorid, Natricitrat, Kaliclorid, Calcium gluconate	Gói	20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức lực cho gia súc, gia cầm, chống nóng, giải độc, cân bằng và cung cấp chất điện giải	NC-08
4.	Leva-NC	Levamisol HCL	Gói	2; 5; 7; 10; 15; 20; 50; 100g	Tây các loại giun tròn, giun phổi, giun móc, giun đũa ở lợn, gà, vịt, bê	NC-09
5.	Nấm-NC	Nystatin, Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị các bệnh nấm, nấm phổi, nấm đường tiêu hóa ở gà, vịt, ngan, lợn	NC-11
6.	Hen gà- Suyễn lợn	Erythromycin, Tetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh truyền nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	NC-1
7.	Antidiarrhee	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiết niệu, viêm dạ dày ruột, phân xanh, phân trắng trên gia cầm, lợn, thỏ, bê, ngựa, dê, cừu con	NC-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8.	Coli- Coc- Stop	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiết niệu, viêm dạ dày ruột, viêm phổi, phế quản truyền nhiễm, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, gia cầm.	NC-4
9.	E-S-T Vịt, Ngan	Erythromycin, Colistin sulfate.	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm xoang mũi truyền nhiễm, THT, viêm ruột, ỉa chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	NC-6
10.	Colipig- Úm gia cầm	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, lợn, gia cầm.	NC-7
11.	Lợn tiêu chảy- NC	Oxytetracyclin HCL, Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phó thương hàn, bạch ỉa, tụ huyết trùng, viêm phổi trên lợn, bê, nghé, cừu non, gia cầm.	NC-10
12.	NC-Doxycat	Doxycyclin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá trên bê, nghé, lợn.	NC-21
13.	Coli-Flugum-Stop	Flumequine	Gói.	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng máu, tiết niệu sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NC-26
14.	Coli-Cocci-Stop	Trimethoprim, Sulfacholoropydazine	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	NC-27

14 CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y NẤM THÁI

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Anti-Gum	Paracetamol, Neomycin, Sulphaguanidine	Gói	10; 20; 50, 100g; 0,5; 1; 2; 5; 10, 20 kg	Trị Gumboro, cúm và trị tiêu chảy cho gia súc, gia cầm	NT-2
2.	T.I.C	Neomycin sulfate, Sulfaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10, 20 kg	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm Neomycin và Sulfaguanidin gây ra trên gia súc, chó, mèo, gia cầm.	NT-3
3.	T.Colivit	Oxytetracyclin HCL, Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20 kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm.	NT-4
4.	T. Avimycin	Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20 kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, niệu sinh dục trên lợn, gia cầm.	NT-5

5.	TDG. Năm Thái Electralise	Các loại muối của Fe, Zn, Mg, Na, Cl, các Vít A, D, E	Gói	10, 20, 50, 100g 0,5;1;2;5;10, 20 kg	Thuốc điện giải, chống nóng, giải độc, trợ lực,	NT-8
6.	Cầu trùng Năm Thái (TEIMERIN)	Sulfachlozin	Gói	10;20;50;100; 500g; 1; 2; 5, 10, 20 kg	Trị bệnh cầu trùng và cầu trùng ghép Coli bại huyết trên gà.	NT-9
7.	Tiêu chảy heo	Colistin, Sulfaguanidin	Gói	10, 20, 50, 100g 0,5;1;2;5;10, 20 kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, rối loạn tiêu hóa và nhiễm khuẩn cho lợn, gia súc khác	NT-13
8.	T. Cúm gia súc	Paracetamon	Gói	10, 20, 50, 100g 0,5;1;2;5;10, 20 kg	Trị cảm, cúm, ngã nước	NT-14
9.	T. Ungiaca	Neomycin sulphate, Lactose, Oxytetracycline HCL,	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị bạch lý, thương hàn, tiêu chảy, CRD, THT, viêm khớp, viêm phổi, xoắn khuẩn.	NT-15
10.	CCRD-Năm Thái	Spiramycin, Colistin, Lactose	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g 2;5;10, 20 kg	Trị CRD, CCRD, khạc vệt, bạch lý, thương hàn, tiêu chảy, suyễn lợn, tụ huyết trùng, viêm phổi.	NT-19
11.	Gentafam 2	Tylosin tartrate, Gentamicin, Vitamin A	Gói	10; 20; 50; 100;500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm.	NT-24
12.	T.Flox.C	Norfloxacin, Vitamin C	Gói	10;20;50;100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp mãn tính, tiêu chảy trên gia cầm.	NT-25
13.	Pig-Mix 1	Lincomycin HCL, Sulfamethazin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên lợn	NT-28
14.	Pig-Mix 2	Tiamulin, Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi truyền nhiễm, bệnh đường ruột trên lợn	NT-29
15.	Gentafam 1	Tylosin tartrate, Gentamicin, Vitamin A	Gói	10;20;50;100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20 kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm.	NT-32
16.	Supercorx	Sulphaquinoxalin, Diaveridin	Gói	10;20;50;100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20 kg	Trị bệnh cầu trùng đường ruột và manh tràng trên gia cầm.	NT-39
17.	T.Coryzine	Sulfamonomethoxine sodium	Gói	10; 20; 50; 100; 500g;1;2;3;5;10kg	Trị sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	NT-53
18.	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn Mycoplasma gây ra ở gia súc, gia cầm	NT-58
19.	Streptomycin sulphate	Streptomycin sulphate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mủn cảm với streptomycin gây ra ở gia súc, gia cầm	NT-59

20.	Penicillin potassium	Penicillin potassium	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gram(+) mẫn cảm với Penicillin gây ra ở gia súc, gia cầm	NT-60
21.	Ampicoli-Thái	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột, tiết niệu trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	NT-61
22.	Anti.CRD.L.A	Tylosin tatrare; Doxycycline hyclate	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột và đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-67
23.	Fungicid	Nystatin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nấm phổi trên lợn, gia cầm	NT-68
24.	Leva.20	Levamisol	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị kí sinh trùng ở lợn và gia cầm	NT-69
25.	Pen-Step	Penicillin, Streptomycin	Chai	20ml (Penicillin: 1 triệu UI; Streptomycin: 1g)	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin và Dihydrostreptomycin gây ra trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	NT-70
26.	Vitamin C99%	Vitamin C	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin C và trị stress, giải độc, chống nóng	NT-86
27.	Kanamycin	Kanamycin	Lọ	5,10,20,50,100ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn	NT-6
28.	Vidan T	Actimospectin, Lincomycin,	Ông, chai	5ml	Trị bệnh hen, suyễn lợn, CRD, sưng phù đầu gà, nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	NT-12
29.	T.Gastron. Thái	Ampicillin sulphate, Colistin sulphate	Lọ	10, 20, 50, 100ml 10;20;50;100;500ml 0,5;1;2;5;10, 20 kg	Trị nhiễm trùng huyết, viêm khớp, viêm phổi, viêm teo mũi lợn, THT, bạch lý.	NT-16
30.	T.Tere	Colistin sulphate, Spectinomycin HCL	Ông, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị phân trắng, phù thũng, thương hàn, viêm ruột, tụ huyết trùng,	NT-17
31.	Spyracin.Thái	Spiramycin	Ông, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm teo mũi trên trâu bò, bê, dê, cừu, lợn.	NT-18
32.	Flugen.Thái	Flumequin	Ông, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm khớp, thương hàn, tụ huyết trùng,...	NT-20
33.	T.Enro. Thái	Enrofloxacin	Ông, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị Pasteurellosis, Mycoplasmosis, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu	NT-21
34.	T.Enteron	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate, Bromhexin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-10

35.	T.T.S Năm Thái	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-11
36.	Enro-10	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	NT-22
37.	Flumequin-20	Flumequine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, viêm vú, viêm khớp, viêm da trâu, bò, lợn, gia cầm.	NT-23
38.	T.Avihrasin	Doxycyclin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, THT trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-26
39.	T.Mettron	Neomycin sulfate, Benzalkonium clorid	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm tử cung, âm đạo, đường niệu trên lợn nái, trâu, bò cái.	NT-27
40.	Dysentery	Neomycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy, viêm ruột trên lợn con	NT-30
41.	Norflo-10	Norflloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, niệu sinh dục, viêm ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-31
42.	Tialin. Thái	Colistin, Tiamulin,	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị hồng ỷ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn.	NT-33
43.	Amoxycillin	Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị viêm, phế quản, thanh quản, nhiễm trùng huyết, viêm ruột, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó, mèo.	NT-34
44.	T.C.K	Kanamycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, chó, mèo.	NT-35
45.	Vitamin D3	Vitamin D3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin D trên trâu, bò.	NT-36
46.	T. Oxyvet.LA	Oxytetracyclin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-37
47.	T.Ivermectin 1%	Ivermectin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	NT-38
48.	T.Amoxycol	Amoxicilline, Colistin	Ông, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột, niệu - sinh dục, nhiễm trùng huyết, MMA trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	NT-40

49.	T.Amoxigen	Amoxicilline, Gentamicin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm ruột, ỉa chảy, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa, lợn. dê, cừu.	NT-41
50.	Florphenicol	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NT-42
51.	T.Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NT-43
52.	Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ	1;2;3;5;10; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trâu, bò, lợn	NT-44
53.	T.Diatrizon	Sulphadiazin, Trimethoprim	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphadiazin và Trimethoprim trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	NT-45
54.	Linco-Gen L.A	Gentamycine, Lincomycin	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, THT, đóng máu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	NT-46
55.	Calci+Vit.B12	Calci gluconate, Vitamin B12, Glucose	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh thiếu canxi, thiếu máu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	NT-47
56.	Vitamin B1	Vitamin B1	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh do thiếu Vit B1 trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	NT-48
57.	Vit.C 5%	Vitamin C	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	NT-49
58.	Calci + C	Calci gluconate, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng, trị bệnh thiếu canxi, vitamin C trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	NT-50
59.	A.D3.E. Thái	Vitamin A, D, E	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh thiếu Vitamin A, D, E trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-51
60.	Analgin+ Vit C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NT-52
61.	Flodo.vet	Florfenicol, Tylosin tartrate	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt.	NT-54
62.	D.O.C Thái	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm ruột, viêm tử cung, tiêu chảy, THT, viêm màng phổi trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NT-55
63.	Macavet	Florfenicol, Doxycycline	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá, viêm tử cung, viêm đạo, viêm màng não.	NT-56
64.	Genta-Tylo	Gentamycin, Tylosin	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NT-57

65.	Thái-Cox	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 50; 100; 500ml	Phòng và trị cầu trùng gà.	NT-62
66.	Dexa. Thái	Dexamethason acetate	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm trong các trường hợp viêm khớp, thấp khớp, viêm gan cấp tính và mãn tính ở trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	NT-63
67.	Atropine 0,1%	Atropine sulfate	Lọ, ống	2; 5; 10; 20ml	Giảm trương lực cơ trơn, giải độc, giảm tiết dịch	NT-64
68.	Vitamin K 1%	Vitamin K	Lọ, ống	2; 5; 10; 20ml	Trị rối loạn đông máu do thiếu hụt vitamin K	NT-66
69.	Sul-depot	Sulfadimethoxin, Trimethoprim	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 2 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprim gây ra trên gia cầm.	NT-71
70.	Calci-Mg	Calcium gluconat, Magnesium	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và điều trị các bệnh do thiếu calci, magiê, phospho.	NT-72
71.	Antifaciolid (Đặc trị sản lá gan)	Nitroxinil	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị sản lá gan trên trâu, bò, cừu, dê, gia cầm, chó.	NT-73
72.	T.M.T (TIÊN MAO TRỪNG)	Diminazen aceturat, Antipyrin	Chai	20ml (Diminazen aceturat: 1,05g; Antipyrin: 1,31g)	Trị ki sinh trùng đường máu trên gia súc	NT-74
73.	Dicofen-NT	Diclofenac Na	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị viêm khớp, viêm xương khớp, rối loạn cơ xương, hội chứng đầu dây hông trên trâu, bò, ngựa, chó, mèo.	NT-75
74.	Butamin-NT	Butafosfan, Vitamin B12	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống suy nhược do rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm.	NT-76
75.	Romazin	Acetpromazine maleate,	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống co giật, giảm đau, an thần.	NT-78
76.	Anti-cox	Sulfaguinoxalin, Pyrimethamin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 2lít	Phòng và điều trị bệnh cầu trùng ở gà, vịt, chim.	NT-80
77.	Digicofin-NT	Caffeine, Natri Salicylate, Ephedrine Hydrochloride, Digioxin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Suy tuần hoàn cấp tính, sự sống bị đe dọa, Đau bụng, Phẫu thuật, Bệnh tim mạch do nhiễm trùng. Dự phòng sau khi gây mê nếu lượng thuốc gây mê vượt quá ngưỡng cho phép.	NT-81
78.	Furonid	Furosemid	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các chứng gây phù do bất kỳ nguyên nhân nào, lợi tiểu, trị chứng băng nước	NT-83

79.	Tulavet	Tulathromycin, Monothioiglycerol	ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm kết mạc trên trâu bò, lợn.	NT-85
80.	SUTRIM-NT	Sulfadimethoxin Ormetoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Trị bệnh do khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin, ormetoprim gây ra trên gia cầm, gia súc.	NT-87
81.	AMOXICOLI-TA	Amoxicillin trihydrat, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NT-88
82.	COSTOP-TA	Sulfachlozin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm.	NT-89
83.	TA-Flumex 30%	Flumequin sodium	Lọ, chai	lọ 10, 20, 100, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	NT-90
84.	GENTATYLO-TA	Gentamycin, Tylosin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Trị CRD, tụ huyết trùng, thương hàn, sưng phù đầu, suyễn, viêm phổi, tiêu chảy ở lợn và gia cầm.	NT-91
85.	TA-Gluco-K-C	Vitamin C, Vitamin K, Glucose	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Cung cấp năng lượng, giải độc, giải nhiệt, chống nóng, chống stress.	NT-92
86.	TA-NEO.40	Neomycin sulfate, Oxytetracycline HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin, Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	NT-93
87.	Quinodin-TA	Sulfaquinoxalin Sulfadimidin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Trị cầu trùng, tiêu chảy, thương hàn, bạch li, Coryza, sưng đầu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-94
88.	TYDOX-TA	Tylosin tartrat, Doxycyclin hyclat	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm.	NT-95
89.	Vitamin C 20	Vitamin C	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin C, stress (do dùng vaccin, nhiễm bệnh, di chuyển, độ ẩm cao, nhiệt độ cao hoặc thay đổi nhiệt độ quá lớn) trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NT-96
90.	Anti-Coxi-TH	Sulfaquinoxalin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg.	Trị cầu trùng trên thỏ, gia cầm.	NT-97
91.	Fe+B12	Sắt, Vitamin B12	ống, lọ	2 ml, 5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Phòng và điều trị thiếu máu	NT-98
92.	Giải độc gan	Sorbitol, Methionine Cholin chlorid	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị hội chứng gan nhiễm mỡ trên trâu, bò, ngựa, dê, thỏ, chó, lợn, gia cầm.	NT-99

93.	LEVASOL 7,5%	Levamisol	Lọ, chai	10, 20, 50, 100, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Trị nội ký sinh trùng : Nhiễm giun Strongylus ở dạ dày, ruột, phổi	NT-100
94.	Lidocain 2%	Lidocain	ống, lọ	2 ml, 5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Gây tê cục bộ để tiến hành phẫu thuật trên trâu bò, ngựa, chó, mèo	NT-101
95.	Niclosol	Niclosamid Levamisol	Hộp, lọ, vi	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 viên	Trị giun đũa, giun móc, sán dây trên chó.	NT-102
96.	Tẩy giun sán (Fluzon)	Flubendazol	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị giun tròn, giun đũa, giun tóc trên gia cầm	NT-103
97.	Amoclanic-NT	Amoxicillin trihydrat Acid clavulanic	Hộp, lọ, vi	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 viên	Trị nhiễm trùng da, mô, viêm xoang, viêm phế quản, nhiễm trùng đường tiết niệu, nhiễm trùng đường tiêu hóa	NT-104
98.	Cadic-NT	Sulfaguanidin; Framycetin sulfat; Atropin	Hộp, lọ, vi	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 viên	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên chó.	NT-105
99.	TH.Quin.100	Flumequine	Chai, lọ	10, 20, 100, 500 ml, 1, 2, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hệ hô hấp, đường tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-106
100.	TH.Flodex.10	Florfenicol	Chai, lọ	10, 20, 100, 500 ml, 1, 2, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hệ hô hấp trên lợn, gia cầm.	NT-107
101.	TH.COLITRIM	Colistin sulfat Trimethoprim	gói	10, 20, 50, 100, 500gam, 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Trimethoprim gây ra trên bê, cừu non, thỏ, lợn, gia cầm	NT-108
102.	Hepaton	Doxycycline HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi trên heo, gia cầm.	NT-109
103.	Coxi-coli	Sulfaguinoxalin Na	Chai, Can	100ml; 500ml; 1 lít; 2 lít; 5 lít; 10 lít	Trị cầu trùng trên trâu, bò, gia cầm.	NT-111
104.	Botavit	Vitamin A, B1, B2, B6, B12, C, K3, D-pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, Biotin, Choline chloride	Chai, Can	100ml; 500ml; 1 lít; 2 lít; 5 lít; 10 lít	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin, khoáng, acid amin trên gia súc, gia cầm.	NT-112

15. CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGUYỄN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	HN-Ampicin	Ampicilin	Gói	20; 50; 100; 500g	Đặc trị hen gà, khẹt vịt và ngan	HN-27

2.	Fuo-xit	Sulfadimethoxine Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn	HN-28
3.	HN- ngan vịt	Bột hoàng liên, ma hoàng, bạch đàn	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Chủ trị bệnh gia cầm	HN-08
4.	HN-Tab	Hoàng liên, phiên nhôm	Viên	1g	Trị viêm tử cung của gia súc	HN-09
5.	HN-Castle	Nha đam từ, mộc hương bắc, hậu phác, cao lá sim	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị tiêu chảy trâu bò	HN-10
6.	HN-Úm gà, vịt	Hoắc hương, mộc hương bắc, sa nhân, giềng già, cam thảo, hoàng bá, trần bì	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Dùng úm gà, vịt, gan, ngỗng	HN-11
7.	HN-Cocci-stop	Hoắc hương, vỏ rụt, hoàng nân, gừng già, hoàng liên, mộc hương, hoàng bá	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị tiêu chảy gia cầm	HN-12
8.	HN- Tiêu chảy chó, mèo	Hoàng bá, mộc hương, hậu phác, trần bì, hoàng liên	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị tiêu chảy chó, mèo	HN-13
9.	HN-Tiêu chảy heo	Mộc hương, khà từ, hậu phác, trần bì, hoàng liên	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị tiêu chảy, chướng bụng, ăn không tiêu ở gia súc, gia cầm	HN-15
10.	HN-Gumboro	Kali hydrocarbonat, Natritrat, Axitictric, Vitamin B1,B2,PP,	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị bệnh Gumboro gà	HN-16
11.	HN. Colisal	Trimethoprim, Colistin sulfate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Colistin gây ra trên bê, lợn, dê, cừu, gà, vịt	HN-1
12.	HN. Neopast	Neomycin	Túi, Hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, thỏ, gia cầm.	HN-29
13.	HN. Leval	Levamisol	Túi, Lon	2,5; 5; 10; 50; 100; 500g	Trị giun tròn trên gia súc, gia cầm.	HN-32
14.	HN- Ampicoli	Ampicilline, Colistin	Gói	50; 100; 200; 500g; 2kg	Trị phân trắng lợn con, PTH, bệnh dấu son trên lợn. Trị đau khớp, trên bê, nghé.	HN-41
15.	HN- Iodine	PVP iodine	Lọ	50; 100; 500ml; 1; 5l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng vết thương.	HN-42

16.	HN-Coccid	Sulfaguanoxaline, Trimethoprim.	Gói, Lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị cầu trùng trên lợn, gà, vịt, cút	HN-43
-----	-----------	------------------------------------	-------------	--------------------------	--------------------------------------	-------

16. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC THÚ Y NASA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	B-complex	Vitamin B1, B2	Gói	50; 100g	Bổ sung vitamin	NN-2
2.	Ampitylo	Tylosin, Ampicillin, Vit A, B1, C	Túi	10; 20g	Trị hen gà, suyễn lợn	NN-4
3.	Tylo- Lactat	Tylosin, Vitamin B1	Gói	10; 20; 50g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	NN-6
4.	Noconizol	Norfloxacin, Vitamin B1	Gói	10; 20; 50g	Trị CRD, ỉa chảy phân xanh, phân trắng, THT, phó thương hàn trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	NN-7
5.	Thuốc trị ỉy và tiêu chảy	Berberin	Gói	10; 20; 50g	Trị tiêu chảy, kiết ỉy, viêm ruột, bạch ỉy, thương hàn, THT, phân trắng, phân xanh trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	NN-3
6.	NN-Nacoc-A CB	Sulfachlorpyridazin	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg thò.	Trị cầu trùng, phân trắng, phân có máu trên gia cầm,	NN-9
7.	Anti- CRD	Colistin sulfate	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10 kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm	NN-10
8.	NN-Colicocid	Trimethoprim, Colistin sulfate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Colistin gây ra trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm.	NN-11
9.	NN-Doxy- Trùng	Doxycyclin hyclate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NN-12
10.	NN-Sulmix-Plus	Sulfadimidin, Trimethoprim,	Gói, Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá, hô hấp, niệu-sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NN-13
11.	NN-Gentacostrim	Gentamycine	Túi Lon	5; 10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Gentamycine trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm.	NN-20
12.	NN-Anticoli	Colistin	Túi PE, lon nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá do E.coli, Salmonella, Shigella, Klebsiella, Pseudomonas.	NN-21
13.	NN tiêu chảy heo	Colistin, Sulphaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy heo	NN-8
14.	Thuốc tẩy giun	Levamisole	Túi, Lon	2; 4; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị giun	NN-22
15.	Ampicol C	Colistin, Amoxycilline	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp, niệu dục do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Amoxycilline	NN-23

16.	Anti CRD	Doxycycline, Tylosin	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g ; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, Tylosin	NN-24
17.	Flumequine 10%	Flumequine	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g ; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine	NN-26
18.	Gentadox	Gentamicin, Doxycycline	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g ; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, Gentamicin gây ra trên bê, nghé, lợn và gia cầm	NN-27
19.	Kháng sinh ngăn vệt	Colistin, Doxycycline	Túi, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g ; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Doxycycline gây ra trên bê, nghé, lợn và gia cầm	NN-28
20.	NASA-Flordox	Florfenicol	Túi, Lon, Xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g, 1; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn <i>Actinobacillus pleuropneumoniae</i> , <i>Pasteurella multocida</i> , <i>Streptococcus suis</i> , <i>Bordetella bronchiseptica</i> trên heo.	NN-29
21.	NASA- Antigum	Natri bicarbonate Potassium citrate Sodium citrate Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, K3, C, Paracetamol	Túi, Lon, Xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g, 1; 5; 10kg	Tăng cường sức đề kháng, phòng stress, bổ sung vitamin, trợ sức, trợ lực, giảm đau, hạ sốt, giúp nhanh chóng phục hồi sau khi mắc bệnh truyền nhiễm cho gia cầm.	NN-31

17. TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ THÚ Y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	VTY-Floxacin	Norfloxacin	Lọ	25;50;100;200;500 viên	Điều trị viêm phổi, CRD, hội chứng tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	VTY-X-3
2.	Tetracyclin HCL	Tetracyclin HCL	Lọ	25;50;100;200;500 viên	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục, tiết niệu	VTY-X-4
3.	VTY-Colistin	Colistin sulfate	Lọ	25; 50; 100; 200; 500 viên	Trị phân trắng lợn con, phù đầu lợn, viêm nhiễm đường tiêu hóa, sinh dục tiết niệu ở gia súc, gia cầm	VTY-X-7
4.	Kanamycin Sulfate	Kanamycin sulfate	Gói	1g	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Gr (-)	VTY-X-10
5.	B-Complex	Vitamin nhóm B, methionin, lysin	Gói	50; 100; 500g; 1kg; 10kg	Tăng cường tổng hợp và hấp thụ lypide, glucide, protide, giúp tiêu hóa tốt,...	VTY-X-15

6.	Tetracyclin Vimin	Tetracyclin, Vitamin	Gói	5; 10; 50; 100g	Phòng trị bệnh hô hấp mãn tính, viêm ruột, tả chảy, kiết lỵ, THT	VTY-X-26
7.	Tẩy giun sán gia cầm	Phenothiazin	Gói	2.5g	Tẩy các loại giun đũa, giun kim, giun móc, giun chỉ.	VTY-X-30
8.	Trị hen xuyên, cầu trùng, CRD	Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250g	Trị hen suyễn, cầu trùng, CRD	VTY-X-32
9.	Tẩy giun sán chó mèo	Mebendazole, Nichlosamide	Gói	1,25g; 2,5g	Tẩy các loại giun đũa, giun kim, giun móc, giun chỉ.	VTY-X-34
10.	Vitamin B1	Vitamin B1	Viên	5mg, 10mg	Phòng trị bệnh do thiếu vitamin	VTY-X-35
11.	VTY - Apralac	Apramycin sulfate	Gói	10;20;50;100;250; 500;1000g	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Apramycin	VTY-X-46
12.	VTY - Sulfaprim	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, sinh dục, tiết niệu trên bề, nghệ, dê con, cừu con, lợn, chó, mèo, gia cầm.	VTY-X-8
13.	VTY - Neocylin	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bề, nghệ, cừu, lợn, gia cầm.	VTY-X-9
14.	VTY -Ampi-Colis	Ampicillin, Colistin	Gói	10, 20, 50; 100; 250; 500; 1000gr.	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin; Colistin cho gia súc, gia cầm.	VTY-X-49
15.	Penicillin G potassium	Penicilling potassium	Lọ	1.000.000 UI	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gram (+) gây ra ở gia súc, gia cầm	VTY-X-1
16.	Streptomycin Sulfat	Streptomycin sulfat	Lọ	1g	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) gây ra ở gia súc, gia cầm	VTY-X-2
17.	Pen-Step	Penicillin G, Streptomycin	Lọ	1.500.000UI	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (+) và Gram (-) gây ra	VTY-X-27
18.	VTY -Apramycin	Apramycin sulfate	lọ	1g	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-), Gr (+) và Mycoplasma.	VTY-X-47
19.	VTY -Tylosin tartat	Tylosin tartat	Lọ	0,5; 1g	Trị suyễn, viêm màng phổi, lỵ đỏ trên lợn. Bệnh hô hấp mãn tính trên gia cầm.	VTY-X-36

18. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y SVT THÁI DƯƠNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	SVT - Tiacoli	Tiamulin fumarate, Colistin sulfat	Chai	20; 100 ml	Trị hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi địa phương, suyễn trên trâu, bò, lợn.	SVT-1
2.	Sun-Flo Doxy	Florfenicol, Doxycyclin	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	SVT-2

3.	Sun- Enroject	Enrofloxacin	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị bệnh đường tiêu hoá và hô hấp trên trâu, bò, lợn.	SVT-3
4.	SVT- Thiam tylo	Thiamphenicol, Tylosin tartrate	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phổi, bệnh tụ huyết trùng, hội chứng MMA, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	SVT-4
5.	Sun- Tylan	Tylosin tartrate	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị viêm phổi địa phương, viêm khớp, bệnh đóng dấu, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn	SVT-5
6.	Sun- Lincoject	Lincomycin HCl	Chai	20 ml; 100 ml	Trị Leptospirosis, liên cầu khuẩn, viêm dạ dày ruột, viêm đường liệu sinh dục, nhiễm trùng huyết, viêm xương, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm.	SVT-6
7.	SVT- Nocinject	Norfloxacin HCl	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá trên gia súc, gia cầm.	SVT-7
8.	Sun - Tosal	Butafosfan, Vitamin B12	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm.	SVT-8
9.	SVT- Gentlyl D	Tylosin tartrate, Gentamycin	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm đường sinh dục, niệu đạo trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	SVT-9
10.	Sun- Analgin C ject	Analgin, Vitamin C	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Giảm đau, hạ sốt, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó.	SVT-10
11.	Sun- Calciject	Calcium gluconat	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị bệnh do thiếu khoáng, hạ calci huyết, thiếu năng tuyến cận giáp, thiếu Vitamin D, còi xương chậm lớn.	SVT-11
12.	Sun- Amox 15 % LA	Amoxycilin	Chai	20 ml; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	SVT-12
13.	Sun- Marbo	Marbofloxacin	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	SVT-13
14.	Sun- Levasol	Levamisol	Ông	2; 5ml	Trị giun trên gia súc, gia cầm.	SVT-14
15.	SVT- Tilcosin Plus	Tilmicosin	Chai	15; 100ml; 1lít.	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	SVT-15
16.	Sun- Enro Plus	Enrofloxacin	Chai	15; 100ml; 1lít..	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, dê, cừu non, lợn, gia cầm	SVT-16

17.	SVT- Nocin Plus	Norfloxacin	Chai	15; 100ml, 1lit.	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá trên gia cầm	SVT-17
18.	Sun- Flomax plus	Flotemcol	Chai	15; 100ml, 1lit.	Trị bệnh tiêu chảy, tụ huyết trùng, coryza, thương hàn, viêm ruột hoại	SVT-18
19.	Sun-CRD	Lincomycin HCl , Colistin sulfat	Túi	10; 20; 50; 100; 200; 250g; 1kg.	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm.	SVT-19
20.	SVT- Tylodox	Tylosin, Doxycyclin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm trùng da dày-ruột, hô hấp trên bê, nghé, heo, dê, cừu non, gia cầm.	SVT-20
21.	Sun- Enro 20	Enrofloxacin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu	SVT-21
22.	SVT- Super cox	Sulfaquinoxalin, Diaveridin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị cầu trùng trên gia cầm.	SVT-22
23.	Sun- Cox	Sulfachlozin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị cầu trùng, Tụ huyết trùng, Thương hàn trên gia cầm.	SVT-23
24.	Sun- Tylandox	Doxycyclin, Tylosin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn, gia cầm.	SVT-24
25.	Sun- Ecoli	Colistin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá trên gia súc, gia cầm.	SVT-25
26.	SVT- Đặc trị tiêu chảy	Neomycin Colistin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá trên lợn, dê, bê, cừu, thỏ, gia cầm.	SVT-26
27.	SVT- Norflox	Norfloxacin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm.	SVT-27
28.	SVT- Docy 20	Doxycyclin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu	SVT-28
29.	SVT- Gentadox	Doxycyclin HC Gentamycin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp	SVT-29
30.	SVT- Levasol P	Levamisol HCL	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị giun trên gia súc, gia cầm.	SVT-30
31.	SVT- Colidox	Doxycycline HCl Colistin Sulfat	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị viêm phổi, sưng, tiêu chảy, phó thương hàn, viêm teo mũi.	SVT-31
32.	Sun- Ampicoli	Ampicilin, Colistin	Ông, Chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá, viêm khớp, viêm màng não, tiết niệu.	SVT-32
33.	Sun- Cầu trùng Stop	Sulfaguinoxalin, Trimethoprim	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, nhiễm E.coli huyết trên gia cầm.	SVT-33
34.	Sun-Nystatin	Neomycin sulfate, Nystatin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị tiêu chảy lỵ, nhiễm trùng máu trên gia cầm.	SVT-34

35.	Sun-Colimox	Amoxycilin, Colistin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, cừu, dê, lợn, gia cầm.	SVT-35
36.	Sun- Tilmicosin	Tilmicosin	Túi	10; 20; 50; 200; 250; 500g, 1kg.	Trị bệnh hô hấp trên lợn, gia cầm	SVT-38
37.	Sun- Neodox	Doxycyclin, Neomycin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn, gia cầm.	SVT-39
38.	SVT-Ceftio	Ceftiofur (HCl)	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp trên heo; bệnh đường hô hấp, viêm kẽ móng hoại tử, viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò.	SVT-40
39.	SUN-Dextranfe	Fer (dextran) Vitamine B ₁₂	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên bê, heo con	SVT-41
40.	SUN-Oytetra LA	Oxytetracyclin (dihydrat) Flunixin (meglumin)	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính gây viêm và sốt do <i>Mannheimia</i> (<i>Pasteurella</i>) <i>haemolytica</i> và <i>Pasteurella multocida</i> nhạy cảm với oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò.	SVT-42
41.	SUN-Trimesul	Sulfadimethoxine(Na) Trimethoprim	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadimethoxine gây ra trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn, chó, mèo	SVT-43
42.	SUN-Multi B	Vitamin B1, B2, B6, PP, Dexpanthenol	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh lý thiếu vitamin nhóm B trên ngựa con, bê, cừu, chó, mèo và gia cầm	SVT-44
43.	SUN- Liver ject	Acetyl methionine, L-arginine HCl, Lysine HCl,	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị rối loạn chuyển hóa gan, thận trên ngựa, trâu, bò, cừu, dê, gia cầm	SVT-46
44.	SVT-Flu ject	Flumequin	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục, viêm dạ dày-ruột, <i>Colibacillosis</i> , <i>Salmonellosis</i> trên gia súc, cừu, lợn, chó	SVT-47
45.	SVT- Hemovit	Calcium phosphorylcholine chloride, Casein- peptides, Vitamin B12	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Tăng cường biến dưỡng, hồi phục sau khi bệnh, khi sinh sản	SVT-48
46.	SUN-Ketofen	Ketoprofen	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Chống viêm , giảm đau xương khớp, hạ sốt, đặc biệt là trong các bệnh đường hô hấp trên ngựa, trâu, bò, lợn.	SVT-49

47.	SUN-Tilmi ject	Tilimicosin	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với Tilimicosin gây ra trên gia súc	SVT-50
48.	SUN- Thiophyllin	Aminophylline	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị rối loạn hô hấp, bệnh đường hô hấp do phế quản và hội chứng suy tim nhẹ trên gia súc, lợn.	SVT-52
49.	SUN-Coxi plus	Sulfadimethoxine(Na) Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với trimethoprim và sulfadimethoxine gây ra trên thỏ.	SVT-53
50.	SUN- Monocox	Sulfamonomethoxine Trimethoprim	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg.	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm gây ra trên gia súc, lợn và chim	SVT-54
51.	SUN-Diclacox	Diclazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gây ra bởi <i>Eimeria</i> trên gia cầm, cừu, lợn, thỏ.	SVT-55
52.	SVT-Toltracox	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị các bệnh cầu trùng trên gia cầm	SVT-56
53.	SUN-Pigcox	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 1.000ml	Phòng và trị cầu trùng trên heo.	SVT-57
54.	SUN-Colicox	Sulfadimethoxine Colistine (sulfate).	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg.	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu	SVT-59
55.	SUN- Paracetamol	Paracetamol	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg.	Hạ sốt trên lợn	SVT-60
56.	SUN- Kháng sinh tổng hợp	Oxytetracycline, Neomycin	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg.	Trị tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline và neomycin gây ra trên trên bê, cừu, , lợn, thỏ và gia cầm.	SVT-61
57.	SUN- Ứm gà vịt	Oxytetracycline, Colistin, Vitamin A, D3, PP	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg.	Phòng và trị bệnh đường hô hấp (CKD), viêm khớp, viêm ruột (Colibacillosis, Salmonella)	SVT-62
58.	Sun- Glucaf	Glucose monohydrate	Ông, Chai	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000ml	Giúp bù lại nước và cung cấp thêm năng lượng, giúp giải độc cơ thể.	SVT-63
59.	Sun – Coli stop	Colistin sulfate, Spectinomycin	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá trên dê non, cừu non, heo con.	SVT-64
60.	Sun- Ampicol.P	Ampicillin (Trihydrate), Colistin sulfate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g; 1kg.	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm, gia súc	SVT-65

61.	Sun- Nấm phổi	Nystatin	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nấm Candida trên chim bồ câu và chim lồng.	SVT-66
62.	Sun – Tilmimix	Tilmicosin	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	SVT-67
63.	Sun – Cầm Cúm	Oxytetracycline (as hydrochloride)	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, chó, mèo	SVT-68
64.	Thiam - Multi	Thiamphenicol	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên lợn, cừu, gia cầm.	SVT-69
65.	Sun- Danocin	Danofloxacin (mesylate)	Ống, Chai	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột, viêm vú trên trâu, bò.	SVT-70
66.	Sun- Flo ject	Florfenicol	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục trên lợn, gia súc.	SVT-71
67.	Sun- Meloxim	Meloxicam	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt.	SVT-72
68.	Sun- Imectin	Ivermectin cv	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên lợn.	SVT-73
69.	Sun- Atropin	Atropin sulphate	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị co thắt ruột, khí phế quản, giảm đau- tiền mê.	SVT-74
70.	Sun- Tolfe Vet	Acid Tolfenamic	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt.	SVT-75
71.	Sun- Multi ADE	Vitamin A, B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , C, D ₃ , E, Panthenol và Nicotinamid.	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin. Tăng cường sức khỏe sau khi bị bệnh.	SVT-76

19. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y ĐỨC HẠNH (MARPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Erymar	Erythromycine, vitamin B ₁	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, bệnh nám ghép CRD ở gia cầm, bệnh suyễn lợn	MAR-15
2.	Nofacoli	Norfloxacine, Tanin, vitamin B ₁	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy của bê, gia cầm, bệnh đường tiêu hoá.	MAR-16
3.	CRD-myco	Enrofloxacin	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy phân xanh, phân trắng, THT, viêm xoang mũi vịt.	MAR-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đồng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4.	Salinocoi	Colistin, Vitamin B ₁ , B ₂ .	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị viêm ruột, tiêu chảy do E.coli và Samonella, viêm đường hô hấp.	MAR-17
5.	Colisalcol	Flumequin	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hoá như E.coli, Samonella,	MAR-18
6.	Tetra trùng	Oxytetracycline	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị tụ huyết trùng, viêm khớp bò, bệnh đường hô, đường ruột.	MAR-19
7.	Úm gia cầm	Erythromycin	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, bệnh nấm ghép CRD ở gia cầm.	MAR-20
8.	Coli oral	Colistin sulfate	Lọ, Tuýp	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày- ruột do vi khuẩn nhạy cảm Colistin gây ra trên lợn con.	MAR-8
9.	Marcoc	Sulfaguandine, Sulfadimidine	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng dạ dày- ruột trên lợn, bê, cừu non, dê con	MAR-9
10.	Ampicoli mar	Ampicilline	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline gây ra trên lợn, bê, nghé, gia cầm.	MAR-10
11.	Coli102	Trimethoprine, Colistin sulfate	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprine, Colistin trên bê, dê, cừu, lợn,	MAR-11
12.	Marquyl	Flumequine	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	MAR-3
13.	Marcoc stop	Sulfaguinoxaline, Trimethoprine	Gói, Lon, Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Phòng và trị cầu trùng, THT, thương hàn trên gia cầm.	MAR-25
14.	Mar-Doxy	Doxycycline	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu hoá trên bê	MAR-28
15.	Paramar-C	Paracetamol	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Thuốc hạ sốt cho lợn	MAR-32
16.	Marphamox-B	Amoxicilline trihydrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Amoxicilline trên bê, nghé, lợn và gia cầm	MAR-33
17.	Doxy 2% primix	Doxycycline HCL	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	MAR-34
18.	Marflornix	Florfenicol	Gói, lon,xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	MAR-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
19.	Tylovet	Tylosin (tartrate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn vi sinh vật nhạy cảm với Tylosin gây ra trên lợn	MAR-39
20.	Marphamox-50%	Amoxicilline (trihydrate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxicilline gây ra trên gà.	MAR-44
21.	Tetra Trùng	Oxytetracyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracyclin gây ra trên ngựa, bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, chó, mèo.	MAR-46
22.	Amoxcoli	Amoxicilline (trihydrate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxicilline gây ra trên gà.	MAR-47
23.	Úm gà vịt ngăn	Amoxicilline (trihydrate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline gây ra trên gà.	MAR-49
24.	Marbrom-Hen khếch	Bromhexin (HCl)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Long đờm ở ngựa con, lợn, bê, cừu non, dê non, gia cầm, chó, mèo.	MAR-50
25.	Kháng sinh tổng hợp	Colistin (sulfate) Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline và colistin gây ra trên bê, heo con.	MAR-51
26.	Tetra 50%	Oxytetracyclin (HCl)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline trên bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm	MAR-52
27.	Doctor Hen	Doxycycline (hyelate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với doxycycline gây ra trên bê, lợn, gà.	MAR-53
28.	Ampi-Sulfa	Ampicilline trihydrate Sulfadimethocin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, bệnh do vi khuẩn <i>Colibacillus</i> và <i>Salmonella</i> trên bê, cừu, dê, lừa con, lợn	MAR-55
29.	Methocin	Sulfadimethocin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột và coccidia trên bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm	MAR-56
30.	Ampicolis	Ampicilline trihydrate Colistine sulfate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do E.Coli K99 gây ra trên bê	MAR-63
31.	Coli-Sulfa	Colistine sulfate Sulfadimidine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn ở dạ dày, ruột nhạy cảm với colistine và sulfadimidine trên bê, cừu	MAR-64

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
32.	Martin premix	Ivermectin	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị nhiễm ký sinh trùng trên lợn.	MAR-66
33.	Enrocin 20%	Enrofloxacin	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm, lợn.	MAR-67
34.	OTC Premix	Oxytetracycline	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với oxytetracyclin trên Bê, cừu non, dê non, lợn, gia cầm	MAR-68
35.	Anti E.coli	Ampicilline trihydrate Colistine sulfate	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị bệnh đường ruột nhạy cảm với ampicillin và colistin trên bê, cừu, dê, gia cầm.	MAR-70
36.	Viêm vú bò sữa	Cefalexine	Chai, ống bơm 5; 10; 20; 50; 100; 250ml		Trị viêm vú nhạy cảm với cefalexine trên bò sữa.	MAR-71
37.	Nanococstop	Sulfadimethoxin Trimethoprine	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị nhiễm trùng huyết trên bê non, nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm màng trên bê.	MAR-75
38.	Nanodoxy	Doxycycline	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa trên bê.	MAR-76
39.	OTCS-mix	Oxytetracycline Sulfadimidine	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị bệnh nhiễm trùng ở đường hô hấp trên bê, cừu, lợn	MAR-78
40.	Cầu trùng nano	Sulfaguanidine Sulfadimidine	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn	MAR-79
41.	Nano ún	Oxytetracycline	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa trên lợn, dê, chó, thỏ, gia cầm	MAR-81
42.	Nanopro trứng	Oxytetracycline	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột trên ngựa, bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, chó, mèo	MAR-83
43.	Doxymix	Doxycycline	Túi, lon 500g; 1kg	5; 10; 20; 50; 100; 250;	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	MAR-89
44.	Martill 10%	Enrofloxacin	Chai, lọ 10, 50, 100, 250, 500ml		Trị viêm khớp, viêm đường hô hấp cho trâu, bò, lợn, nhiễm trùng đường tiết niệu ở chó.	MAR-22
45.	Aliflox oral	Norfloxacin base	Chai, lọ 10, 50, 100, 250, 500ml		Trị tụ huyết trùng trên trâu, bò, lợn, viêm khớp bò do M. bovis, nhiễm trùng niếu	MAR-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
46.	Markacolis	Kanamycin, Colistin	Chai, lọ	10, 50, 100, 250, 500ml	Trị THT trâu bò, ia chấy trên gia súc, chó, mèo và bạch lỵ ở gà.	MAR-7
47.	Quinocoli	Norfloraxine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm.	MAR-12
48.	Martrill 5%	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó.	MAR-13
49.	Nor.ecoli	Norfloraxine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, khớp trên trâu, bò, lợn, chó.	MAR-14
50.	Martylan	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	MAR-1
51.	Marphamox-LA	Amoxycillin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	MAR-2
52.	Marfluquine	Flumequine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Flumequinetrên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm.	MAR-4
53.	Colimar.inj	Colistin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin ở trâu, bò, ngựa, lợn, cừu, thỏ, gia cầm.	MAR-5
54.	Martin LA	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên bò.	MAR-23
55.	Mar-Cetus-new	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bò, heo.	MAR-24
56.	Marenro 10	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng sinh dục trên gia gia cầm.	MAR-26
57.	Marzurilcoc	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà.	MAR-27
58.	Big coc	Sulfadiazine, Trimethoprine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprine	MAR-29
59.	Mar-Flor LA	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	MAR-30
60.	Marnagin-C	Dipyrrone	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Thuốc giảm đau cho trâu bò, lợn và chó	MAR-31
61.	Marphamox-gen LA	Amoxicilline, Gentamycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline, gentamycin trên trâu, bò, lợn	MAR-36
62.	Colicoc	Sulfadimidine Sulfaquinoxaline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine, Sulfaquinoxaline trên gia cầm.	MAR-37
63.	Mectin-27	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị ký sinh trùng nhạy cảm với Ivermectin như giun tròn, giun phổi, chấy, rận và bọ ve	MAR-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
64.	Marflovat	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn gram(-) và gram(+) mãn cảm với Florfenicol gây ra trên lợn, gia cầm	MAR-40
65.	Oxtaxin 5%	Oxytetracycline (HCl)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, ngựa, chó, mèo.	MAR-41
66.	Marflo-45%	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên trâu, bò	MAR-42
67.	Martylan@	Tylosine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosine gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	MAR-43
68.	Enroflocin	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với enrofloxacin gây ra trên bê.	MAR-45
69.	Doxy-Hencoli	Doxycycline (hyclate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên lợn, gà.	MAR-48
70.	Toltracocis	Totrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên lợn con.	MAR-54
71.	Methocin -Tri	Sulfadimethocin Trimethoprine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Trimethoprine và sulfadimethoxine trên gia cầm, thỏ.	MAR-57
72.	Trisufa	Sulfadimethocin Trimethoprine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadimethoxine trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn, chó, mèo.	MAR-58
73.	Nanococ	Sulfadimethocin Trimethoprine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với trimethoprine và sulfadimethoxine trên thỏ	MAR-59
74.	Nanococis	Sulfadimethocin Trimethoprine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine và Sulfaguanoxaline trên gia cầm.	MAR-60
75.	Coli- Ly	Colistin (sulfate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với colistine trên bê, lợn, cừu, gia cầm	MAR-61
76.	E.coli-Viêm	Colistine Ampicilline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistine và Ampicilline gây ra trên bò, cừu, dê, lợn	MAR-65
77.	Cefadog	Cefalexine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn mô mềm, nhiễm trùng da, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó, mèo	MAR-72
78.	Nanocoli	Sulfadimidine Sulfaguanoxaline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine và Sulfaguanoxaline trên gia cầm	MAR-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
79.	Nanotylan	Tylosine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa, viêm vú trên trâu, bò, dê, cừu và lợn.	MAR-74
80.	Nanoflocin	Flofenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	MAR-77
81.	Ceptyl	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur trên trâu, bò, lợn	MAR-82
82.	Nanomoxcoli	Amoxicilline Colistine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng huyết, nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm tĩnh mạch trên bê, lợn, chó, mèo	MAR-84
83.	Marfluquyl	Flumequine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp và tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với flumequine trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn và gia cầm	MAR-85
84.	Nanoentro	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm da, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, lợn, chó.	MAR-86
85.	Enrohen	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra	MAR-88
86.	Úm chuyên dụng	Amoxicilline; erythromycin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250, 500; 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline và erythromycin .	MAR-90
87.	OTC 300-LA	Oxytetracyclin; Flunixin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250, 500; 1.000ml	Trị bệnh đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin.	MAR-91
88.	AMOX-COLIS	Amoxicilline Colistine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250, 500; 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp trên bê, dê, cừu, gia cầm và lợn	MAR-92
89.	DOXY-COLIS	Doxycycline Colistine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250, 500; 1.000g	Trị bệnh đường tiêu hóa, đường hô hấp trên bê, dê, cừu, gia cầm, lợn	MAR-93
90.	DOXY-TYLAN	Doxycycline Tylosine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250, 500; 1.000g	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, gia cầm, lợn	MAR-94
91.	ERY-COLIS	Erythromycine Colistine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250, 500; 1.000g	Trị viêm dạ dày, ruột trên bê, ngựa con, dê, cừu, lợn	MAR-95
92.	GENTA-DOXY	Doxycycline Gentamicine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250, 500; 1.000g	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, gia cầm, lợn	MAR-96
93.	MARCOC- E.COLI	Sulfadimethoxine Colistine (sulfate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250, 500; 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên bê, cừu	MAR-97

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số dăng ký
94.	MARPHAMOX -100	Amoxicilline (trihydrate)	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phế quản, viêm phế quản phổi, viêm phổi, viêm màng phổi, nhiễm trùng đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường tiết niệu, nhiễm trùng da trên chó, mèo, bò, heo con	MAR-98
95.	SULFA.TRI 5-1	Trimethoprine Sulfadimethoxine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprine Sulfadimethoxine: Nhiễm trùng huyết, nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng da, viêm khớp và viêm màng hoạt dịch trên bê	MAR-99
96.	TRI-ERYCINE	Trimethoprine Erythromycine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000ml	Trị viêm vú lâm sàng	MAR-100
97.	Bendazole	Fenbendazole	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1, 3, 5kg	Trị ký sinh trùng dạ dày-ruột, hô hấp trên trâu, bò, đẻ, cừu, lợn	MAR-101
98.	Coli 102 Oral	Colistine sulfate Trimethoprine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh nhiễm trùng dạ dày ruột trên bê, nghé, cừu non, lợn con	MAR-102
99.	CEF 750	Cefquinome sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị viêm vú lâm sàng trên bò sữa.	MAR-103
100.	LINCOCIN 40%	Lincomycine (HCl)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị viêm ruột trên lợn, gà.	MAR-104
101.	TETRA-TYLO	Tetracycline (HCl) Tylosine tartrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị viêm phổi trên bê.	MAR-105
102.	TTCOSIN MIX	Tilmicosine phosphate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn.	MAR-106
103.	Atropin	Atropin sulfate	Chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giãn đồng tử mắt trên ngựa, chó, mèo.	MAR-107
104.	Cef-5	Cefquinome sulfate	Chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	MAR-108
105.	Cầu trùng viêm ruột TC	Chlortetracycline, Sulfadimidine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Chlortetracycline, Sulfadimidine trên bê, cừu non.	MAR-109
106.	Super trứng	Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột trên bê, nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn, gà.	MAR-110
107.	Doxymix 400	Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị nhiễm trùng phổi do Pasteurella multocida trên lợn	MAR-111

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
108.	Doxy hen syễn Coli	Doxycycline hyclate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn. Trị CRD trên gà.	MAR-112
109.	Ampimix	Ampicillin trihydrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gà, vịt.	MAR-113
110.	Ampi 800	Ampicillin trihydrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên lợn.	MAR-114
111.	Ampicolis T	Ampicilline, Colistin (sulfate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn nội mạc tử cung trên bò	MAR-115
112.	Danoflocin	Danofloxacin mesylate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú cấp tính, viêm ruột do E.coli trên trâu bò và bê nhê	MAR-116
113.	Marbocin 200	Marbofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, lợn	MAR-117
114.	Tilsinmar	Tilmicosine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm móng trên trâu, bò, cừu	MAR-118
115.	Marphamox 140-LA	Amoxicilline , Acid Clavulanic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò	MAR-119
116.	Cefanew-LA	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, viêm đa khớp, nhiễm trùng huyết trên lợn	MAR-120
117.	Chlortetra	Chlortetracycline HCl	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị nhiễm trùng đường phổi, đường ruột trên thỏ, lợn, cừu con cai sữa, gia cầm	MAR-121
118.	Chlortetra-sulfa	Chlortetracycline HCl, Sulfamethoxy pyridazine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Chlortetracycline và Sulfamethoxy pyridazine gây ra trên lợn, bê, cừu	MAR-122
119.	Oxytetra-LA	Oxytetracycline dihydrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, cừu, lợn.	MAR-123
120.	A to Z mar	Ampicilline, Sulfadimethoxin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1.000g	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu con, ngựa con, lừa con, lợn con.	MAR-124
121.	Marphamox premix	Amoxicilline trihydrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1.000g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline, đặc biệt là <i>Escherichia coli</i> trên gà	MAR-125
122.	Marphamox colis	Amoxicilline trihydrate, Colistine sulfate	Chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1.000ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm tĩnh mạch trên bê, lợn, chó, mèo.	MAR-126

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
123.	Chlortetra trứng	Chlortetracycline HCl	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên lớn con, cừu con.	MAR-127
124.	Esb3-chlortetra	Chlortetracycline HCl, Sulfamethoxypyrid azine Na	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Chlortetracycline và Sulfamethoxypyridazine gây ra trên lợn con, cừu con.	MAR-128
125.	Nano 1	Danofloxacin mesylate	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột trên trâu, bò, lợn.	MAR-129
126.	Doxxy trứng	Doxycycline (hyclate)	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm, thùy cầm.	MAR-130
127.	Ery-ho-suyễn	Erythromycine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycine gây ra trên bò, cừu, lợn	MAR-131
128.	Flo-flu-la	Flofenicol, Flunixin meglumine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu bò	MAR-132
129.	Genta 400	Gentamycin sulfate	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng huyết trên bê.	MAR-133
130.	Ziquan-mectin	Ivermectine, Praziquantel	ống, xilanh	Ống xilanh 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000g	Trị nhiễm bệnh giun, sán, ấu trùng của động vật chân đốt gây ra trên ngựa	MAR-134
131.	Linco-spez	Lincomycine, Spectinomycine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycine và Spectinomycine gây ra trên bê, dê, lợn, gia cầm, chó, mèo.	MAR-135
132.	Lincomin	Lincomycine chlorhydrate	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycine gây ra trên lợn, chó, mèo.	MAR-136
133.	Marboflo new	Marbofloxacin	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú cấp tính trên trâu, bò, tị viêm vú, viêm tử cung, mắt sữa trên lợn nái.	MAR-137
134.	Kháng sinh tổng hợp A	Neomycine sulfate, Colistine sulfate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	MAR-138
135.	Kích trứng mar	Oxytetracycline	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm trùng đường phổi, đường ruột trên lợn con, cừu con, gia cầm, thỏ.	MAR-139

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
136.	D.O.C mar	Oxytetracycline HCl	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng huyết, sinh dục, hô hấp, tiêu hóa trên trâu bò, cừu, dê, lợn.	MAR-140
137.	Oxycolimix	Oxytetracycline HCl, Colistine sulfate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn dạ dày-ruột trên bê, lợn con	MAR-141
138.	Flu-tetra	Oxytetracycline HCl, Flunixin meoglumine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò	MAR-142
139.	Mr. Trần	Oxytetracycline HCl, Sulfadimethoxine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh đường phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline và Sulfadimethoxin gây ra trên bê, cừu.	MAR-143
140.	Ziquantel	Praziquantel	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh ký sinh trùng trên cừu	MAR-144
141.	Dimethocin	Sulfadimethoxin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh cầu trùng, nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm, thỏ, cừu con, lợn.	MAR-145
142.	Methocin oral	Sulfadimethoxin (Na)	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin gây ra trên chim bồ câu	MAR-146
143.	Sulfa-tri nano	Sulfadimethoxin Na, Trimethoprine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprine gây ra trên bê, lợn, gia cầm, thỏ.	MAR-147
144.	Sulfa-tri mix	Sulfadimethoxin Na, Trimethoprine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, cầu trùng trên bê, cừu, dê, lợn	MAR-148
145.	Cocsis ghép e.coli	Sulfadimethoxin, Colistin sulfate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh dạ dày-ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Colistine gây ra trên bê, cừu	MAR-149
146.	Kí sinh trùng mar	Sulfadimethoxin, Oxytetracycline:	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Oxytetracycline gây ra trên cừu, thỏ.	MAR-150
147.	Micosin	Tilmicosine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	MAR-151
148.	Kana-Cefa	Cefalexine, Kanamycin	Ống tiêm	10g	Trị viêm vú bò.	MAR-152

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số dạng ký
149.	Flu viem	Flunixin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lit	Trị viêm, đau do rối loạn cơ bắp, xương trên ngựa. Giảm triệu chứng lâm sàng trong nhiễm trùng hô hấp dùng kết hợp với kháng sinh trên bò, lợn.	MAR-153
150.	FLORCOLL- HEN	Florfenicol	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lit	Trị bệnh hô hấp, Tụ huyết trùng trên lợn.	MAR-154
151.	ENROFLOHEN	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lit	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày-truột trên bê.	MAR-155
152.	BACTAM	Cefquinome sulfat	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lit	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm da, viêm vú, viêm tử cung, viêm màng não, viêm khớp trên trâu, bò, lợn	MAR-156
153.	CHLO- COLIHEN	Chlortetracycline	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bò, lợn, gia cầm.	MAR-157
154.	DEXAMIN	Dexamethasone, Chlorphenamine	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị viêm, dị ứng trên chó, mèo	MAR-158
155.	PHERAMIN	Chlorphenamine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lit	Trị triệu chứng bệnh đường hô hấp trên chó, mèo	MAR-159
156.	PREDNI-CHLO	Prednisolone, Chlorphenamine	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị bệnh ngứa da trên chó, mèo.	MAR-160
157.	MARTOSAL	Butaphosphan, Cyanocobalamin, N-Butart	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lit	Trị bệnh giảm phosphate huyết và thiếu hụt Vitamin B12 trên trâu, bò, chó, mèo.	MAR-161
158.	AMOX-500	Amoxicilin	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị bệnh do <i>Escherichia coli</i> trên gà.	MAR-162
159.	NEO-TATIN	Neomycin, Nystatin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh nấm, nhiễm trùng tai trên chó, mèo.	MAR-163
160.	NAMIN-MAR	Analgin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lit	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, ngựa, chó, mèo.	MAR-164
161.	Namin-vit	Calcium gluconate, Magnesium hypophosphite	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lit	Trị thiếu hụt canxi và magie trên gia súc	MAR-165
162.	GLUCO- NAMIN	Glucose, Sorbitol	Chai	5,10,20, 50,100, 250,500, 1 lit	Góp thêm lượng calo trong quá trình rối loạn chuyển hóa năng lượng trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn, chó	MAR-166

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
163.	TYLAN 100	Tylosin tartrate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị viêm phổi, lỵ trên lợn. Trị CRD trên gia cầm.	MAR-167
164.	Micosin New	Tilmicosin	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn.	MAR-168
165.	NOFACOLI 20%	Norfloxacin	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, Tụ huyết trùng, Colibacillosis trên gà.	MAR-169
166.	GENMY 500	Gentamycin	Chai	5,10,20, 50,100, 250,500, 1 lít	Trị viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, ngựa, lợn.	MAR-170
167.	TYLAN 80%	Tylosin	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị viêm phổi, lỵ trên lợn. Trị CRD trên gia cầm.	MAR-171
168.	TUSIN.LA	Tulathromycin	Chai	5,10,20, 50,100, 250,500, 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	MAR-172
169.	LINCOMIX	Lincomycin	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột trên lợn, gia cầm.	MAR-173
170.	LINCO 25%	Lincomycin	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột trên lợn, gia cầm.	MAR-174
171.	NEO 50%	Neomycin sulfat	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250,500g, 1kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy trên bê, lợn, gia cầm.	MAR-175
172.	OXY-FLU	Oxytetracycline, Flunixin	Chai	5,10,20, 50,100, 250,500, 1lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò.	MAR-176
173.	Flo-doxy Mar	Florfenicol, Doxycyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, lợn	MAR-177
174.	Cefa 20%	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm hoại tử khe ngón chân do vi khuẩn, thối móng trên trâu, bò	MAR-178
175.	CEPTYL NEW	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, lợn	MAR-179

20. CÔNG TY CỔ PHẦN PROVET VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Promoxy 15%	Amoxycilline, Aerosil.	Gói, Lon	10;20;50;100; 500g 50; 100; 500g	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline trên bê,ghé,lợn, gia cầm	PRO-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2.	Amoxpro- LA	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline trên giả súc, lợn, cừu, chó, mèo.	PRO-02
3.	Enmotril 10%	Enrofloxacin	Lọ	10; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn, Mycoplasma nhạy cảm với Enrofloxacin trên giả cảm	PRO-04
4.	Proemro 10%	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do các vi khuẩn nhạy cảm Enrofloxacin gây ra.	PRO-06
5.	Promesul	Trimethoprim, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadiazine gây ra.	PRO-07
6.	Coli 500	Trimethoprim, Colistin.	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Colistin gây ra.	PRO-08
7.	Superquin	Flumequine.	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	PRO-09
8.	Procoli	Neomycine sulphate, Colistin sulphate.	Túi, Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycine và Colistin gây ra	PRO-10
9.	Prokana	Kanamycine sulfate, Colistin sulfate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, chó, mèo.	PRO-11
10.	Protylan	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	PRO-14
11.	Promequin-LA	Flumequine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine trên giả súc, giả cảm.	PRO-15
12.	Doxypro 20%	Doxycycline HCL	Gói, Lon, Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê.	PRO-16
13.	Promoxy 50%	Amoxicillin trihydrate	Gói, Lon, Xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phế quản truyền nhiễm trên lợn.	PRO-17
14.	Promyco	Enrofloxacin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, hô hấp và tiết niệu trên bê, ngựa, dê, cừu, heo, giả cảm.	PRO-18
15.	Prodoty	Doxycycline HCl Tylosin tartrate	Gói, Lon, Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày-ruột, hô hấp trên bê, ngựa, heo, dê, cừu, giả cảm.	PRO-19
16.	Pro-Sulfacoc	Sulfaguinoxalin, Trimethoprim	Gói, Lon, Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị cầu trùng, Tụ huyết trùng, Thương hàn trên giả cảm.	PRO-20

21. CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM XANH VIỆT NAM (GREENPHARMA)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Colicin	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Gói, hộp	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1, 10kg	Trị các bệnh tiêu chảy trên lợn như phân trắng, viêm ruột hoại tử, PTH.	GRP-1
2.	Tylovet-50	Tylosin tartrate	Gói, hộp	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Trị bệnh gây ra do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm như CRD, suyễn lợn.	GRP-2
3.	Doxy - 20%	Doxycyclin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 25kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin trên gia súc, gia cầm.	GRP-6
4.	C-75	Colistin sulphate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá trên gia súc, gia cầm.	GRP-7
5.	Flu - Q 100	Flumequine	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hoá do vi khuẩn Gr (-) trên gia súc, gia cầm.	GRP-8
6.	Tylan-Dox	Doxycyclin Tylosin Tartarate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin và Tylosin.	GRP-9
7.	Megacin	Oxytetracylin, Neomycin sulfate	Gói, Hộp	10, 100, 250, 500g 1, 10kg	Trị viêm nhiễm gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracylin và Neomycin trên Bê, Dê, Lợn và gia cầm	GRP-10
8.	BROM PLUS	Bromhexine HCl	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị triệu chứng về rối loạn hô hấp- giảm con hen	GRP-11
9.	MEGACOX	Sulfaclozine	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng	GRP-13
10.	Genta-Doxy	Gentamicin sulphate Doxycyclin hyclate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, <i>E.coli</i> , tụ huyết trùng, thương hàn, <i>Haemophilus</i> trên gia súc, gia cầm	GRP-14
11.	Linco-S	Spectinomycin, Lincomycin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, <i>E.coli</i> , tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, ileitis trên gia súc, gia cầm	GRP-16
12.	COLIMOX WS	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị <i>E.coli</i> , viêm ruột hoại tử, tụ huyết trùng, thương hàn, coryza, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRP-17
13.	Quino - cox	Sulfaquinolaxaline, Trimethoprim	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, nhiễm Coli huyết trên gà, vịt, ngan, cút.	GRP-18
14.	Erymax	Erythromycin thiocyanate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	GRP-19
15.	Sulfamax	Sulfamonomethoxine natri	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị ký sinh trùng đường máu, cầu trùng trên gia cầm.	GRP-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16.	Tylanmax	Tylosin tartrate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh nhiễm trùng hô hấp trên bề, lợn, gia cầm	GRP-21

22. CÔNG TY TNHH VƯỜNG VIỆT ANH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	VVA-Ampicoli	Ampicilline, Colistin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phổi, viêm xoang, móng, viêm khớp, viêm rốn, nhiễm trùng máu, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm.	VVA-1
2.	VVA-Ampisep	Ampicilline, Sulfadimethoxine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp, nhiễm khuẩn máu, sinh dục, tiết niệu trên bề, nghé, dê cừu non, ngựa non, lợn, gia cầm.	VVA-2
3.	VVA-Colicoli	Colistin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn Gr (-) nhạy cảm với Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm.	VVA-3
4.	VVA-Doxytylan	Doxycycline, Tylosin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày – ruột và đường hô hấp, gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline trên bề, nghé, dê, gia cầm, cừu, lợn.	VVA-4
5.	VVA-Doxycoli	Doxycycline, Colistin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline và Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm.	VVA-5
6.	VVA-Flumix (Kháng sinh vịt)	Flumequine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị các nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá trên ngan, gà vịt, ngỗng, gia súc.	VVA-6
7.	VVA-Enro 10%	Enrofloxacin, Vitamin C	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp mãn tính (Mycoplasma kết hợp E.coli), CRD, CCRD, sung phù đầu, tiêu chảy do E.coli, tụ huyết trùng, thương hàn ở gia súc, gia cầm.	VVA-7
8.	VVA-Gentadox	Doxycycline, Gentamycine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hoá do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline và Gentamycine trên bề, nghé, lợn và gia cầm.	VVA-8
9.	VVA-Nemato	Levamisol	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Tẩy giun tròn nhạy cảm với Levamisole trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, gia cầm.	VVA-9
10.	VVA-Neocoli	Neomycin, Colistin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm.	VVA-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11.	VVA- Tetracolivit	Oxytetracycline HCL, Colistin sulfate, Vitamin A, D3, E, K3, B12, B2, Calcium antothenate, Nicotinic	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hoá trong giai đoạn ủm gà, vịt, ngan, cút.	VVA-11
12.	VVA- Gentatylan	Gentamycine, Tylosin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu hoá trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	VVA-12
13.	VVA- Coccid (Avicoc)	Sulfaquinoxaline sodium, Diaveridine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	VVA-13
14.	VVA-Amoxcoli	Amoxycilline, Colistin	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp, đường tiêu gây ra bởi các vi sinh vật nhạy cảm với colistin và amoxycilline trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm.	VVA-14
15.	VVA- Antigumboro	Potassium citrate, Sodium citrate, Vitamin B1, B2, B6, K3, C, PP, Paracetamol, Methionine, Lysine	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng bệnh Gumboro, bổ sung vitamin, trợ sức, trợ lực, giảm đau, hạ sốt, tăng sức đề kháng cho gia cầm.	VVA-15
16.	VVA- B Complex	Vitamin B1, B2, B3, B5, B6, B12	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin nhóm B, kích thích tăng trọng. Tăng cường sức khỏe cho thú còi, suy nhược sau khi bệnh hoặc sinh đẻ trên gia súc, gia cầm.	VVA-16

23. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y VIỆT NAM (PHARMAVET CO., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Phar-neosol	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	10,20,50,100, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hoá	Phar -09
2.	Nấm phổi GVN	Nystatin	Gói	10,20, 50, 100g, 250, 500g, 1kg	Trị nấm phổi, nấm miệng, rối loạn tiêu hoá do kháng sinh phổ rộng	Phar -25
3.	Phartigumb	Paracetamol, Vit. C	Gói	10,20,50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh gumboro, thuốc bổ tổng hợp	Phar -29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số dăng ký
4.	D.T.C VIT	Doxycyclin, Vit C, Tylosin	Gói 500g, 1kg	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị hen gà, sung phù đầu vịt ngan,	Phar-30
5.	Dox-y-sul-trep	Doxycyclin, Sulfamid	Gói, lon 500, 1000g	5,10, 20, 50, 100g 500, 1000g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá, hô hấp, da và mô mềm ở chó, lợn.	Phar -35
6.	Pharotín-K	Vitamin: A, D, H, Khoáng vi lượng	Gói 1000g	10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị rụng lông, nứt móng, bệnh vảy da lông	Phar -40
7.	PTH-Pharma	Thiamphenicol	Gói Hộp	10;20;50g 100g;1;5kg	Trị PTH, viêm ruột, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp của Bê, Lợn, Chó, Mèo, Gia cầm.	Phar -49
8.	Ampi-col	Ampicilin, Colistin	Gói Hộp	10;20;50g 100g; 1;5kg	Trị nhiễm khuẩn do E.coli, THT, PTH, cho Bê, Lợn, Chó, Mèo và Gia cầm..	Phar -44
9.	Tylosin tartrat	Tylosin tartrat	Gói Hộp	10;20;50g 100g;1;5kg	Trị viêm đường hô hấp của Gia súc, Gia cầm, bệnh Hồng lỵ của Lợn	Phar -46
10.	Dia-Pharm	Neomycin sulfat salt Colistin sulfat salt.	Gói Hộp	5;10;100;250;500g; 1;5kg	Phòng, trị nhiễm trùng đường tiêu hoá do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistine gây ra	Phar -50
11.	Pharcado	Niclosamid, Levamisol HCL;	Gói Hộp	2;4;10;20;50;100g	Trị kí sinh trùng ký sinh trên ống tiêu hoá, phổi, tim, sản dầy ở chó mèo	Phar -51
12.	Pharmpicin	Trimetoprim, Colistin sulfat salt;	Gói Hộp	5;10;100;250;500g 1;5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hoá do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimetoprim gây ra	Phar -52
13.	Pharcaris	Levamisol.	Gói, Hộp	2;4;10;50;100;250; 500g 1;2;5 kg	Trị KST ký sinh trong ống tiêu hoá như giun đuũa, giun xoắn, giun kết hạt	Phar -54
14.	Pharmequin	Flumequin	Gói, Hộp	5;10;20;50;100;250; 500g; 1; 2; 5 kg	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hoá do vi khuẩn Gr(-).	Phar -55
15.	Phar-Cocciop	Sulfaclopyrazin	Gói thiếc	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5kg	Trị cầu trùng, các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với sulfamid	Phar-01
16.	CRD-pharm	Doxycyclin, Tiamulin	Gói thiếc	10, 20, 50, 100 500g, 1kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin, Tiamulin	Phar-03
17.	Pharticc-plus	Sulfaguinoxalin Sulfadimidin	Gói thiếc	10, 20, 50, 100 g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfaguinoxalin và Sulfadimidin	Phar-05
18.	Pharcolivet	Sulfadimethoxin Ampicilin	Gói thiếc	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Ampicilin	Phar-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
19.	Pharamox	Amoxycillin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Điều trị các nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm.	Phar-56
20.	Phar-Dectocid	Albendazol	Lọ	10; 20; 50; 100 viên	Trị giun ký sinh trong ống tiêu hóa, phổi, sán dây, sán lá gan trên trâu, bò, dê, cừu.	Phar-58
21.	Phar- Poltrim	Sulfachlopyridazin, Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Điều trị các bệnh tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm.	Phar-59
22.	Pharm-flor	Florfenicol	Gói	20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn	Phar-84
23.	Ery-pharm	Tetracyclin, Erythromycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị viêm đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin, Erythromycin gây ra trên gia cầm, thỏ.	Phar-86
24.	Ampi-pharm	Ampicillin, Erythromycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Erythromycin trên gia cầm	Phar-87
25.	Fasio – pharm	Triclabendazol	Gói	5; 6; 12; 24; 50; 100; 500g; 1kg	Thuốc tẩy sán lá gan trên trâu, bò, dê, cừu.	Phar-88
26.	Para-C Mix	Paracetamol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Thuốc hạ sốt, giảm đau trên heo, gia cầm.	Phar-89
27.	Giamho-B	Bromhexin HCl	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Tác dụng long đờm, giảm ho	Phar-90
28.	Teramix-Pharm	Oxytetracyclin HCl; Vitamin A, B2, B12, K, PP; D-pantotenic acid	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục và nhiễm khuẩn máu trên gia cầm.	Phar-91
29.	Caticoc-Pharm	Sulfadimidin, Diaveridin	Gói, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị cầu trùng, vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidin, Diaveridin trên gia súc, gia cầm.	Phar-93
30.	Corymax-Pharm	Erythromycin, Oxytetracyclin	Gói, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn tiêu hoá, hô hấp trên gia cầm	Phar-94
31.	Moncoc-Pharm	Sulfaquinoxalin, Diaveridin	Gói, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị cầu trùng, vi khuẩn mẫn cảm với Sulfaquinoxalin, Diaveridin trên gia cầm.	Phar-97
32.	TC-Pharm	Sulfaguanidin, Colistin	Gói, Lon	7; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị tiêu chảy, nhiễm khuẩn tiêu hoá do các vi khuẩn mẫn cảm với Sulfaguanidin, Colistin trên gia súc.	Phar-98

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
33.	Tieu chay 2S	Sulfaguanidin, Sulfadimidin	Gói, Lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị tiêu chảy, cầu trùng, nhiễm khuẩn tiêu hoá do các vi khuẩn mẫn cảm với Sulfaguanidin, Sulfadimidin trên gia súc.	Phar-99
34.	Enroflox 5%	Enrofloxacin	Gói, lon	10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị bệnh do E.coli, phó thương hàn, tụ huyết trùng, bạch lý ở gia cầm	Phar -34
35.	Phar-trypazen	Diminazen	Lọ	1,18; 2,36g	Trị KST đường máu ở Trâu, Bò, Cừu.	Phar -45
36.	Doxycolison-F	Doxycyclin, Colistin Dexamethason	Ông lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, phó thương hàn, tụ huyết trùng, E.coli, sung phù đầu.	Phar -06
37.	Doxyvvet-L.A	Doxycyclin	Ông lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, tiêu chảy, sung phù đầu, viêm khớp, phế quản phổi, vú, tử cung,	Phar -12
38.	Kanamulin	Kanamycin, Tiamulin	Ông, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị hồng lý, tụ huyết trùng, hen suyễn, tiêu chảy phân trắng.	Phar -13
39.	Doxetyl-F	Doxycyclin, Tylosin	Ông lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị leptó, hen suyễn, phó thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy,	Phar -14
40.	Kanamycin-10	Kanamycin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin	Phar -15
41.	Phartylan-100	Tylosin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin	Phar -16
42.	Gentamicin-5	Gentamicin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Gentamicin	Phar 17
43.	Lincocin 10%	Lincomycin	Ông,lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin	Phar -23
44.	Phargentylo-F	Gentamicin, Tylosin	Ông, lọ	5; 10; 20; 50ml 100ml	Trị viêm phế quản, phổi, tiêu chảy, viêm ruột, suyễn, E.coli, phó thương hàn,	Phar -24
45.	Phar-Complex C	Vitamin B, C	Ông lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin, trị còi cọc kém ăn chậm lớn, suy gan, tăng sức đề kháng.	Phar -26
46.	ADE-Bcomplex	Vitamin A, B, D, E	Ông lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin, trị còi cọc, kém ăn chậm lớn, giảm đề, tăng sức đề kháng.	Phar -27
47.	Phar-nalgin C	Analgin, Vitamin C	Ông,lọ	5,10; 20; 50; 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, tăng sức đề kháng.	Phar -28
48.	Vitamin B ₁ 2,5%	Vitamin B ₁	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitaminB ₁	Phar -31
49.	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin C	Phar -32
50.	Vitamin K ₃ 1%	Vitamin K ₃	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin	Phar -33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
51.	Pharmectin	Ivermectin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nội và ngoại ký sinh trùng	Phar -38
52.	Phar-norcín 200	Norfloxacin	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml 500 ml, 1lit, 5 lit	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin	Phar -39
53.	Fertran-B12	Sắt (Fe), Vitamin B12	Ống, chai	2,5; 10; 20; 50ml; 100; 250; 500ml	Phòng, trị bệnh do thiếu sắt ở gia súc non	Phar -41
54.	Lidocain Inj	Lincocain HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Gây tê, giảm đau	Phar -42
55.	Nitroxynil Inj	Nitroxynil	Ống	5;10;20;50ml	Trị sản lá gan, sản lá ruột, giun xoắn, giun kết hạt, giun móc ở gia súc, lợn, chó.	Phar -47
56.	Pharsulin	Tiamulin	Lọ	100;250;500 ml	Trị bệnh hồng ly, suyễn,viêm màng phổi, Viêm khớp, Lepto của Lợn.	Phar -48
57.	Supermotic	Oxytetraxyclin Tylosin	Ống Lọ	10;20;50ml; 100;250;500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin, Oxytetraxyclin	Phar-02
58.	Norflo-T.S.S	Tiamulin, Colistin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin, Colistin	Phar-04
59.	Phardiasol	Neomycin, Colistin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hoá do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin, Colistin	Phar-07
60.	Phar-D.O.C	Colistin, Oxytetraxyclin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Oxytetraxyclin	Phar-08
61.	Lincoseptin	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị tiêu chảy phân trắng, viêm phế quản phổi, E.coli, kiết lỵ.	Phar-10
62.	Phar-S.P.D	Colistin, Kanamycin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Kanamycin	Phar-11
63.	Pharseptyl-L.A	Sulfamethoxypyridazin Trimethoprim	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với TMP và S.methoxypyridazin	Phar-36
64.	Enroseptyl-L.A	Enrofloxacin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	Phar-37
65.	Bocinvet- L.A	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do các vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên trâu, bò, lợn.	Phar-57
66.	Phar- Pulmovet	Theophyllin, Terpin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị ho, khó thở trên trâu, bò, cừu, lợn, chó, mèo	Phar-61
67.	Pharti- P.A.I	Ketoprofen	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Thuốc kháng viêm, giảm đau trên trâu, bò, ngựa. lợn	Phar-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
68.	Oxyvet-LA	Oxytetracyclin HCL	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phế quản, viêm khớp, hô hấp, THT, viêm vú, viêm tử cung, leptos	Phar-63
69.	Phar- Nagin	Dipyron	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa lớn, chó, mèo.	Phar-64
70.	Phar- Moxicla	Amoxycilin, Clavulanic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	Phar-65
71.	Pharcolapi	Ampicilin, Colistin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilin, Colistin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	Phar-66
72.	Prenacin	Spiramycin adipat	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phế quản phổi, viêm vú, viêm tử cung, đóng dấu, viêm khớp, viêm dạ dày ruột trên trâu, bò, dê, cừu, heo.	Phar-67
73.	Phartropin	Atropin sulfate	Ống, Chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Chống co thắt, dạ dày, ruột non, ruột già, vô niệu do co thắt trên ngựa, lợn, chó.	Phar-68
74.	Etos-Pharm	Delamethrin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị nhiễm ký sinh trùng ngoài da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	Phar-69
75.	Furo- Pharm	Furosemid	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị phù thũng trên bò, ngựa, lợn, chó, mèo	Phar-70
76.	Pharm-Cox	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gây tiêu chảy trên bê, nghé, lợn con	Phar-73
77.	Coli- Flox	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate, Atropin sulfate	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, lợn.	Phar-74
78.	Dexa-Pharm	Dexamethasone natri phosphat	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị dị ứng, viêm nhiễm độc, kích thích dê trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	Phar-75
79.	Prenacin II	Spiramycin adipat	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	Phar-76
80.	Coli- Flox Pharm	Flumequin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, gia cầm.	Phar-77
81.	Mecitin- Pharm	Ivermectin	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên bò, lợn, dê, cừu.	Phar-78

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
82.	L.S-Pharm	Spectinomycin, Lincomycin	Ông, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin và Lincomycin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm.	Phar-79
83.	Combi-Pharm	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate, Dexta, Chlorpheniramin	Ông, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, nhiễm khuẩn đường ruột trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm.	Phar-80
84.	Phar- Combido	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate, Dexta, Chlorpheniramin	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, nhiễm khuẩn đường ruột trên lợn con, chó, mèo, gia cầm.	Phar-81
85.	Pharthiocin	Thiamphenicol, Oxytetracyclin	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, PTH, THT, viêm phổi, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	Phar-82
86.	Bocin-Pharm	Florfenicol, Doxycyclin	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hoá, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	Phar-83
87.	Pharm-cox G	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh cầu trùng gà	Phar-85
88.	Pharmalgin – Max	Acid tolfenamic	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, chống viêm, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, chó, mèo.	Phar-92
89.	Giamho-T	Bromhexin	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Long đờm, giảm ho gia súc, kết hợp trị nhiễm khuẩn hô hấp.	Phar-96
90.	Talu-Pharm	Butaphosphan, Vitamin B12	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng lực, trị còi cọc, suy nhược, thiếu máu gia súc, gia cầm.	Phar-100
91.	Anta-Pharm	Promethazin	Ông, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	An thần, chống dị ứng trên gia súc, gia cầm.	Phar-101
92.	Pharpoltrim-Max	Sulphadiazin sodium, Trimethoprim	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn gây ra trên gia súc, lợn, gia cầm	Phar-102
93.	Neosol-Pharm	Neomycin sulfat, Oxytetracyclin HCl	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Phòng và trị bệnh bạch ly, thương hàn, tiêu chảy do E.coli, hen, CRD, Coryza, sưng đầu, tụ huyết trùng trên trâu bò, lợn, cừu, gia cầm.	Phar-103
94.	Pharmequin-Max	Flumequin	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn trên đường tiêu hóa, hô hấp tiết niệu ở gia súc, lợn, gia cầm.	Phar-104
95.	Decto-Pharm	Niclosamid, Levamisol HCl	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Tẩy giun sán phổ rộng trên gia cầm	Phar-105

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
96.	Phar-Pulmocin L.A	Tulathromycin	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp: phế quản, màng phổi, phổi, BRD, SRD trên bò, lợn.	Phar-106
97.	Ampi-Coli Pharm	Colistin (sulfate); Ampicilin (trihydrat)	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, lợn, chó, mèo, gia cầm.	Phar-107
98.	Dogen-pharm	Doxycyclin, Gentamicin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin, Gentamicin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm.	Phar-108
99.	Pharanox G	Colistin, Amoxycillin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin, Colistin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm.	Phar-109
100.	Enro SPD	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	Phar-110
101.	Enropharm-L.A	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	Phar-111
102.	Oracin-pharm	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm.	Phar-112

24. XI NGHIỆP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1.	Tetracycline	Tetracycline	Lọ	500 v	Uc chế tổng hợp protein vi khuẩn	TW-XI-25
2.	Tetracycline	Tetracycline	Lọ	500 v	Uc chế tổng hợp protein vi khuẩn	TW-XI-26
3.	Rhodol	NH ₃ SCN	Gói	5;10;20;50g	Trị tiêu chảy, phân trắng lợn con	TW-XI-29
4.	Glucose	Đường gluco	Gói	20; 50; 100g	Bồi bổ, giải độc, giải nhiệt	TW-XI-33
5.	Vitamin B1	Vitamin B1	Lọ	500 viên	Trị tê phù, đau dây thần kinh, suy nhược cơ thể, rối loạn tiêu hoá	TW-XI-34
6.	Vitamin C	Vitamin C	Lọ	500 viên	Trị bệnh do thiếu vitamin C, tăng sức đề kháng, chống Stress	TW-XI-35
7.	Vitamin C 10%	Vitamin C	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Hạ nhiệt, hạ sốt, tránh Stress do thay đổi thời tiết, vận chuyển.	TW-XI-66
8.	Doxylin	Doxycyclin	Túi	10;20;50;100;500g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp.	TW-XI-67
9.	Tetracyclin	Oxytetracyclin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Gr(-) gây ra.	TW-XI-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10.	Vitamin B - Complex	Vitamin B1, B2, B6, PP.	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin nhóm B, giải độc trợ lực, rối loạn trao đổi chất.	TW-XI-72
11.	Sulfatrim 480	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị viêm phế quản, viêm xoang, nhiễm trùng, tiêu chảy ở gia cầm	TW-XI-73
12.	Phu-TCT3	Sulfachlorpyridazin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g	Trị cầu trùng ỉa ra máu tươi, tiêu chảy, phân trắng, thương hàn, THT gia cầm.	TW-XI-74
13.	Phucosomic	Sulfachlorpyridazin, Trimethoprim	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, phân trắng, PTH, THT, viêm phổi, hen suyễn ở lợn do Mycoplasma.	TW-XI-76
14.	Levamisol 5%	Levamisol	Gói	4; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tẩy các loại giun tròn.	TW-XI-77
15.	Sultrim	Sulfachlorpyridazin, Trimethoprim,	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng, bệnh nhiễm trùng do E.coli của gia cầm.	TW-XI-78
16.	Tylosin	Tylosin	Gói	10; 20; 50; 100g	Phòng và trị CRD, viêm mũi, viêm phế quản, viêm xoang, viêm phổi, hen suyễn trên gia súc, gia cầm.	TW-XI-79
17.	Neo- Colistin	Colistin, Neomycin,	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên, trâu, bò, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm.	TW-XI-80
18.	Neo- Teramycin	Neomycin, Oxytetracyclin,	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột do E.coli, Salmonella, viêm phổi, CRD, CCRD, tụ huyết trùng trên lợn, bê cừu, gia cầm.	TW-XI-81
19.	Vetva Doxin	Doxycyclin Hyclate Tylosin tartrate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm.	TW-XI-93
20.	Vetva Amoxcoli	Colistin sulfate Amoxycillin trihydrate	Gói, xô, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng ỉa, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày-ruột, ỉa chảy do E.Coli và Salmonella, CRD trên gia súc, gia cầm.	TW-XI-95
21.	Penicillin G Potassium	Penicillin	Lọ	500.000 IU	Trị khuẩn gr (+) (tụ cầu, liên cầu, phế cầu khuẩn)	TW-XI-22
22.	PenicillinGpotassium	Penicillin	Lọ	1.000.000 IU	Diệt khuẩn gr (+) (tụ cầu, liên cầu,)	TW-XI-23
23.	Streptomycin Sulfat	Streptomycin	Lọ	19	Diệt khuẩn Gr (-) (cầu khuẩn, trực cầu khuẩn, trực khuẩn)	TW-XI-24

25. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NÔNG THÔN (RTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / tích	Thể	Công dụng	Số đăng ký
1.	Vitamin C	Vitamin C	Gói	50, 100g, 1kg		Bổ sung thức ăn, tăng cường sức đề kháng, chống stress	RTD-04
2.	DL-Methionine	DL-Methionine	Gói	50, 100, 500g; 1, 2kg		Giúp tổng hợp cholin, acid nucleotic, chuyển hoá mỡ, giải độc, tăng cường chức năng gan	RTD-05
3.	Đường Glucoza	Đường Glucoza	Gói	100g, 500g, 1kg		Cung cấp năng lượng, giải độc trong các trường hợp nhiễm độc,	RTD-06
4.	AD-B Complex	Vitamin A, D3, B2, B6, B1, Methionine	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg		Phòng và chữa các bệnh thiếu vitamin nhóm A, B, D, các trường hợp rối loạn trao đổi chất, trợ lực, giải độc, kích thích tăng trưởng.	RTD-08
5.	Tetracycline 500	Tetracycline HCL Vitamin A; D3; E	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg		Phòng và trị các bệnh như : hô hấp mãn tính, viêm đường ruột, tiêu chảy, cầu trùng	RTD-13
6.	RTD-Neocoli	Neomycine, Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1, 5, 10kg		Trị bệnh đường ruột, tiêu chảy, phân xanh, phân trắng, phân vàng,toi thương hàn, E.coli, phù đầu ở gia súc, gia cầm	RTD-14
7.	Eramix	Ampicillin, Erythromycin	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg		Dùng tẩm gà vịt, cút con 1 - 3 tuần tuổi, trị bệnh đường hô hấp, đường ruột cho gia cầm: viêm rốn, CRD, E.coli, Salmonella	RTD-15
8.	RTD-Coli S	Trimethoprim Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg		Trị ỉa chảy mất nước, phân trắng, phân xanh, hô hấp mãn tính, sưng mắt, phù đầu, chướng bụng đầy hơi, bệnh Gumboro ghép Coli, CRD	RTD-17
9.	B-Complex	Vitamin B1 Vitamin	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200 500g, 1, 2, 5, 10kg		Phòng và chữa các bệnh do thiếu Vit nhóm B , rối loạn trao đổi chất, trợ lực, giải độc.	RTD-19
10.	Điện giải AC	Vitamin C, Acid Citric	Gói	50, 100, 200, 500g, 1, 2, 5, 10kg		Dùng trong trường hợp mất cân đối điện giải do bị mất nước gây ra bởi các bệnh đường ruột, chống sốc cho gia súc, gia cầm chuyển chỗ, bị stress, trợ sức, trợ lực	RTD-22
11.	Gum gà	Vitamin C, Oxetetracycline	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg		Dùng phối hợp trong điều trị bệnh Gumboro và những bệnh kể phát gây ra ở gia cầm	RTD-23